

Tác Giả và Tác Phẩm

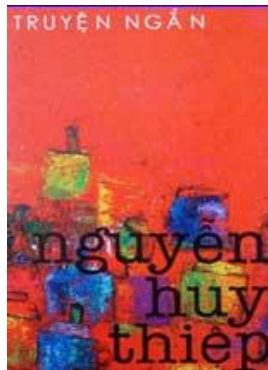
Nguyễn Huy Thiệp (II)

Tiểu sử

Thời thơ ấu sống ở Phú Thọ, Thái Nguyên, Vĩnh Yên

Tác phẩm

Truyện ngắn huyền thoại hoặc 'cổ tích':
Những Ngọn Gió Hua Tát, Con Gái Thủy Thần, Giọt Máu,
Muối Của Rừng, Cháy Đi Sông Ơi, Trương Chi.



Mục Lục

Sang sông - 2

Đọc lại “Sang sông” của Nguyễn Huy Thiệp – Trần Nhật Lý - 9

Giăng lưới bắt chim - 13

Giăng lưới bắt...lý luận – Vương Trí Nhàn - 16

Hà Nội ban đêm - 18

Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp “trong mắt” một nhà báo...8 X – Xuân Anh – 20

Bàn thêm về quà phở của người Hà Nội - 35

Nguyễn Huy Thiệp: Viết phải có mẹo – Hạnh Nhi – 37

Café Hàng Hàng - 39

Tượng tượng về Nguyễn Huy Thiệp - Vương Trí Nhàn - 43

Phụ đính :

Chăn trâu cắt cỏ - Thương nhớ đồng quê
Những bài học nông thôn - Muối của rừng

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Sang sông

Sang đò có một nhà sư, một nhà thơ, một nhà giáo, một tên cướp, hai tên buôn đồ cổ, hai mẹ con, một cặp tình nhân và chị lái đò.

Chị lái đò bắc tấm ván cầu để hai tên buôn đồ cổ đẩy chiếc xe máy lên đò. Tên cao gầy bảo tên mặc áo ca rô:

- Cần thận!

Đấy là tên này bảo bạn nó cần thận ôm cái bọc vải trên tay, trong ấy có cái bình cổ.

- Giúp với!

Tên cao gầy nói với người đứng sau. Người ấy là nhà thơ.

Họ loay hoay đẩy chiếc xe máy lên tấm ván cầu. Nhà thơ vụng về níu chiếc xe máy lật nghiêng. Anh khuy đầu gối xuống nước. Đôi trai gái đứng trên bờ bật cười. Cô gái nói với người yêu:

- Giúp họ một tay!

Chàng trai cởi áo khoác đưa cho cô gái. Anh đến chỗ xe đổ.

Chiếc xe được nâng lên, đẩy vào khoang đò, nơi có hai mẹ con ngoài thành phố về thăm quê. Người mẹ ba mươi hai tuổi, xinh đẹp, đài các. Đứa con trai chín tuổi trông rất khác khỉnh. Chiếc xe máy quay ngang trong lòng đò, chạm vào người thiếu phụ. Thiếu phụ cau mặt. Tên cao gầy nhanh nhẩu:

- Xin lỗi chị.

Tên cao gầy cúi xuống phải vết bầm ở đầu gối thiếu phụ. Thiếu phụ hát tay hấn, quay mặt đi.

Đằng sau họ, nhà sư đang kể chuyện cho ông giáo nghe về đức Bồ Đề Lạt Ma:

- Khi ngài ngồi điện bích ở Tụng Sơn, Huệ Khả đến chặt tay mình để xin pháp ấn, nói rằng: “ Bạch thầy, tâm con không an” . Ngài bảo: “ Người đưa tâm của người ra đi” . Huệ Khả đáp: “ Bạch thầy, con tìm tâm mãi mà không thấy” . Ngài bảo: “ Đó! Đó là ta đã an tâm cho người rồi đó” . Thế là Huệ Khả giác ngộ...

Tên mặc áo carô ôm bọc vải vào lòng ngồi cạnh nhà sư. Đây là chỗ an toàn nhất trong đò. Ông giáo không bằng lòng:

- Cái anh này! Sao chen vào đây?

Tên mặc áo carô khép nép:

- Cụt xá lỗi! Con đang giữ trong tay báu vật. Vỡ cái bình này thì sạt nghiệp.

- Bình gì thế?

Tên mặc áo carô hơi co người lại.

Cặp tình nhân xuống đò. Họ ngồi ở mũi đò, sau chỗ chị lái đò. Chàng trai đưa tay vớ lấy chiếc áo khoác trên đùi cô gái. Tay anh chạm vào làn da. bụng âm ấm của cô. Anh để yên, không rút tay ra nữa. Cô gái đỏ mặt, lấy chiếc áo khoác trùm lên tay ánh.

Nhà thơ ngồi chên vênh ở bên mạn đò. Anh khỏa tay xuống nước làm đò chao nghiêng. Tên cao gầy cau mặt vỗ vai nhà thơ:
- Ông anh đừng đùa! Chết ráo cả bây giờ.

Nhà thơ ngơ ngác:
- Nước trong quá! Nhìn thấy những con cá thần tiên dưới đáy.

Tên cao gầy bật cười:
- Thật chịu thầy! Tôi chỉ thấy có cá diếc thôi!

Chú bé chen vào hùa với nhà thơ:
- Cá thần tiên đấy!

Tên cao gầy lia mắt vào lòng thiếu phụ:
- Con ơi, con hỏi mẹ con xem đây là cá diếc hay cá thần tiên?

Thiếu phụ luống cuống, khép đui lại, kéo tay chú bé.

Chị lái đò đẩy sào. Chiếc đò rời bến. Trời chiều mây xám. Một cánh chim bay về phía núi. Con đò xoay ngang.
- Đò!

Tiếng gọi gay gắt từ trên bờ đất vang lên. Tên cao gầy khoát tay:
- Kệ họ!

Chị lái đò lưỡng lự đẩy sào.
- Đò!

Tiếng gọi lần này lại gay gắt hơn. Con đò hướng mũi vào bờ.

Từ doi đất đi xuống là một người cao lớn, khoác túi, trông dáng phong trần. Nhảy một bước, anh ta đã ở trên đò. Nước sông bắn cả vào nhà sư.

Nhà sư giật mình, thốt lên:
- A di đà Phật!

Ông giáo lẩm bẩm:
- Người với ngợm, trông như tướng cướp.

Kẻ ấy là tướng cướp thật. Hắn cười nhả nhặn như để xin lỗi mọi người rồi thản nhiên cầm lấy tay chèo. Hắn quần chiếc túi vải lên đầu tay chèo rồi vừa kẹp tay chèo vào nách để châm thuốc lá vừa nháy mắt nói với chị lái đò:
- Trời chẳng nắng, trời chẳng mưa. Thoắt cái mà đã xế trưa mất rồi!

Chị lái đò bâng quơ:
- Giông bão gì đâu mà quạ xuống núi?

Tên cướp vui vẻ:
- Có cổ cướp, người ta mời. ông lão sáu mươi lấy cô mười bảy.

Mọi người trên đò lặng ngắt. Chẳng ai ưa lối trò chuyện này. Chỉ có cặp tình nhân không chú ý gì Chàng trai luồn bốn ngón tay qua lần chun quần cô gái. Cô gái định làm một cử chỉ cưỡng lại nhưng sợ mọi người chú ý nên lại ngồi im.

Tiếng chèo khua rất khẽ.

Tên mặc áo carô ngủ gà ngủ gật.

Ông giáo tiếp tục câu chuyện:

Bạch thầy! Bản chất đời sống con người có sự ác. Con người chạy theo dục tình, tiền bạc, danh vọng hão huyền.

Nhà sư đưa mắt nhìn vào lòng bàn tay. Bạch thầy! Đâu đâu con cũng thấy toàn là súc vật. Mọi sự thấy súc vật hết. Cả sự chung tình cũng là súc vật. ý thức hướng thiện cũng súc vật nốt.

Nhà thơ ngâm khe khẽ:

- Chỉ có ta, cô đơn giữa bầy...

Thiếu phụ bóc một quả cam đưa cho chú bé. Chú bé lắc đầu.

Tên cao gầy rút bao thuốc lá mời nhà thơ. Nhà thơ nhận ra một nốt ruồi ngay tinh mũi hấn. Anh lắc đầu:

- Cái nốt ruồi kinh quá!

Tên cao gầy trở mắt:

- Sao thế?

- Anh có thể thoát cái giết người như bỡn.

Nhà thơ đưa tay cửa ngang cổ mình:

- Như thế này này...

Tên cao gầy bật cười:

- Sao biết?.

Nhà thơ lấp bắp, anh không tin chắc điều mình nói nữa:

- Tôi là nhà tiên tri thấu thị.

Chú bé níu lấy tay anh:

- Thế còn cháu thế nào hả chú?

Nhà thơ chăm chú nhìn sâu vào mắt chú bé, nhận ra một nỗi buồn khắc khoải tê dại như thể của tổ tông truyền lại cho nó, lẫn ở đáy có những vắn đở nhỏ li ti.

Anh ngần ngại hỏi:

- Cháu có dám mơ mộng không?

Chú bé gật đầu quả quyết:

- Có!

Nhà thơ mỉm cười:

- Vậy cháu bắt hạnh.

Thiếu phụ thở dài. ông giáo lẩm bẩm:
- Đâu đâu cũng rất những phường điêu trá.

Cô gái ngồi ở đầu mũi đò chựa quậy. Người yêu của cô luồn bốn ngón tay sâu thêm chút nữa vào trong quần lót của cô. Cử chỉ của anh không lọt qua mắt thiếu phụ. Bằng kinh nghiệm riêng đàn bà, thiếu phụ biết cặp tình nhân đang giở trò khi.

Ông giáo ngâm ngợi:

*Góc danh lợi bùn pha sắc xám
Mặt phong trần nắng r ám mùi dâu
Nghĩ thân phù thê mà đau
Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê
Mùi tục lụy lưới tê tận khổ
Đường thê đồ gót rổ kỳ khu
Sóng còn cửa bể nhấp nhô
Chiếc thuyền bào ảnh lô xô mặt ghềnh...*

Nhà thơ reo khê:
-Hay quá! Thơ của ai thế cụ?

Ông giáo trả lời:
- Đây là Nguyễn Gia Thiều.

Nhà thơ thở dài:
- Tiếc thật...Tay nào hay thì đều toi cả...Văn chương chết đoán hết...

Cô gái ngồi ở đầu mũi đò bật lên tiếng rên khe khê.

Thiếu phụ nhìn sâu vào mắt cô gái rửa thằm:
- Đồ đĩ!

Cô gái nhận ra lời rửa bèn quay mặt đi nhưng vẫn bị ánh mắt thiếu phụ dõi theo. Không chịu nổi, cô gái trừng tráo nhìn thẳng vào mắt thiếu phụ thừa nhận:
- ừ thì đĩ!

Chú bé bật cười vì nhìn thấy rớt dãi ở mép của tên buôn đồ cổ mặc áo ca rô. Mắt hắn dứ lại, đầu cứ thúc lia lịa vào mặt nhà sư.
Chiếc bọc vải trên tay của tên mặc áo carô tỳ hẳn lên đùi ông giáo. ông bực mình, giằng lấy chiếc bọc vải làm sợi dây buộc ra để lộ chiếc bình.

Tên mặc áo carô tỉnh ngủ, giật mình:
- Cháu xin lỗi cụ!

Ông giáo nâng chiếc bình lên tay ngắm nghía thán phục:
- Chiếc bình đẹp quá!

Ông giáo quay sang bên cạnh:
- Bạch thầy! Chiếc bình này thời nào?

Nhà sư ngược lên, trong ánh nhìn lóe một tia sáng thậm chí giống hệt dục vọng:

- Bình gốm thời Bắc thuộc, đời Lý Bí hay Khúc Thừa Dụ...

Ngần ngừ giây lát, nhà sư đưa bàn tay sờ lên miệng bình:
Chùa Tương có cái bình thế này, bán đi đủ tiền xây lại tam quan.

- Một cây đậy!

Tên cao gầy hãnh diện đỡ lấy chiếc bình trên tay ông giáo. Tên cướp dừng chèo, không điều gì trong đồ lọt qua mắt hắn.

Cô gái ngồi ở cuối đò xoay người, tránh một cử chỉ quá trớn bất cẩn của người yêu cô. Chàng trai bực mình rút tay khỏi lòng cô gái. Anh len lén chùi tay vào khe ván đò nhưng không làm sao gạt được sợi lông loăn xoăn dính ở ngón tay. Ngay lúc ấy, một ý nghĩ hiện lên khiến anh tự dừng câu bản.

Anh ngồi nhích xa cô gái:

- Đàn bà...quý sử...Tất cả đều chẳng ra gì... Bẩn thỉu...

Cô gái duỗi thẳng chân. Vẻ thất vọng của cô làm cho thiếu phụ chú ý. Thiếu phụ cười nụ, không giấu được vẻ hả hê trong mắt.

Nhà thơ xem xét chiếc bình, thán phục:

- Hàng nghìn năm lịch sử...Kinh thật! Ngày xưa có cô công chúa đựng nước gội đầu ở bình này đấy!

Tên cao gầy mỉm cười:

- Tôi tưởng bình đựng rượu?

Nhà thơ gạt đầu:

- Đúng rồi! Thế kỷ XIII, khi quân Nguyên Mông sang, có tráng sĩ đã dùng bình này đựng rượu...Thế kỷ thứ XV người ta chôn nó xuống đất.

- Thật chịu thầy! - Tên cao gầy thú vị. - Chiếc bình này chắc nhiều sự tích phải không?

Tất nhiên rồi. - Anh nheo mắt lại. - Có năm mươi sự tích.

Ông giáo đánh rơi chiếc cặp trên tay. Tên mặc áo ca rô nhặt hộ tờ giấy, thấy ở đấy có chữ ghi chép. Hắn liếc mắt đọc:

Nhân loại có bản phận làm việc không ngừng để sáng tạo những người cao thượng; đó là nhiệm vụ của con người, và chẳng có việc gì khác nữa (Nitsơ). Tôi thường nói với nghệ sĩ - và tôi còn nói mãi - rằng cùng đích những xung đột trong vũ trụ và loài người chính là nghệ thuật trình diễn kịch, bởi vì những xung đột đó không có một công dụng nào nữa (Gơtơ)“ .

Tên mặc áo carô đưa trả ông giáo tờ giấy. Hắn lễ độ:

- Chữ cụ tươi quá!

Ông giáo cầm tờ giấy, chua chát nói:

- Chữ à! Văn tốt chữ tươi thì nghĩa lý gì?

Chú bé dựa vào lòng nhà thơ. Chú đút tay vào trong miệng bình. Thiếu phụ hốt hoảng:

- Này con! Khéo không rút tay được ra thì khôn!

Có lẽ lời nhắc nhở của thiếu phụ chính là lời rủa của tạo hóa, ở đấy chứa cả nỗi căm uất quá khứ. Tên cao gầy giật mình. Hấn bảo chú bé:

- Rút tay ra!

Nhà thơ bông đùa:

- Đút tay vào lịch sử thì kẹt ở đấy còn lâu!

Chú bé loay hoay. Hình như miệng của chiếc bình bé lại. Chú bé mếu máo:

- Mẹ cứu con!

Mọi người trong đò rồi rít cả lên. Chú bé không sao rút tay ra được miệng bình.

Thiếu phụ sợ hãi:

- Làm sao bây giờ?

Tên mặc áo carô ngồi xuống đỡ lấy chiếc bình, hấn vừa xoay chiếc bình vừa căn nhắc:

- Đò quý! Nghịch hết chỗ nói!

Chú bé oà khóc. Tên cao gầy bắt đầu nổi giận.

Tên cướp không chèo nữa. Hấn đến gần, xem xét.

Hấn khuyên chú bé:

- Kéo mạnh tay ra!

Tên cao gầy nhăn mặt, giọng khàn lại:

- Cần thận không vỡ chiếc bình!

Chỉ còn một thoi chèo nữa là đò cập bến. Dòng sông lặng ngắt như tờ. Đã thấy khói lam chiều ở phía làng xa.

Cặp tình nhân cũng rời chỗ ngồi đến gần chú bé. Người ta tìm đủ cách gỡ chiếc bình ra.

Chú bé nước mắt lưng tròng.

Nhà thơ đùa cợt, rõ ràng chẳng hợp tình cảnh chút nào:

- Chỉ còn cách chặt tay chú bé để cứu chiếc bình, sau đó lại đập vỡ bình cứu tay chú bé.

Thiếu phụ khóc lóc, rên rỉ:

- Trời ơi...khổ quá!

Tên cao gầy đỡ lấy ~ chiếc bình. Hấn kéo mạnh.

Đây là cổ găng cuối cùng. Cổ tay chú bé đỏ hồng, xước cả da.

- Chịu!

Tên cao gầy khăng định. Hấn đứng dậy, thò tay vào trong ngực áo. Tên mặc áo carô hiểu ý bạn hấn.

Chiếc đò cập bến. ở trên bờ không một bóng người.

Gió lạnh thổi.

Tên cao gầy và tên mặc áo carô lăm lăm hai mũi dao nhọn. Tên cao gầy nói với thiếu phụ, dứt khoát, lạnh lùng. Chiếc bình này một “cây” bà chị tính sao thì tính!

Thiếu phụ sợ hãi, ôm chặt chú bé:

- Trời ơi...tôi không mang tiền...

Sực nhớ ra, thiếu phụ vội vã tháo ở ngón tay chiếc nhẫn.

Tên cao gầy hất đầu cho tên mặc áo carô. Tên này cầm ngay chiếc nhẫn đút vào túi áo.

Tên cao gầy dí dao vào cổ chú bé. Một giọt máu ứa ra nơi đầu mũi dao. Giọt máu chảy từ từ trên vệt lang ben trắng bạch.

- Làm sao thế.

Ông giáo lập cập đánh rơi cả kính. Mũi dao ấn sâu hơn nữa. Một tia máu nhỏ phun vào bàn tay ông giáo. Cô gái đứng bên chàng trai ôm mặt rú lên, ngã~ cạnh thành đồ.

Chàng trai đẩy nhà thơ ra, anh tháo chiếc nhẫn ở tay chia cho tên mặc áo carô.

Anh nói, giọng như ra lệnh:

- Các người bỏ thằng bé ra! Thiếu phụ thôi khóc. Chị hơi ngạc nhiên trước cử chỉ của chàng trai trẻ.

Tên cao gầy đảo mắt. Mũi dao lún sâu dần vào cổ chú bé. Tên mặc áo carô cầm lấy chiếc nhẫn trên tay chàng trai. Tên cướp sấn vào, hấn dẫm vào chân chú bé. Chú bé rú lên. Tên cướp nghiêng người, xô cả vào người ông giáo. Chiếc túi vải khoác trên vai hấn rơi xuống, đổ ra lũng củng các thứ đồ nghề rõ ràng chẳng phải lương thiện chút nào. Chiếc côn nhị khúc, chùm chìa khóa đến năm chục chiếc khác nhau, lưới lê, còng số 8, cuốn lịch xem ngày tốt xấu ó vàng rách nát... Tên cướp nhét vội đồ nghề cho vào túi vải. Hấn cầm chiếc côn lên tay đập đập. Hấn nói:

- Việc đã lỡ rồi, coi như vận xấu, đi buôn lỗ vốn!

Tên cao gầy trừng mắt lên nhìn. Tên cướp nửa đùa nửa thật:

- Thôi đi! Trẻ con là tương lai đấy! Làm gì cũng phải nhân đức hàng đầu.

Tên cao gầy lưỡng lự, để lỏng mũi dao. Ngay lúc ấy, chiếc côn trên tay tên cướp bổ mạnh vào miệng chiếc bình.

Chiếc bình vỡ.

Nhà thơ thở phào, anh tán thưởng:

- Có thể chứ!

Chú bé quy vào lòng mẹ. Hai mẹ con ôm nhau khóc. Tên cao gầy và tên mặc áo carô sững sờ, chúng quay sang phía tên cướp, lăm lăm lưới dao. Tên cướp lùi dần rồi nhảy lên bờ. Hấn xoay chiếc côn nhị khúc trên tay.

- Vô ích, - hấn thản nhiên nói.

Mà vô ích thật. Rõ ràng là thế.

Chàng thanh niên đỡ cô gái dậy. Cô gái mỉm cười. Cô biết, cô sẽ yêu anh mãi mãi.

Nhà thơ lăm bằm.

Tình yêu làm cho con người cao thượng.

Hai tên buôn đồ cổ cắt dao rồi đẩy xe máy lên bờ.

Chúng lau bầu chửi rửa đến khi ngồi lên xe máy. Ông giáo bàng hoàng. Sự việc xảy ra khiến ông kinh ngạc:

- Trời! Anh ấy dám đập vỡ bình! Thật đúng là một anh hùng! Một nhà cách mạng! Một nhà cải cách!

Chị lái đồ giấu nụ cười thầm. Chị biết, vô phúc cho ai một mình gặp hấn trong đêm..

Nhà thơ nhặt mấy mảnh gốm đưa cho thiếu phụ. Anh giải thích:

- Để làm kỷ niệm.

Anh cúi xuống đỡ người chú bé. Mọi người lần lượt lên bờ. Bóng chiều tan dần. Trên đò còn lại nhà sư vẫn ngồi bất động.

Chị lái đồ dè dặt:

- Bạch thầy! Mời thầy lên bờ.

Nhà sư lắc đầu:

- Thôi, tôi nghỉ lại rồi...Cho tôi quay về.

Ngần ngừ giây lát, ông lương lự nói:

- Tôi sẽ đi sau.

Chị lái đồ tần ngần nhìn những vì sao cuối trời:

- Bạch thầy, về bên kia sông con không đi nữa.

Nhà sư vui vẻ, cười khế:

- Không sao! Muốn đi là được. Ngày xưa, đức Bồ Đề Lạt Ma còn sang sông trên một cọng cỏ cơ mà...

Chiếc đò quay về bến cũ. Bóng chị lái đồ và nhà sư nổi bật ở trên dòng sông phẳng lặng. Trăng lên, tiếng chuông ngân nga êm đêm. Nhà sư thầm thì đọc câu thần chú:

- Gate gate! Para gate! Para para san gate!

Đọc lại “Sang sông” của Nguyễn Huy Thiệp Trần Nhật Lý

Tưởng sẽ có án mạng, nhưng mọi việc lại được giải quyết ổn thoả. Hậu quả sau cuộc xung đột chỉ là một cái bình sứ bị vỡ. Kết cục ấy chấp nhận được. Mọi người lên bờ an toàn, vui vẻ. Chỉ có hai tên buôn đồ cổ là bực bội: "Chúng lau bầu chửi rửa đến khi ngồi lên xe máy".

Nhưng chẳng sao, "việc đã lỡ rồi, coi như vận xấu, đi buôn lỗ vốn". Rồi ra, chỉ còn lại những đối thoại rời rạc, nhặt nhéo giữa những người khách vãng lai tình cờ gặp nhau trên một chuyến đò. Chuyện có vậy, cần gì phải huy động cả một dàn nhân vật gồm nhà sư, nhà giáo, nhà thơ, hai tên buôn đồ cổ, hai mẹ con, một cặp tình nhân, tên cướp và chị lái đồ. Mười một con người, mười một gương mặt mờ nhạt. Theo tiêu chí của chủ nghĩa hiện thực truyền thống, đó là những nhân vật không đạt yêu cầu cả khái quát hóa lẫn cá biệt hóa. Nhưng Nguyễn Huy Thiệp đâu có miêu tả nhân vật. Người trên đò là một tập hợp đủ các thành phần nam phụ lão ấu, quân tử tiểu nhân, thiện và ác... Rõ ràng chuyến đò là sự mã hóa chúng sinh hữu tình trôi lăn theo bánh xe sinh tử luân hồi. Có khác chăng so với chúng sinh trong kinh luận Phật giáo thì đó là chúng sinh có xe

máy, có còng số 8, có lưới lê, có bọn buôn đồ cổ, có nhà thơ đại vọng ngữ, có nhà giáo nguyên rủa đạo lý... Nói tóm lại, đó là chúng sinh thời mở cửa, thời kinh tế thị trường.

Một mệnh đề phủ định

Những người trên đồ khác nhau về danh phận, giới tính, tuổi tác, nhưng có một điểm chung: phủ nhận thực tại. Nhà sư mới bị nước sông bắn vào người đã vội cầu cứu Phật A-di-đà. Sự tích trao truyền tâm ấn đầy bí ẩn có giáo hóa được ai không, chưa biết, nhưng ai cũng biết nhà sư đã xác định vị thế của mình: ta đứng ngoài vòng tục lụy. Nhà giáo phủ nhận thực tại thật rõ ràng, triệt để. Ông nói: "Đâu đâu... cũng thấy toàn là súc vật. Mọi sự thấy súc vật hết. Cả sự chung tình cũng là súc vật. Ý thức hướng thiện cũng súc vật nốt". Ở một chỗ khác, ông khẳng định lại: "Đâu đâu cũng rất những phường điêu trá". Việc ông nói dối đầy chua chát "Chữ à! văn tốt chữ tươi thì nghĩa lý gì?" và ngâm ngợi đoạn thơ thờ than về thân phù thế trong *Cung oán ngâm khúc* cho thấy ông là người của chủ nghĩa yếm thế. Có thể ông còn là một nhà hiện sinh hạng tồi, vì bắt lượm trước một "thời đại mất Chúa", ông chỉ biết vợ đưa cả nắm đũa để mặt sát, chửi rủa. Nhà thơ vui vẻ, cởi mở. Nhưng độ chỉ là cách thù tiếp xã giao của kẻ ý thức mình khác thiên hạ. Anh phủ nhận thực tại bằng một phán đoán toàn xưng xanh rờn: "Tiếc thật... tay nào hay thì đều toi cả... văn chương chết đoán hết". Tạo hóa sinh ra anh là để anh mơ mộng. Cá dưới sông anh ngỡ là cá thần tiên. Anh đồng đánh cả với mạng sống của mọi người: "Nhà thơ ngồi chên vênh ở mạn đò. Anh khoả tay xuống nước làm đò chao nghiêng". Anh tự tách mình ra khỏi cộng đồng và xem đó như là nỗi bất hạnh ngọt ngào: "Chỉ có ta, cô đơn giữa bày...". Thiếu phụ khác người trước hết bởi nàng xinh đẹp, đài các, sau nữa bởi nàng tỏ thái độ bực bội, khinh khi với những kẻ đồng hành. Đáp lại hành vi xin lỗi của tên buôn đồ cổ, "thiếu phụ hất tay hấn, quay mặt đi". Nàng xét nét theo dõi đôi trai gái và buông một lời rủa nặng nề: "Đồ đi!". Bọn buôn đồ cổ ẩn dao vào cổ chú bé mà không cần đếm xỉa đến người trên đò, xem họ có cũng như không. Đôi tình nhân phủ nhận thực tại theo một cách khác. Họ ứng xử tình dục giữa ban ngày, bất chấp sự có mặt của những người xung quanh. Ngay cả chú bé 9 tuổi cũng không chịu thừa nhận con cá thực tại: "Cá thần tiên đấy".

Còn lại hai người. Chị lái đò bằng lòng với cuộc sống lao động bình dị, ngày ngày đưa khách sang sông. Tên cướp phải đối mặt với rủi ro, với sự khinh miệt, với sự truy đuổi, bắt bớ, tù tội và án tử hình. Cả hai con người của thực tại đều bị những người trên đò vô hiệu hoá. Không chấp nhận thực tại, nhưng thực tại vẫn ở đó, lý lợm thách thức các bậc đạo cao đức cả. Quay lưng với thực tại, họ đã chối bỏ trách nhiệm cá nhân trước cộng đồng, mà đó lại là điểm châu tuần về quan niệm đạo đức của tôn giáo. Rõ ràng họ là tập hợp những kẻ vô đạo, hèn nhát, ích kỷ. Ta mới hiểu tại sao Đấng Cứu thế phải ngã lòng đến vậy vì bày chiền lạc, tại sao Đức Phật gọi họ là chúng sinh thời mặt pháp. Họ khuất phục trước sự ác là lý đương nhiên. Khi chú bé gặp nạn, nhà sư, nhà giáo, nhà thơ im lặng! Thiếu phụ khóc lóc rên rỉ. Hành động nghĩa cử cao nhất dừng lại ở chiếc nhẫn của chàng trai, và cũng chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ lay động tâm hồn cô gái: "Cô biết, cô sẽ yêu anh mãi mãi".

Sau khi đập vỡ chiếc bình để cứu chú bé, tên cướp nhảy lên bờ, xoay chiếc côn nhị khúc trên tay và nói: "Vô ích!". Đó là lời thách thức hai tên buôn đồ cổ? Có thể lắm. Nhưng lời kể trực tiếp kể ngay liền: "Mà vô ích thật. Rõ ràng là thế.", thì sự thể lại khác. "Vô ích" không còn là lời thoại nữa. Nó thực sự trở thành vị ngữ của mệnh đề phủ định mà chủ ngữ là những gì hiện diện trên đò, kể cả chiếc bình gốm. Cái chứng tích lịch sử ấy cho dù có đẹp, có cổ kính đến mấy, cho dù người ta đắp trát lên nó rất nhiều giai thoại mượt mà, nhưng nó chỉ là đối tượng cho những bậc mũ cao áo dài huyền đàm diệu luận, khi đối mặt với cái ác, nó vô dụng, thậm chí còn đồng lõa, thì nó cũng đáng bị

đập vỡ để giải phóng con người.

Một bến bờ thế tục

Đến bờ bên kia, mọi người đi tiếp, trừ nhà sư. Tại sao thế nhỉ, điều gì đã cản trở nhà sư vân du?

Nhà sư, với khát vọng Bồ tát, muốn cứu độ chúng sinh từ bến đục sông mê qua *bờ giác*. Đó là bốn nguyện thật đáng trân trọng. Để thực hiện ý tưởng đó, vị Bồ tát của chúng ta sử dụng *phương tiện* thiện xảo. Ông kể về sự tích Nhị tổ Thiền tông Huệ Khả tự chặt tay mình để xin pháp ấn của Sơ tổ Bồ đề Đạt Ma. Nhưng ông đã thất bại. Những người trên đò không cần biết "tâm ấn Phật" đã được trao truyền như thế nào giữa sư và đệ, cho dù câu chuyện có lâm li đến mấy. Họ bận rộn với đời sống hiện tiền lấm bết bụi hồng, không hơi đâu mà bi lụy với cái sự tích chặt tay, chặt chân từ muôn năm cũ. Nhà sư đã phạm sai lầm, vì ông quên chân lý cứu cánh không phải là cảnh giới của ngôn ngữ, ngôn thuyết không với tới được, không thể ghi dấu, không phải là đối tượng của lý luận và tư biện. Cũng như những bậc "thiện trí thức" đương đại, có thể ông thuộc nhiều kinh luận, nhưng lại không nắm được yếu chỉ thiền tông. Ông nói: "Khi ngài ngồi diện bích ở Tung Sơn, Huệ Khả đến...". Sao, đức Bồ đề Đạt Ma từ Tây sang khai sáng ngành Thiền Đông độ, suốt 9 năm chỉ ngồi ngó vách (diện bích) vô vị như thế ở chùa Thiếu Lâm? Bài "Luận về phép an tâm" được coi là của Bồ Đề Đạt Ma có câu:

"An tâm đó, đó là Bích quán"

và ý nghĩa thâm hậu của phép an tâm, đã đưa Bồ đề Đạt Ma lên địa vị Tổ sư của Đại thừa Bích quán nằm cả trong bài pháp sau đây:

*Ngoại tức chư duyên
Nội tâm vô suyễn
Tâm như tường bích
Khả dĩ nhập đạo
(Ngoài bật hết duyên
Trong không vọng động
Tâm như tường vách
Có thể nhập đạo)*

Vậy, "ngó vách" chỉ là cách nói hình tượng rất phổ biến trong Thiền thư kiểu *Cây bách trước sân, Ba căn gai, Nấu bánh...*

Thế mới biết nhà sư của chúng ta tiếp thụ giáo nghĩa quá ư máy móc. Cũng phải, vì đó là nhà sư thời kinh tế thị trường. Chẳng thế mà khi nhìn thấy chiếc bình cổ giá một "cây" vàng, "Nhà sư ngước lên, trong ánh mắt loé một tia sáng thậm chí giống hệt dục vọng". Sự vô minh do cách hiểu biết kinh viện đã làm cho ông chưa có được Đạo nhãn. Chiếc đò không phải là *chiếc bè pháp*, bờ bên kia không phải là *bờ giác*. Nó vẫn đơn thuần là chiếc đò và bến bờ thế tục. Việc nhà sư quay trở lại cho thấy lý tưởng Bồ tát nơi ông sụp đổ. Có điều, ông vẫn chứa chan hy vọng, sẽ có lúc với phép thuật vô biên, ông sang sông trên một cọng cỏ như đức Bồ đề Đạt Ma.

Ông niệm thần chú trong Bát Nhã Tâm Kinh:

"Gate gate! Para gate! Parasam gate!"

(Đi qua đi qua! Qua bờ bên kia! Qua đến bờ bên kia!)

Ông đã cắt bỏ phần cuối, vốn là lời chúc lành của chân ngôn: *"Bôdhi Svaha!"*. Ông biết ông không xứng với lời chúc đó. Nhà sư đã không thực hiện được công hạnh phổ độ chúng sinh thoát khổ. Nhà sư đáng thương, hay đáng kính, hay cả hai? Điều này còn tùy thuộc độc giả tiếp nhận giáo lý đạo Phật từ giác độ nào.

Sự phá vỡ mô hình

Không ai ưa tên cướp. "Mọi người trên đò lặng ngắt". Trông tướng mạo hần dử dần, bắt lương, nhà giáo xếp loại ngay: hần là tướng cướp. Đã là tướng cướp thì dứt khoát không được làm việc thiện. Vậy mà hần đã làm. Hần cứu chú bé. Người trong truyện không chấp nhận hần đã đành, người ngoài truyện tỉnh táo hơn, sáng suốt hơn cũng không chịu nhượng bộ: "Truyện *Sang sông...* gặp phản ứng không nhỏ của dư luận: giữa lúc những tệ nạn xã hội như nạn trộm cắp, nạn trộm cắp đang đe dọa an toàn xã hội mà *Sang sông* lại có những tên cướp lương thiện thì không khỏi trở thành trạng sư cho cái ác". (Trần Thị Mai Nhị, sách *Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp*, Nxb Văn hoá Thông tin 2001, tr. 507). Nhưng chẳng sao, tất cả sẽ được điều chỉnh. Tên cướp không được quyền cứu chú bé. Người trên đò bắt lặc. Vậy, cứu chú bé chỉ có thể là: *"Một anh hùng! Một nhà cách mạng! Một nhà cải cách!"* (như cách phân loại lại của anh nhà giáo). Tính hài ở đây nhuộm màu bi kịch. Nó cho thấy cách nhìn nhận con người sơ lược, một chiều kiểu nhân vật loại hình một thời thống trị văn đàn đã trở thành vấn nạn. Chị lái đò ít chữ nghĩa, không bị dính mắc bởi những vọng kiến nhị biên, nhìn nhận thế giới như nó vốn có, nên chị đúng. Chị chế nhạo anh nhà giáo bằng cách "giấu nụ cười thầm. Chị biết, vô phúc cho ai một mình gặp hần trong đêm". Hần vẫn là tên cướp.

Đã có một chương ngại lẩn quất đầu đó, không thể vượt qua để mọi người có thể chấp nhận hần. Giả dụ thêm một đoạn ngoài cốt truyện, rằng hần bị công an bắt, bị tòa án hai cấp xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, rồi được hưởng lệnh đặc xá của Chủ tịch nước nhân dịp Quốc khánh. Hần ra trại với một tấm chứng chỉ cải tạo tốt của Ban quản giáo. Tóm lại, hần được các cơ quan có thẩm quyền cho phép hoàn lương. Lúc ấy hần mới bước lên đò. Nếu vậy, *Sang sông* khỏi phải "gặp phản ứng không nhỏ của dư luận", bởi đoạn ngoài cốt truyện ấy là trật tự mô hình. Cái cộng đồng tạo ra sự phản ứng không nhỏ vốn đã quá quen thuộc với các loại mô hình đúc sẵn. Người viết chỉ cần thêm vào chút đỉnh màu mè, ví như hoặc nói lấp, hoặc cái nốt ruồi đầu đó, hoặc bắt chước Vũ Trọng Phụng "biết rồi, khổ lắm, nói mãi"... là đã có được nhân vật vừa cá biệt, vừa khái quát, đủ cho ra lò những tác phẩm xôm trò gồm ba tính chất dân tộc - khoa học - đại chúng. Ấy vậy mà Nguyễn Huy Thiệp lại dám phá vỡ mô hình, ném vào giữa thế gian một "tên cướp lương thiện" hoang dã, chưa qua một lò đúc sẵn nào.

Ta đã biết người trên đò là sự mã hoá chúng sinh thời hiện đại. Vậy, chừng nào ta còn phân tích nhân vật một cách kinh viện theo định nghĩa của Engels về chủ nghĩa hiện thực, thì chừng ấy ta còn chệch hướng. Nguyễn Huy Thiệp chỉ đưa ra những mảnh vụn về thế giới nhân sinh. Người đọc mặc tình sắp xếp, lựa chọn, suy ngẫm. Tên cướp là một mảnh vụn đó. Cho dù hần là kẻ xấu, ta sẽ chẳng thể có căn cứ nào để đào thải hần ra khỏi thế giới loài người, cái thế giới mà Nho giáo đã dứt khoát khẳng định *Nhân chi sơ tính bản thiện*. Cơ đốc giáo còn đi xa hơn về cội nguồn tâm linh, đặt giáo lý trên cơ bản đức tin và ý chí hướng thiện. Đây đó trong Tân ước vẫn rền vang những dụ ngôn xao xuyên lòng người về *Người đi tìm con chiên lạc*, về *Người tìm đồng bạc bị đánh mất*, về *Người cha nhân hậu nhận lại đứa con sau bao năm lưu lạc...* Minh triết trong Huệ nhãn, kinh luận Phật giáo luôn nhấn mạnh *Bản lai diện mục tồn tại trong mọi chúng*

sinh. "Con chó Triệu Châu" là công án lừng danh trong văn học Thiền. Con chó còn có Phật tính, hướng hồ con người, dù người đó là tướng cướp. Tâm lý học hiện đại quan niệm con người là một tổng thể bao gồm các đặc trưng của nhân tính và thú tính. Nó tiềm ẩn trong vô thức. Tùy thuộc cơ duyên mà nó tạo thành các xung năng tâm lý thiện hay ác. Vậy, thiết nghĩ mọi người cũng nên cho tên cướp cơ hội một lần bùng phát xung năng nhân tính để hấn cứu chú bé.

Sự lãnh đạm, thờ ơ của những người trên đò lại đẩy hấn vào con đường tội lỗi. Hãy đón nhận hấn như đón nhận người anh em, làm cho tâm sở thiện trong hấn và trong ta luôn luôn được thức gọi, chắc chắn cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn. Mà có gì đáng xấu hổ khi phải nhận hấn làm người anh em, bởi nếu ngoái đầu nhìn lại căn nhà cũ, nơi con người đã rời bỏ để dấn thân vào kiếp đi hoang trong cõi vô minh bất định, ta sẽ thấy ta và hấn cùng chung một yên nguyên cội nguồn.

Sang sông là truyện ngắn dự thi nhưng không được giải.

Giăng lưới bắt chim



Sư Huyền Quang, vị tổ thứ ba của phái Trúc Lâm trước khi xuất gia là một Trạng nguyên, đã từng từ hôn công chúa Liễu Sinh. Vua Trần Anh Tông nói với quần thần: - Người ta sống ở trong trời đất, mang khí âm, ôm khí dương, ăn thích vị ngon, mặc thích màu đẹp, đều có tình dục như thế. Đây là lẽ thường. Chúng ta ngăn hãm một phía ham muốn ấy lại chính là để dốc lòng phụng đạo, đó là đành đi một lẽ. Riêng Huyền Quang sắc sắc không không, vậy đó là người ngăn hãm lòng dục hay là không có lòng dục?

Mạc Đĩnh Chi nói:

- Vẽ hổ chỉ vẽ được da, không vẽ được xương. Biết người chỉ biết mặt, ít biết được lòng. Vậy xin cho người thử xem.

Vua Trần Anh Tông nghe lời Mạc Đĩnh Chi, cử một nữ gián điệp xuân sắc mê hồn là nàng Thị Điểm Bích tìm đến Yên Tử để thử Huyền Quang theo kế giăng lưới bắt chim... Huyền Quang, tên thật là gì không rõ, trong sử ghi là Lý Đạo Tái. Ông người làng Vạn Tải, huyện Gia Bình, xứ Kinh Bắc (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Từ nhỏ nổi tiếng thần đồng, nghe một hiểu mười, nên người ta mới mệnh danh là Đạo Tái. Có sách chép Lý Đạo Tái đỗ Trạng nguyên khoa Nhâm Tý (1252) đời vua Trần Thánh Tông, lúc này mới 23 tuổi. Trong dân gian kể rằng nhà Lý Đạo Tái nghèo, không có đất cắm dùi. Khi còn hàn vi, Lý Đạo Tái từng hứa hôn với một cô gái nhưng về sau bị từ hôn, cô gái đi lấy một người nhà giàu. Cuộc nhân duyên lần thứ hai cũng thế. Chán nản,

Lý Đạo Tái chuyên vào mỗi chuyện học hành rồi đổ Trạng nguyên. Khi ấy, nhiều người đến mừng mỗi hôn nhân nhưng ông đều từ chối, kể đến cả công chúa con vua. Nghe đồn Lý Đạo Tái đã từng ngán ngẩm than rằng:

Khó khăn thì chẳng ai nhìn
Đến khi đổ Trạng tám nghìn nhân duyên!

Lý Đạo Tái theo đường hoạn lộ, nhiều lần đứng ra tiếp sứ thần Trung Hoa. Về sau, ông được sư Pháp Loa giác ngộ bèn xuất gia tu hành.

Sư Pháp Loa (tức Đồng Kiên Cường) là vị tổ thứ hai môn phái Trúc Lâm, đã theo vua Trần Nhân Tông khi người xuất gia ở núi Yên Tử. Vua Trần Nhân Tông, lấy pháp danh là Điều Ngự trước khi viên tịch đã truyền y bát lại cho sư Pháp Loa, nay sư Pháp Loa giác ngộ và truyền y bát lại cho Lý Đạo Tái với pháp danh là Huyền Quang.

Huyền Quang là người có căn tu thế nào? Tại sao Huyền Quang lại trở thành vị sư tổ thứ ba trong phái Trúc Lâm, một môn phái Phật giáo có ảnh hưởng rất lớn đến thế giới tâm linh của người Việt Nam?

Bài thơ Cúc hoa của Huyền Quang nói tâm sự của một người tu đạo ở trong núi, ngắm hoa mới sực biết thời gian trôi đi:

*Vong thân, vong thế dĩ đồ vong
Tọa cửa tiên nhiên nhất tháp lương
Tuế vãn sơn trung vô lịch nhật
Cúc hoa khai xứ nhất trùng dương.*

Một người quên mình (vong thân), quên đời (vong thế) ngồi mãi trong rừng sâu không có lịch, không biết năm hết Tết đến, thấy hoa cúc nở mới đoán là đã đến Tết trùng dương! Vì sao người này lại ngắm hoa cúc mà không đi ngắm hoa khác?

*Chủ nhân dữ vật hồng vô cảnh
Hoa hương quần phương xuất nhất đầu
(Lòng người và cảnh vật vốn không xung khắc
So sánh với muôn hoa, thì cúc đứng đầu)*

Theo ý tứ bài thơ thì thấy Huyền Quang không phải là người không có thiên vị, không có tình ý riêng! Cũng trong bài thơ Cúc hoa này, Huyền Quang đã có một nhận xét rất sâu sắc: Nghĩa khí bất đồng nan cầu hợp (Nghĩa khí mà khác nhau thì khó mà hòa hợp). Đạo Phật thường lưu tâm người ta ở hai chữ nhân duyên. Huyền Quang cũng giống mọi người, không phải là lòng dạ sắt đá gì, không phải là người không hiểu biết về lẽ nhân duyên. Trong một bài thơ khác nữa tên là Sơn vũ (Nhà trong núi) tâm tình Huyền Quang phẳng phất băng khuâng:

*Thu phong ngộ dạ phật thiền nha
Sơn vũ tiên nhiên chậm lục la
Dĩ hí thành thiền tâm nhất phiến
Cùng thanh tức tức vị thủy đa
(Đêm khuya, gió thu xao xác ngoài mái hiên
Nhà trong núi đều hiu giữa lùm cây xanh
Tâm lòng tu hành từ lâu đã hóa theo Phật
Tiếng đế vì ai mà kêu rầu rĩ mãi?)*

Phái Trúc Lâm là phái có nhiều đệ tử tri thức nhất, học thức nhất, danh giá nhất ở nước ta. Huyền Quang được trao y bát, trở thành sư tổ của phái này thì căn tu, công lực đại thành của Huyền Quang ắt hẳn xuất chúng.

Làm sáng tỏ Phật tính là một mệnh đề cơ bản trong Kinh Niết bàn. Việc vua Trần Anh Tông cho Đĩnh Bích đi thử lòng Huyền Quang cũng có thể coi là một công án nhằm làm sáng tỏ Phật tính ở vị đại sư này vậy.

Ngày xưa, có người bán khoán về pháp môn Bất nhị của Phật pháp đã từng thỉnh vấn Đức Phật: Những người phạm tội tà dâm, giết người, trộm cướp v.v... liệu có mất hết thiện căn Phật tính hay không? Đức Phật đáp: Thiện căn có hạng thường và hạng vô thường. Phật tính chẳng thường mà cũng chẳng vô thường, cho nên không đứt đoạn, gọi là pháp Bất nhị. Một hạng thiện, một hạng bất thiện, gọi là pháp Bất nhị. Uẩn và Giới kẻ phạm cho là hai nhưng bậc trí giả thì hiểu rõ tính của nó không phải là hai. Tính không hai đó (Vô nhị chi tính) tức là Phật tính.

Theo cách giải thích trên có thể hiểu rằng người ngu kẻ trí Phật tính vốn không khác nhau, chỉ vì mê và tỉnh không giống nhau nên mới có kẻ ngu và trí mà thôi.

Trở lại việc vua Trần Anh Tông cho Đĩnh Bích đến thử Huyền Quang ở núi Yên Tử thì tưởng như mưu giăng lưới bắt chim là sâu sắc nhưng thực lại là mê vậy. Chuyện rằng Đĩnh Bích đã dùng nhiều kế nhưng không lay chuyển được Huyền Quang nên nàng bèn về tâu dối vua. Sách Tam tổ thực lục ghi lại lời tâu ấy như sau:

Tôi vâng chiếu chỉ đi thử thiền sư Huyền Quang. Đến chùa Vân Yên, vào ở nhờ một bà vải già, tự xưng là con gái nhà dân, xin được theo học đạo tôn sư. Bà vải già thường sai tôi dâng nước chè lên cho sư. Trải qua hơn một tháng, sư không hề liếc nhìn, hỏi han gì tôi cả. Một hôm nửa đêm, sư lên nhà tụng kinh, đến canh ba, sư và đám tăng ni ai nấy đều về phòng mình mà ngủ. Tôi bèn đến bên cạnh phòng của thiền sư để nghe xem động tĩnh thế nào thì thấy sư ngâm lời kệ rằng:

*Vàng vặc giăng mai ánh nước
Hiu hiu gió trúc khua sen
Người vừa tươi tốt, cảnh vừa lạ
Mâu Thích ca nào chẳng hữu tình.*

Sư ngâm đi ngâm lại mãi, tôi bèn vào phòng tăng, từ biệt sư để về thăm cha mẹ, để sang năm sẽ quay lại học đạo. Sư bèn giữ tôi lại ngủ một đêm, rồi cho tôi một dật vàng. Nhà vua nghe lời Đĩnh Bích tâu, lòng bực bội không vui. Nghĩ lại, nhà vua tự trách mình:

- Sự việc nếu quả như lời Đĩnh Bích thì đúng là ta giăng lưới ở tổ bắt chim, chim nào mà không bị hại! Nếu sự việc mà không như thế thì hóa ra ta đã làm hại quốc sư, đẩy ông ta vào mối ngờ vực oan ức! Nếu hiểu rõ pháp Bất nhị của nhà Phật thì việc thử lòng này thật là nhảm quá!

Để sửa lỗi, cũng là để minh oan chiêu tuyết cho Huyền Quang, nhà vua cho mở hội Vô Già ở kinh thành, triệu Huyền Quang về làm lễ. Nhưng trái với tục lệ nhà chùa, hôm bước vào chính lễ, nhà vua cho giết bò và lợn, dọn toàn cỗ mặn.

Huyền Quang bước vào lễ, kêu tên Đức Phật khẩn rằng:
- Kê đệ tử này có điều gì bất chính, xin chư Phật cho đây xuống A Tì địa ngục, còn nếu không thì xin cho những cỗ mặ kia hóa thành chay tất cả.

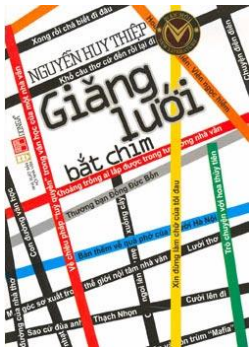
Huyền Quang khấn xong, bỗng có gió mạnh nổi lên, trời đất tối sầm. Khi gió tàn, trời sáng, tất cả các mâm cỗ mặ đều biến thành cỗ chay tinh khiết thơm tho. Nhà vua và mọi người thấy Huyền Quang làm phép thông cảm được với trời đất thì đều vô cùng cảm phục, quỳ xuống lạy tạ.

Huyền Quang viên tịch ở tuổi 82. Cho đến ngày nay, dân gian nhiều nơi vẫn kể lại những truyền thuyết trong cuộc đời ông. Có người nói rằng các món cỗ chay làm giống cỗ thường trong ngày lễ tết ở các nhà chùa là từ sự tích này. Nhân ngày Xuân, đọc lại sách Phật ngẫm ra nhiều điều. Trong chúng sinh, căn tính người ta có người sắc bén có người cùn nhụt. Người mê chấp thì phải tu thân, học tập; còn người giác ngộ có thể đột nhiên ứng hợp; chung quy lại để nhằm tự mình nhận thức được bản thân mình, tự mình chứng kiến được bản thân mình, sống hòa hợp cùng tự nhiên với tâm hồn trong sáng. Phía trước là cuộc sống vẫy gọi! Đây là tương lai với đầy mơ ước cho tất cả mọi người!

Xuân Nhâm Ngọ 2001

() Bài viết cho Tạp chí Phật học.*

Giăng lưới bắt... lý luận Vương Trí Nhàn



“Một người sáng tác phải coi lý luận phê bình như sự tự ý thức của anh ta”, Nguyễn Huy Thiệp từng tự nhủ như vậy và đã làm như vậy. Dù rằng cái phần tự ý thức của tác giả còn nhiều lằng lằng và nói chung còn là chật hẹp so với lý luận như nó phải có, song một số bài viết in trong "Giăng lưới bắt chim" có góp phần thức tỉnh nhiều người: đối với văn học mà chúng ta tưởng đã quá quen, đã đến lúc cần phải nghĩ khác.

Xuất phát từ tâm huyết

Trong giới cầm bút Việt Nam thế kỷ 20, ít thấy ai có bước vào nghề kỳ lạ như tác giả *Tướng về hưu*. Thoát cái ông được tôn vinh, rồi thoát một cái bị ném những đòn sát thủ hiểm ác, người yếu bóng vía chắc đã không trụ nổi. Không phải ngẫu nhiên những bài gọi bằng lý luận hay nhất của Nguyễn Huy Thiệp ra đời vào mấy năm 1988 -1992. Tôi

ngờ rằng trong những ngày ấy, lý luận đã trở thành bạn bầu của ông. Nó giúp ông kiểm tra lại sự trong sạch của mình mà cũng đồng thời là cái neo giúp ông giữ lấy niềm tin để tiếp tục sống và viết.

Khoảng đầu 2004, khi trong sáng tác có sự khó khăn, Nguyễn Huy Thiệp lại trở về với lý luận. Loạt bài này cũng gây ra bao khó chịu. Song khi đưa vào sách, nhà văn chỉ lược bỏ mấy câu "nặng tay", ngoài ra vẫn kiên trì những ý tưởng chính. Bởi dường như ông đã lấy cả mười mấy năm cầm bút ra để bảo đảm.

Một sự phá cách

Cho đến nay, với nhiều bạn đọc và một số đồng nghiệp, sự có mặt của văn xuôi Nguyễn Huy Thiệp vẫn là một cái gì "khắc không ra nuốt không vào". Đọc thì có đọc, trong bụng thậm chí là say mê nữa, nhưng vẫn không muốn chính thức công nhận. Bởi so với thứ văn họ quen đọc và cái họ vẫn viết thì Nguyễn Huy Thiệp là cả một sự phá cách. Không đi theo những nền nếp cũ. Liều lĩnh. Cực đoan. Rất nhiều điều người khác chỉ thì thào nói vụng nói trộm thì ông nói buột ra, và đã nói là không hối hận.

Nhưng đó cũng chính là nhân tố làm nên chỗ mới của Nguyễn Huy Thiệp, kể cả trong các tiểu luận.

"Trừ đôi ba người thực sự xuất chúng, còn nhìn chung văn chương của các cụ ta ngày xưa và những nhà văn hiện đại ngày nay, so với các dân tộc khác, phải thừa nhận là kém cỏi" (tr. 33). Theo tập quán thông thường, những ý nghĩ như thế không ai dám viết trên mặt giấy. Nhưng Nguyễn Huy Thiệp đã viết, và nếu như không đồng ý hoàn toàn thì nhiều người đã bắt đầu thấy sự có lý của nó.

"Văn học (hôm nay - V.T.N. chú) luôn né tránh một vấn đề nan giải khó nói nhất trong xã hội: không phải khó khăn kinh tế, không phải sex, không phải là tình cảm với chiến tranh... Nó là vấn đề nhân tính. Văn học Việt Nam gần đây mất đi khả năng tưởng tượng, lãng mạn, mơ mộng và nhiệt huyết sống. Nó trở nên thực dụng ê chề lọc lõi oái oăm đôi khi đều cáng" (tr. 272). "Văn học giá trị bao giờ cũng đề cao nhân tính. Một xã hội không có những tác phẩm văn học hay, không có những tác phẩm có giá trị, nghĩa là nhân tính ở đấy đang bị xói mòn đang bị mất dần đi. Trách nhiệm đó không phải chỉ ở một người nào mà nó ở toàn xã hội" (tr. 284). Vượt lên khá xa ngay cả với những lời chỉ trích nhặng nhít mà đầy ác ý, những nhận xét như thế làm nhức nhối lòng người và đặt ra những vấn đề nghiêm chỉnh bậc nhất cho việc xây dựng đời sống tinh thần hiện nay.

Đưa khái niệm nhà văn trở về với mặt đất

Không ít nhà văn ở ta tự coi mình là những đấng siêu phàm, là lương tâm của đất nước và trong những ngày tháng này đang lao động cật lực để phục vụ xã hội giáo hoá nhân dân! Tác giả *Tướng về hưu* đưa ra cách hiểu thực tế hơn. Những khi bàn về người làm nghề, những chữ xuất hiện dưới ngòi bút ông thường là: *sơ xuất, nhầm lẫn, sự bất chước lối bịch, vị kỹ, hư đốn, đều cáng, bất lương* - toàn những "đức tính" khiến người ta ghê ghê. Một lần khác ông nói toẹt ra: "Khoảng hơn chục năm trở lại đây trở lại đây ở Việt Nam không có những nhà văn có phong độ khí phách lớn. Đến ngay cả nỗi buồn cũng không phải là nỗi buồn lớn" (nếu lấy lại bản in trên báo thì người ta nhớ là ông còn nói đến tình trạng điên điên khùng khùng, chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn...). Nghe cũng dễ sốc nhưng chỉ cần tự hỏi "Làm sao mà người ta có thể nói được sự thật về xã hội trong khi sự thật về chính cái giới của mình thì lảng tránh?" sẽ thấy Nguyễn Huy Thiệp có lý.

Không phải vì chán nản trước tình trạng bê bối của nhiều đồng nghiệp mà ở nhà văn này mất đi niềm tin thiêng liêng vào sứ mệnh ngòi bút. "Nhà văn là gì? Chẳng là gì cả. Nó chỉ là một linh hồn nhỏ đầy lỗi lầm và luôn tìm cách sám hối vượt khỏi lỗi lầm ấy. Nó là con vật nhạy cảm hết sức đáng thương với các thói xấu của cả bầy đoàn. Nó viết không phải vì nó, nó viết để cả bầy đoàn rút ra từ đấy một lợi ích công cộng, một lợi ích

văn hoá”. Cái tha thiết muốn vượt lên trên chính mình thường trực ở tác giả *Tướng về hưu* đã là yếu tố cứu vãn lại tất cả.

Chỗ giống người của kẻ khác người

Đôi khi Nguyễn Huy Thiệp cũng viết phê bình. Có những bài như *Hiện tượng Vi Thùy Linh*, ở đó ông cất nghĩa được hiện tượng thơ trẻ hiện nay trên cơ sở một nét tâm lý xã hội đang phổ biến. Ngoài ra, nó còn cho thấy ông xa lạ với một thái độ mỉa mai, lầy tuối trẻ ra để dọa người khác. Tuy nhiên, nếu trong khi nhìn chung nghề văn, vượt lên trên mở kiến thức chấp vá, Nguyễn Huy Thiệp vẫn đang hoang sáng suốt thì, khi viết về từng đồng nghiệp, trong phần lớn trường hợp, ông tỏ ra khá tầm thường và tùy tiện. Viết như đang lè nhè giữa một đám chén chú chén anh nào đó. Viết để lấy lòng mọi người. Viết để trả nợ. Viết để ra vẻ bề trên, ban phát cho các đàn em... Hình như ông quên mất mình là một nhà văn kiểu mới, nhà văn công dân, đứng ra đối thoại với cả xã hội.

Với một tâm lý làng xã đã ăn vào tận xương tuỷ, nhà văn mình thường chỉ có những mối quan hệ chật hẹp và dễ sống theo lối kéo bè kéo cánh với nhau. Cái điều Nguyễn Huy Thiệp đã cảm thấy chán mọi người thì chính ông không thoát ra nổi. Ở đây không thể nói là đáng tiếc mà là đáng sợ, vì sức mạnh của hoàn cảnh đã khống chế không trừ một ai, kể cả những người thông minh nhất.

Đặt mình vào dòng chảy thời đại

Đọc *Giăng lưới bắt chim*, trước tiên tôi nhớ Nguyễn Công Hoan với cách nghĩ thực dụng và những nhận xét kiểu “trong giới không thiếu những người cầm bút nửa đời nửa đoạn” hoặc “có một đạo, người ta sợ những người là nghề cầm bút như sợ... hủi” (Xem *Đời viết văn của tôi*). Tôi cũng nhớ tới Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu hồi các ông còn trẻ và đầy khao khát về nghề. Đủ điều sâu sắc từng được các ông nghĩ và nói ở chỗ riêng tư, tuy chỉ nói đâu đề đấy, nói xong nhiều khi lại dặn bọn tôi là đừng có bép xép.

Với Nguyễn Huy Thiệp, từ nay sự phân thân (hoặc nói nôm na là tính hai mặt) không còn là định mệnh cho nghề văn ở Việt Nam, như một số người thường tự biện hộ.

Nhưng đọc *Giăng lưới bắt chim* tôi còn nhớ tới nhà văn Trung Quốc Vương Sóc. *Người đẹp tặng ta thuốc bùa mê* tổng hợp bao nhiêu vấn đề. Tác giả chê văn học Trung quốc đương thời, ngán văn chương đại chúng. Và ông lật tẩy cả những tượng đài của văn chương hiện đại, bảo họ là giả dối vụ lợi. Ở Trung Quốc *Người đẹp tặng ta thuốc bùa mê* đã gây ra tranh cãi. Còn ở Việt Nam, người ta lặng lẽ đọc nó với bao thích thú, vừa sung sướng được gặp các ý tưởng mình thường nghĩ, vừa không sợ tội vạ gì.

Tôi nghĩ Nguyễn Huy Thiệp cần cho chúng ta một phần là ở chỗ đó: ông nói nghề văn ở ta với nghề văn ở cả các xứ sở khác. Trong khi mang nặng cốt cách bản địa, các sáng tác cũng như tiểu luận phê bình của ông đã là một bằng chứng để những ai vốn ngần ngại trước con đường hội nhập có thể yên tâm. Bởi chỉ cần trung thực với chính mình, thì thế giới chẳng xa lạ với ta mà ta cũng chẳng xa lạ với ai cả.

Hà Nội ban đêm

Tôi không phải là người hay đi chơi đêm ở Hà Nội. Thường thường, tôi vẫn về nhà khá sớm. Hôm nào có hội trường thì chỉ 11 giờ đêm là tôi cũng đã về nhà. Tôi chưa có “em”, không phải vì tôi không thích điều ấy mà chẳng qua vì (như người ta nói) chưa bén nhân duyên với ai đấy thôi. Những đứa con gái mê tôi (trong đó có con Huyền mờ, tôi hứa sẽ để cả một chương sách để viết về nó) thì đều vô duyên thế nào ấy. Ở nhà hay về khuya nhất thường là thằng anh trai tôi. Gần như hôm nào hẳn cùng về nhà tận 11 rưỡi hay 12 giờ, thậm chí có hôm tới 2 giờ sáng. Tôi rất khó chịu vì nếu về quá muộn

hắn bao giờ cũng tìm cách đến phòng tôi nhờ tôi mở cửa, hắn không dám đánh thức bố mẹ tôi dậy. Rất quái ác, hắn vẫn hay dùng một cây gậy thò qua cửa sổ khua loạn vào người tôi, có lần hắn thúc cả vào quai hàm tôi đau điếng. Cũng không thể phàn nàn gì về những lần về quá muộn của thằng anh tôi, hắn vẫn đi làm thêm ở xưởng thạch cao của một người bạn. Đại để họ vẫn hay đồ những phiên bản tượng thần Vệ nữ cỡi trường, sư tử hí cầu và hoa văn trần nhà cho bọn trường giả học đòi làm sang. Tôi rất ghét bóng đêm. Các đường phố Hà Nội thì tôi cũng chẳng lạ gì: bần thiu và lộn xộn đến lộn mửa. Nhắm mắt lại, chỉ nghĩ thấy mùi hôi là tôi biết ngay đây là phố nào. Bạn không tin ư? Phố Bạch Mai có mùi hôi của chợ, phố Đồng Xuân có mùi hôi của áo quần, phố Hai Bà Trưng có mùi hôi của hàng điện tử... Đại để như thế. Tôi có cái mũi rất thính, có lẽ vì tôi tuổi Chó.

Bị đuổi khỏi nhà, đây là lần đầu mà tôi có dịp ngao du Hà Nội ban đêm. Qua 12 giờ, Hà Nội có một vẻ yên tĩnh và dịu dàng không thể tả được. Tôi không ngờ ban đêm Hà Nội lại đẹp như vậy. Những đường phố trải nhựa vắng lặng trông như những mặt sông mà hai bên bờ là những dãy nhà cao thấp đang thiêm thiếp ngủ. Phảng phất mùi hoa mộc lan ngát hương. Bóng tối làm mất đi những đường nét kiến trúc khá ó của các ngôi nhà ban ngày nên rất dễ chịu. Bâng khuâng và cô đơn không thể tưởng được. Thỉnh thoảng lại có những âm thanh nặng nhọc của một chiếc xe ô tô chở hàng vút qua phá vỡ bầu không khí tĩnh lặng gây ra một cảm giác thật bồn chồn. Tiếng còi tàu đêm gập gáp và hồi hộp. Ánh sáng của những bóng điện vàng khè hắt xuống mặt hè phố loang lổ. Tôi thấy nao cả người. Tự nhiên tôi thấy kính nể và hãi sợ Hà Nội, không phải vô cớ mà người ta gọi đây là đất thánh, gọi đây là mảnh đất linh thiêng.

Xung quanh Hồ Gươm yên tĩnh. Tháp Rùa trầm mặc đứng lẻ loi. Bóng tối của những lùm cây tỏa xuống mặt hồ đen thẫm. Quả thật, nếu không bị đuổi khỏi nhà thì tối hôm nay với tôi đúng là một tối thần tiên! Tôi đã phát hiện ra một Hà Nội khác, nếu ví von thì có thể ví như một thiếu nữ mới lớn lần đầu khám phá thân thể phát hiện ra bộ ngực non tơ của mình. Nhưng thôi, tôi đang là một tên du thủ du thực không chốn nương thân. Ngực với cả ngực! Bây giờ bụng tôi đang đói cồn cào. Thường cứ ba tiếng đồng hồ là tôi phải tọng một thứ gì đấy vào mồm. Tính từ khi ăn bát phở với thằng Thanh nhận lúc 3 giờ chiều thì đến bây giờ đã 12 tiếng đồng hồ tôi phải nhịn suông!

Biết là không có nhưng theo thói quen tôi vẫn thò tay vào túi quần, túi áo tìm tiền. Như có phép lạ: túi áo tôi có tờ hai chục nghìn đồng! Tôi chợt nhớ khi chạy ra cửa, mẹ tôi đã giúi vào ngực tôi một cái. Mẹ ơi mẹ, con kính lạy mẹ, mẹ thật là một thiên thần! Tôi cũng không hiểu tại sao trong tình thế nước sôi lửa bỏng khi tôi bị bố tôi đánh và tôi gần như phải cướp lấy bộ quần áo để mặc vào người, thậm chí bây giờ cúc áo tôi còn cài lệch - thế mà mẹ tôi vẫn cho tiền được vào túi áo của tôi thì thật thần tình! Mẹ tôi lấy tiền ở đâu, tại sao lại đoán được bố tôi sẽ đuổi tôi, tại sao biết tôi sẽ lao ra cửa bỏ chạy? Thật là bí hiểm! Đúng là ảo thuật một trăm phần trăm! Tôi không thể tin được tại sao mẹ tôi có thể kỳ diệu hoàn hảo đến như ngần ấy?

Gì thì gì, con kính lạy mẹ, với hai chục nghìn đồng là mẹ đã cứu con thoát khỏi địa ngục trầm luân đêm nay. Tôi khoái vô cùng và quên bém tất cả mọi nỗi tủi hổ, ân hận cũng như mặc cảm trong lòng mà tôi mang nặng suốt buổi tối bất hạnh đáng ghi nhớ ấy!

Tôi rời chiếc ghế đá bên bờ Hồ Gươm rồi đi vào phố tìm quán ăn đêm. Khu phố cổ Hà Nội không thiếu những tiệm ăn mở thâu đêm suốt sáng. Tuy nhiên, với số tiền còm cõi này thì tôi đừng mơ đến một suất ăn tử tế. Mèng ra một suất bit têt salat ở trong tiệm ăn cũng tới hai mươi nghìn. Nói đến bittêt là tôi thấy ứa nước miếng. Tôi đã từng ăn bittêt ở tiệm ăn Thọ Lùn. Thịt bò ở đây là thứ thịt bò được thừa từ trong những lò mổ ở làng Chuông tận trong Chương Mỹ Hà Tây. Người ta chọn ra những con bò non để làm bit têt. Tôi đã trông thấy chính tay ông lão Thọ Lùn lọc thịt. Thật hết như một nghi lễ: những miếng thịt bò tươi được cắt thành từng khẩu như đậu phụ được ông ta lách dao

vào để xẻ đôi ra. Con dao phay nằm nghiêng đập nhẹ lên miếng thịt đặt ngay ngắn giữa thớt, trăm miếng miếng nào cũng như nhau không rắn quá mà không nát quá. Tiệm ăn của ông Thọ lùn giữ được uy tín hàng chục năm trời về món bit tết bởi khâu nguyên liệu chọn rất kỹ càng. Bố tôi thường đãi những người bạn Pháp của ông ở tiệm ăn này. Bố tôi là người sành ăn và tôi thừa hưởng được truyền thống ấy.

Tôi đi lang thang để tìm một chỗ bán xôi. Chỉ ba nghìn đồng tiền xôi là đầy dạ dày. “Liệu cơm gắp mắm”, tôi không thể tiêu hoang lúc này. Tôi cũng không biết ngày mai, ngày kia tôi sẽ ở đâu. Khi lập lá số Tử vi bố tôi vẫn bảo số tôi có quý nhân phù trợ. Trước mắt, tôi vẫn chưa biết sẽ có quý nhân nào phù trợ cho không, cho đến lúc gặp ông ta (hay bà ta) tôi vẫn cứ phải lo cho thân tôi trước đã.

Quán xôi thịt ở ngay trong ngõ Tạ Hiền. Mùi xôi thơm phức, ấm áp và mời mọc. Bọn đánh bạc khuya ngồi ăn như tầm ăn rồi. Máy cô diễn viên cải lương mặt trắng bệch ngồi ăn với các ông bầu, các ông bồ hoặc fan của họ. Có lẽ tất cả đều là khách quen. Trông họ có vẻ tự tin và rất phấn chấn. Những con vạc lấy đêm làm ngày này ồn ào kinh khủng, có người còn cười hô hô văng cả miếng xôi còn đang nhai dở trong mồm.

Tôi lựa một chỗ ngồi khuất đằng sau một cô diễn viên cải lương. Cô ta lập tức xịch ghé lúi ra tựa như sợ chạm vào người hủi. Những dấu vết trang điểm xóa chưa hết ở môi và hai bên mắt khiến mặt cô ta giống như là mặt hình nhân. Mùi son phấn và nước hoa rẻ tiền nồng nặc. Tôi nhớ cô này hình như tên là Kim Chi, Hồ Điệp gì đấy chuyên đóng vai “đào thương”(11) nghĩa là rất giỏi nức nở, lăn lộn ở trên sân khấu. “Ái khanh ơi, ái khanh ơi... Ái khanh nước mắt đầm đìa... Trăm năm duyên phận chia lìa lúta đôi...”. Từ nhỏ tôi đã không thể xức nổi thứ ấy. Thế mà bây giờ tôi phải ngồi đây, sát sà sạt với giống xướng ca vô loài ấy và bị rẻ rúng như đồ chó ghẻ!

Tôi xơi một bát xôi to tương chan nước thịt kho. Món thịt kho Tàu hấp dẫn tới mức tôi đành chặc lưỡi nói với chủ quán cho tôi một miếng. Miếng thịt lợn xắt to khá mềm, có vị hạt tiêu thơm nức và cay tê lưỡi. Tôi xơi hết một nửa lọ đu đủ xanh ngâm dấm khiến cô chủ quán phải nhăn mặt lại lắc đầu. Khi tính tiền, tôi thấy đau hết cả người vì hết những 14 nghìn đồng! Hóa ra giá cả ban đêm khác với giá cả ban ngày! Cũng may là tôi đã không xức thêm một quả trứng kho, nếu không thì 20 nghìn đồng của tôi đi đứt. Tôi nhận lại số tiền lẻ rồi bỏ đi. Tôi buồn ngủ rã rời và đi về phía Nhà hát Lớn thành phố. Đây là ngôi nhà mà tôi ưa thích nhất ở Hà Nội.

Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp “trong mắt” một nhà báo... 8 X Xuân Anh

Tác giả Xuân Anh, sinh năm 1983, Thạc sĩ Luật, chuẩn bị lấy bằng Thạc sĩ Lịch sử, đã gặp gỡ, trao đổi với nhà văn Nguyễn Huy Thiệp để viết loạt bài này. Tác giả Xuân Anh thổ lộ: "Trong bài viết, tôi đã "cố tình" gọi nhà văn Nguyễn Huy Thiệp bằng nhiều cách "gọi" khác nhau, khi thì là Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, khi thì bỏ danh hiệu Nhà văn, khi thì chỉ gọi tên không, khi thì gọi là anh ta... Tất cả những cách gọi ấy chỉ nhằm đến một điều duy nhất là tìm ra chìa khóa để làm sáng tỏ những nhân vật của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, ngõ hầu cung cấp cho bạn đọc những "biến thể" rất khác, rất uyên áo của một nhà văn danh tiếng...

Hai mươi năm (tính từ năm 1986), chặng đường (văn học đổi mới) từ một đứa bé sơ sinh thành một cô thiếu nữ môi thắm má hồng không phải là quãng thời gian ít ỏi. Đó cũng là thời gian để một nhà văn thỏa sức tung hoành, tạo dựng thương hiệu, vinh danh

và cuối cùng là... nhàn rỗi trên danh tiếng đấy. Nhà văn ở thời đại của chúng ta dường như sung sướng hơn rất nhiều, so với Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Ngô Tất Tố, Xuân Diệu, Nguyễn Bính... Nhưng sự "sướng" đó lại đem đến một kết quả đáng buồn hơn: Dường như chúng ta có vẻ thiếu vắng những tượng đài văn học thực sự.

Trong đó, Nguyễn Huy Thiệp là một trường hợp đặc biệt. Một nhân vật mà sự thu hút của anh ta cũng gây ra nhiều mệt mỏi không kém những hứng thú mới.

Chỉ tính riêng trong giới phê bình văn học, không kể đến những bài báo liên quan đến anh, có lẽ Nguyễn Huy Thiệp là hiện tượng nhiều tranh cãi nhất trong suốt hai mươi năm qua. Nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên thì chủ sự cả tập "Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp", với rất nhiều tên tuổi uy tín như Hoàng Ngọc Hiến, Đỗ Đức Hiểu, Greg Lockhart, Lại Nguyên Ân... những nhà văn, nhà thơ đứng đối chiều như Trần Đăng Khoa, Nguyễn Khoa Điềm, Hữu Thỉnh...

Nhưng bị (hay được) nằm trong tầm ngắm, không có nghĩa anh là nhà văn thực sự xuất chúng. Còn nhớ sau một loạt truyện ngắn khiến tên tuổi Nguyễn Huy Thiệp nổi danh như *Tướng về hưu*, *Những ngọn gió Hua Tát*, giới phê bình văn học vẫn ngỡ ngàng về tài năng của nhân vật này. Và cho đến hai mươi năm sau, câu hỏi đó vẫn mãi hoài bỏ ngỏ.

Nguyễn Huy Thiệp viết văn khá muộn, tác phẩm đầu tiên của anh ra mắt bạn đọc khi đã 37 tuổi (Nguyễn Huy Thiệp sinh năm 1950). Con đường đến tới văn học của Nguyễn Huy Thiệp đầy bươn trải, trề nải nhưng cũng không thiếu hoa hồng.

Nguyễn Huy Thiệp là trai Hà Nội "xịn". Sau khi tốt nghiệp Khoa Sử trường Đại học Tổng hợp (nay là trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội), Nguyễn Huy Thiệp không ở lại thủ đô mà lên Sơn La dạy học trong suốt mười năm. Mười năm với rừng núi bạt ngàn và những câu chuyện miền ngược buồn đã bồi đắp cho Thiệp một vốn sống về khu vực này không nhỏ.

Khi trở về Hà Nội, Nguyễn Huy Thiệp chưa viết văn mà lao vào kiếm tiền. Khi ấy, Thiệp đã có vợ, có con. Cuộc sống rất khó khăn. Thiệp làm tất cả mọi thứ, miễn là có tiền. Từ làm việc ở triển lãm Giảng Võ, buôn lậu giấy từ Tuyên Quang đến sau này cũng mở một nhà hàng ăn uống bên bờ sông Hồng.

Nguyễn Huy Thiệp dường như không hẳn là nhà văn uyên bác. Anh ta không có những tư tưởng vượt thời đại. Chưa kể dù viết về hiện thực, nhưng trong hàng trăm nhân vật cũng không có nổi một nhân vật mang tính hiện thực điển hình (kiểu như Xuân tóc đỏ của Vũ Trọng Phụng; Chí Phèo, Bá Kiến của Nam Cao hay mức độ dưới hơn là Kiên – đại diện cho lớp tri thức bé tắc và khủng hoảng sau chiến tranh trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh).

Do thế, dù nhân vật của Thiệp đôi lúc khiến ta vừa lạ lùng vừa thân thuộc đến ngỡ ngàng song họ có thể biến mất ngay tích tắc đó.

Nguyễn Huy Thiệp có thể còn là người "nói ngược" lịch sử đại tài. Những truyện ngắn *Kiểm sách*, *Vàng lừa*, *Phẩm tiết* đăng trên báo Văn Nghệ năm 1988 đã gây quá nhiều phản ứng gay gắt, trái ngược về những khái niệm văn – sử; hư cấu – phi hư cấu; chính – tà. Đỗ Văn Khang khi đánh giá truyện ngắn *Phẩm tiết* cũng vẫn cho rằng Nguyễn Huy Thiệp đã "đạt tới mục đích cuối cùng là hạ bệ một thần tượng của lịch sử dân tộc, một lịch sử phải viết bằng máu và mồ hôi, bằng cả vinh quang và đau đớn mới

có được”. Và theo ông thì “tài năng văn chương thì cần nhiều thứ lắm. Vốn sống, vốn sử, vốn văn hoá... Đặc biệt cái tâm mà không sáng thì không thể làm văn được”. Nhưng những điều đó đã vô tình tạo nên sức hấp dẫn trong truyện của Thiệp thời kỳ đầu tiên. Hiện thức trần trụi va đập vào cuộc đời các nhân vật, khiến họ chỉ là những con rối quay tròn trong mớ đời phức tạp. Có một cái gì đó man dại, bức bối, ngột ngạt xuyên suốt truyện của Nguyễn Huy Thiệp. Không thể phủ nhận, Thiệp là người kể chuyện giỏi. Thiệp giỏi hóa thân vào nhân vật ? Có lẽ không phải. Nhưng nếu không phải thì là cái gì đây: kẻ tri thức rơm ngạo mạn, kẻ ăn trộm trá hình, sự lạc lõng của ông tướng về hưu, sự thực dụng đến lạnh người của cô con dâu làm bệnh viện phụ sản đem nhau thai làm thức ăn cho chó, ông chồng bạc nhược, tay nhà thơ hảo huyền...

Đó là điều mà người đọc tìm thấy trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp. Và dù có đủ tinh tế để thấu hiểu sức sống ngắn của văn Thiệp, thì họ vẫn bị cuốn theo dòng xoáy đó. Cùng thời với Thiệp, cũng có nhiều nhà văn khác không kém phần “đanh đá”. Ví dụ như Ma Văn Kháng phong phú, chanh chua với “Côi cút giữa canh đời (1989), “Đám cưới không có giấy giá thú (1990) và một số nhà văn khác...

Nhưng những nhà văn kia không được đón nhận như Thiệp. Chính làn sóng chỉ trích và ủng hộ Nguyễn Huy Thiệp dâng lên ào ạt ngay sau khi ông xuất hiện đã khiến cái tên Nguyễn Huy Thiệp nổi lên như một cơn bão trong mùa khô.

Bí quyết của Nguyễn Huy Thiệp rất đơn giản. Như Trần Đăng Khoa từng nói: Nguyễn Huy Thiệp là người sắc sảo, trí tuệ ư? Không, sắc sảo trí tuệ cái gì, chỉ có phép nói ngược thôi. Anh nói trắng thì nó nói đen, anh nói phải thì nó nói trái. Thiệp chỉ có thể chứ chẳng có trí tuệ gì.

Đọc truyện của Nguyễn Huy Thiệp, nó giống như là cuộc vật lộn với chính bản thân mình. Tại đó, các nhân vật và chính người đọc cũng dần dần bị tước đi mọi ảo tưởng, ước nguyện, sự thanh cao, lòng tự trọng... Thay vào đó, dần dần họ phải nuốt lợm cổ họng một cảm giác xù xì của thực tế, trần trụi, lạnh lùng, không hy vọng. Nó là con quái vật của hiện thực đang há cái mồm hôi thối phả vào mặt chúng ta. Nó “rút não” chúng ta bằng ngón ngấu những giấc mơ đẹp. Để những kẻ mộng mơ đang thăng hoa bị lôi bịch xuống hiện thực.

Thế nhưng, trong những “nạn nhân” đó, liệu có ai quay ngược mà hỏi tác giả rằng: *Này ông. Ông “lột ” chúng tôi thế nhưng ông có dám tự “lột ” chính bản thân mình không? Ông đừng chối nhé. Ông cũng hảo huyền, cũng ảo tưởng, cũng ngông cuồng, cũng luẩn quẩn lắm Nguyễn Huy Thiệp ơi!*

Hình như là có...

Những chiến tuyến ngược đội lại Nguyễn Huy Thiệp, ví như Trần Đăng Khoa, Đỗ Văn Khang, Trần Mạnh Hảo đã viết khá nhiều bài phê bình Nguyễn Huy Thiệp. Trần Mạnh Hảo có bài “Người ghét thơ đi bình thơ”, trong đó có ý chê bai Nguyễn Huy Thiệp không hiểu về thơ mà còn bình thơ của Đồng Đức Bốn. Ngoài ra, còn khá nhiều phản ứng dữ dội về truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp. Nhưng những phản ứng đó chỉ là một , so với những làn sóng phản đối gấp 10 lần sau khi Nguyễn Huy Thiệp ra tiểu luận “Trò chuyện với Hoa Thủy tiên”. Sự kiện “Hoa thủy tiên” như Nguyễn Huy Thiệp viết, thì phần lớn các thành tựu trong quan niệm, nhận thức văn học của 15 năm trước đó, tính từ ngày Đổi Mới đều bị bỏ qua. Đó quả là một cái tát trời giáng vào các nhà văn đương

thời..Nhà phê bình Hoàng Ngọc Hiến không phải là người đầu tiên đọc bản thảo truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, nhưng ông chính là người được coi là “khai phá” Nguyễn Huy Thiệp với bài phê bình “Tôi không chúc bạn thuận buồm xuôi gió”. Ngoài ra, Đặng Anh Đào cũng có bài “Khi ông tướng về hưu xuất hiện”. Đó là có thể là những “bảo đảm vàng” cho sự xuất hiện của Nguyễn Huy Thiệp.

Có thể hình dung “nghệ nhân” Nguyễn Huy Thiệp trình bày bữa tiệc của mình như thế này: thực khách sau một chặng đường dài mệt mỏi và lạnh lẽo, bèn ghé tạm vào một quán trọ tồi tàn. Ai cũng đói và mệt mỏi. “Chủ quán” Nguyễn Huy Thiệp, với khả năng nấu nướng của mình, mệt mỏi trải chiếc khăn trải bàn ó vàng lên bàn, lôi ra trong xó bếp chõng bát đĩa sắt hoen rỉ. Thức ăn là cơm thừa từ ngày hôm qua, tảng thịt luộc chưa kịp thái, món rau muống già luộc chỗ chín chỗ nhừ. Trong khung cảnh đó, Nguyễn Huy Thiệp như một gã đầu bếp khó tính và gắt gỏng. Nhưng gã có một thứ quyền lực mê hoặc, đơn giản mà gần như là bùa ngải, là thuốc phiện, đó là đánh trúng vào sự “đói đến gần chết” của thực khách.

Không thể phủ nhận, Thiệp là một “nghệ nhân” giỏi trong văn chương. Văn Thiệp rất hay ở những câu ngắn, chấm câu..không đúng chỗ, giàu hình ảnh. Đặc biệt là không khí trong văn chương Thiệp có sức thu hút người đọc lạ kỳ. Cái không khí này nó tạo thành một mạch dẫn tự nhiên, như khi ta bước chân ra khỏi cửa, ta cảm nhận không khí sáng khoái ngày nắng mới tươi rói bủa vây và thấm sâu trong từng thớ thịt. Nhưng giây phút bừng sáng đó tồn tại không được bao lâu, bởi những con ruồi nặng bắt đầu vo ve bám riết chân ta. Từ bên phải đường, ta nhìn thấy một ả goá bụa giàu có đang ỡm ờ với gã tình nhân trên xe, đậu ngay trước cổng một căn biệt thự to sụ. Gã lấy tay véo đùi ả cười hềnh hếch, cổ họng rung lên ngân nghệt. Có một thằng bé ăn xin tiến tới, nó lấy ngón tay vàng khè quẹt qua nước mũi đang rỏ tròn tròn, rồi chìa bàn tay đó xin tiền. Đang vui bỗng bị tước mất hứng. Ầ xua đuổi thằng bé. Thằng bé vẫn trơ lì. Mà đứng đó làm nhảm xin. Cáu tiết. Thằng đàn ông đó lấy bàn tay to như hộ pháp tát thẳng vào mặt thằng bé, khiến nó mất thăng bằng suýt ngã ngửa ra phía sau. Thế rồi tự ái, nó bỏ đi. Không một cái quay đầu nhìn kẻ vừa tát mình. Chỉ thấy sau chiếc mũ xùm xụp một tia mắt sắc lẹm, đôi môi cong nứt nẻ thoáng nhếch mép cười. Thế rồi nó biến mất, nhanh và đột ngột như lúc nó vừa xuất hiện. Khi ấy, đôi tình nhân mới hốt hoảng, chiếc ví chứa cả nghìn đô la của ả đã bay biến...

Trong thế giới đó, ai cũng là kẻ lưu manh. Cả người đứng quan sát dường như cũng phải "vào vai" một kẻ lưu manh.

Nhưng hoàn toàn không một lý giải: Tại sao họ lại lưu manh?

Điều này, Nguyễn Huy Thiệp trong hàng ngàn trang viết của mình đã không thể nào lý giải được. Tại sao nhỉ?

Chẳng hiểu sao trong thời gian này, rất nhiều nhà văn ngại tiếp xúc với báo chí. Có lẽ sau những tuyên bố quá nổ bong bóng, họ cảnh giác hơn với những cuộc tiếp xúc có khả năng ảnh hưởng đến danh tiếng của họ. Trước tôi, một cô bạn đồng nghiệp cũng đã hẹn lên hẹn xuống nhà văn Nguyễn Huy Thiệp. Ban đầu, ông đồng ý. Thiệp hẹn cô tới một quán café gần triển lãm Giảng Võ. Khi cô phóng viên đó hộc tốc lao xe tới cùng với một phóng viên ảnh đi kèm, thì nhận được tin nhắn hủy cuộc hẹn của ông. Chán nản và thất vọng, cô yêu cầu Nguyễn Huy Thiệp trả lời qua email để còn kịp nộp bài cho sếp. Hàng chục câu hỏi khá thú vị và thẳng thắn, chắc chắn đã được dày công suy nghĩ. Nhưng nhà văn lại không trả lời. Không một câu nào.

Ban đầu, tôi cũng gặp tình trạng như trên. Tôi gọi điện cho Nguyễn Huy Thiệp và ngay lập tức nhận được câu từ chối sau một cái dập máy lạnh lùng. Nhấn nài, mấy ngày sau tôi liên tục nhắn tin và gọi điện xin gặp mặt. Chẳng hiểu vì lý do gì rốt cuộc tôi cũng có được một cái hẹn ngay tại tư gia nhà văn. Rất có thể do tôi quá ráo riết, hoặc cũng có thể Nguyễn Huy Thiệp sau những lần tránh đã quyết định đối diện với phóng viên nhằm đảo ngược tình thế để lấy cảm tình từ phóng viên chăng?

Dù sao, tôi cũng sẽ gặp một người không phải “tay mơ”.
Ngõ vào tư gia Nguyễn Huy Thiệp là một con ngõ nhỏ, dài ngoằn ngoèo và hút sâu như hang rắn. Chỉ cần có một xe đi ngược chiều lại cũng đủ gây khó khăn cho người đi xuôi. Phía ngoài ngõ là một chợ phố tạm bợ, nhưng khá đông người. Khó có thể tìm thấy sự thanh thản ở nơi này. Ai cũng hớt hải, chộn rộn và cáu gắt. Xe tôi suýt nữa đâm vào một cái xe đi trước do tắc đường, vậy mà cũng bị một cái nhìn ngoa ngoắt đến cháy lông mày. Chợt nghĩ, đâu đó trong đám người xô bồ này hình như cũng có những nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp. Những con người đã bị tước đi sự mộng mơ, ảo tưởng, niềm tin vào cái đẹp để sống một cuộc sống với con mắt ráo hoảnh.
Hàng ngày, trên con đường trần trụi như thế, nhà văn và “những mảnh nhân vật hóa thân từ anh ta” liệu có khác biệt gì so với đám đông lố nhố đó?

Mở cánh cửa gỗ nâu ảm mốc rêu, chủ nhà – Nguyễn Huy Thiệp - tiếp tôi là một người đàn ông có nước da nâu sậm, bước đi hơi lật đật, giọng trầm đục, bèn bệt như một anh nông dân quen cầm cuốc xẻng hơn là người cầm bút. Sau này khi gặp lại Nguyễn Huy Thiệp một lần nữa, trong bộ trang phục sơ mi quần âu giản dị, đi xe “mốt” Attila màu trắng xóa, tôi vẫn không thấy Nguyễn Huy Thiệp thoát ra khỏi bóng dáng ấy. Anh không có nhiều phong thái của các nhà văn thời kỳ trước. Không hiền hậu chất phác như Nam Cao, không lịch lãm như Nguyễn Huy Tưởng, không hóm hỉnh như Tú Mỡ, không uyên bác như Nguyễn Tuân, không thanh tú như Nguyễn Khải. Phải chăng thời đương đại với những ô nhiễm môi trường và ô nhiễm tinh thần đã tước đi “sự đẹp đẽ” trên khuôn mặt nhà văn?

““Cây bút từng được ví là sắc sảo như lưỡi gươm ở thời điểm xuống dốc không còn (hoặc cũng có thể là không có) vẻ uy nghi, sự hào sảng và cách nói chuyện đầy mê dụ của một “đức quân vương” (Nguyễn Huy Thiệp được tụng xưng là “ông vua truyện ngắn”). Trái lại, giọng nói lấp bắp khiến những câu chuyện rời rạc càng thêm bị cắt đoạn. Những người nói lấp không phải do tật từ trong cuống lưỡi, mà do tâm lý tự kỷ khiến họ khó khăn trong diễn đạt. Có thể khi gặp những người khác, Nguyễn Huy Thiệp sẽ không gặp phải trường hợp trên. Nhưng ít ra với tôi, trong hai lần gặp, lần nào Nguyễn Huy Thiệp cũng nói lấp. Anh không thích nhìn thẳng vào mắt người đối diện, chỉ nhìn quanh quất đâu đó. Thi thoảng dừng câu chuyện, liếc xem tôi phản ứng ra sao”.

Theo chân Nguyễn Huy Thiệp, tôi bước vào phòng khách. Căn phòng lồng lộng gió với cửa sổ và cửa ra vào trở rộng. Nguyễn Huy Thiệp rót cho tôi một ly nước lọc. Về phía mình, anh mở nắp cốc nhựa, bên trong có nước đậu nành đang uống dở. Anh nói, dạo này ngày nào anh cũng uống nước đậu để tăng cường sức khỏe. Câu chuyện dở dang thi thoảng bị ngừng lại, Nguyễn Huy Thiệp cầm cốc nước đậu nành lên, nhấp chút môi. Một động tác nhỏ đó cũng đủ thấy cuộc sống của nhà văn dạo này khá điều độ.

Tôi cũng uống một ngụm nước, tranh thủ lướt mắt nhìn quanh phòng khách. Nguyễn Huy Thiệp chắc chắn không phải týt người sành như ông bạn thân Lê Thiết Cương. Ngôi nhà có nội thất khá sơ sài, không tủ tường dựng sách, không đồ cổ. Hoàn toàn

không đẹp đẽ và kiểu cách như tôi từng hình dung. Ngay bản thân Nguyễn Huy Thiệp cũng rất giản dị. Tuy nhiên, đó không phải là vẻ đẹp được giản dị hóa, mà là sự giản tiện đến tuềnh toàng.

Cây bút từng được ví là sắc sảo như lưới gươm ở thời điểm xuống dốc không còn (hoặc cũng có thể là không có) vẻ uy nghi, sự hào sảng và cách nói chuyện đầy mê dụ của một “đức quân vương” (Nguyễn Huy Thiệp được tụng xưng là “ông vua truyện ngắn”). Trái lại, giọng nói lấp bắp khiến những câu chuyện rời rạc càng thêm bị cắt đoạn. Những người nói lấp không phải do tật từ trong cuống lưỡi, mà do tâm lý tự kỷ khiến họ khó khăn trong diễn đạt. Có thể khi gặp những người khác, Nguyễn Huy Thiệp sẽ không như vậy. Nhưng ít ra với tôi, trong hai lần gặp, lần nào Nguyễn Huy Thiệp cũng nói lấp. Anh không thích nhìn thẳng vào mắt người đối diện, chỉ nhìn quanh quất đầu đó. Thi thoảng dừng câu chuyện, liếc xem tôi phản ứng ra sao.

Cái nhìn kiểu Nguyễn Huy Thiệp có thể không phải là sự dò xét, vì người như anh chắc chắn chẳng nề hà đến chuyện người khác nhìn nhận mình ra sao. Có lẽ, cái nhìn đó như muốn khẳng định đẳng cấp cao hơn trong cuộc nói chuyện với tôi. Dù sao, những ảo tưởng trong tôi đã tắt. Ngay từ lần đầu tiên gặp con người này.

Đó là một buổi tối cách đây chừng hai năm. Một “lễ mở xiêm y” của đào nương Phạm Thị Huệ. Theo tục hát ca trù (còn gọi là hát ả đào), sau khi đào nương học xong các ngón nghề của thầy, cô phải có một buổi lễ ra mắt chính thức với khán giả, được gọi là “lễ mở xiêm y”. Đào nương Phạm Thị Huệ vốn là giảng viên Nhạc viện Hà Nội. Trước đây chị chuyên chơi tỳ bà, và được đánh giá là người chơi đàn tỳ bà hay nhất Việt Nam (theo Nhà nghiên cứu Bùi Trọng Hiên). Con đường đến với ca trù của đào nương xinh đẹp này đã có nhiều bài báo viết đến. Hôm đó, “lễ mở xiêm y” được dựng tại tư gia (đồng thời cũng là gallery) của họa sĩ Lê Thiết Cương.

Gallery chật cứng chỗ ngồi. Nhóm của chị Huệ gồm có chị và hai người thầy là cụ Chúc và cụ Đệ được phong là nghệ nhân đến từ Hà Tây và Hải Dương. Đây là một nhóm hát ca trù có cỡ, dù Huệ khi đó mới chỉ học ca trù vài tháng. Trong buổi lễ ra mắt đó, có một người đàn ông hơi thấp, bẽn lẽn đi lại, mặt tỏ vẻ không hài lòng.

Buổi lễ bắt đầu. Tay MC giới thiệu về nhóm và cảm ơn các quý tài trợ nước ngoài. Khi ấy, chính người đàn ông mà tôi chú ý trước đó cất lên một giọng nói đanh thép ngay bên cạnh tôi: *Nhớ nói là anh Lê Thiết Cương “tài trợ” hai triệu đấy nhé!* Rồi giọng lại lí nhí, như chửi tục một câu gì đấy. Tôi liền hỏi ngay người bạn đi bên cạnh, và khi ấy mới hay là “ông vua truyện ngắn” Nguyễn Huy Thiệp. Chừng mười lăm phút sau, như không tiêu hóa nổi “món” này, Nguyễn Huy Thiệp bỏ về.

Hai năm sau, tôi mới có dịp gặp lại Nguyễn Huy Thiệp. Một lần tại tư gia, lần khác tại một quán café tại khu phố từng là điểm đến của “dân chơi” Hà Nội: phố Hàng Hành.

Buổi trò chuyện này được thực hiện khi tôi ở nhà Nguyễn Huy Thiệp. Nghĩa là khi tôi đối mặt với anh ta, Nguyễn Huy Thiệp cố gắng thể hiện trạng thái mềm mỏng và xã giao nhất có thể. Có lẽ khi mời tôi đến nhà, Nguyễn Huy Thiệp muốn cho tôi thấy một trật tự gia đình, một niềm tự hào lớn lao của anh ?

PV: Phải sau mười năm làm giáo viên, anh mới viết văn. Thế là có khoảng gần 10 năm lặng lẽ của Nguyễn Huy Thiệp. Hồi ấy, khi còn là giáo viên tại Sơn La, anh thực sự mong muốn điều gì?

Khi ấy tôi là trai Hà Nội xịn, 20 tuổi lên ở vùng núi rừng 10 năm. Tôi đang từ nơi đô hội đi lên vùng núi dạy toàn những... ông bà già. 10 năm sống với rừng núi, thiên nhiên, sách vở. Tôi bạ sách gì đọc sách đấy, từ sách dễ đến sách khó. Gần như kho sách của Khu tự trị Tây Bắc đã bị tôi nghiền gần hết. Hồi đấy quyền uy của vua Mèo cũng đỡ đi rồi, tôi ở vùng Thái, thấp hơn.

Ở Tây Bắc buồn lắm, không biết phụ nữ, muốn gửi một cái thư phải đi tới 17 cây số. Tôi dạy ở trường Bồ túc văn hóa cán bộ (sau này đổi tên thành trường Bồ túc văn hóa công nông). Nghĩa là tôi phải dạy người đã đi làm, lớn tuổi. Trong khi mình là một thanh niên 20 tuổi. Họ là những cán bộ miền núi người Thái, người Mèo và bộ đội người Kinh. Văn hóa chỉ lớp 1 lớp 2 nhưng lại nắm giữ chức vụ khá cao, chủ yếu là cán bộ quan trọng nhất của Khu tự trị. Họ có tinh thần kỷ luật cao, rất ham học, nghiêm túc và cố gắng thực sự. Như kiểu tốp người cũ đặt ý chí phấn đấu lên hàng đầu. Trong 3 năm đầu tiên, tôi dạy nhiệt tình và hết lòng vì học viên. Giảng giải từng tí một, từ lớp 3 đến lớp 10. Tôi tốt nghiệp sử, nhưng phải dạy tất cả các môn, từ văn, địa lý, chính trị, toán vì thiếu giáo viên.

Giáo viên cấp 3 chỉ có 3 người, trong đó có tôi, một anh giáo viên Toán và một giáo viên Văn (học bổ túc lên). Hồi ấy quy củ chẳng ra làm sao, lớp của tôi bị nợ rất nhiều môn. Những chương trình từ lớp 3 đến lớp 10 nhiều như thế tôi phải tìm cách rút gọn đi. 3 năm sau, tôi cũng nản, thất vọng. Tôi nhận ra không ai dạy được ai, nhất là khi đã có tuổi rồi. Bộ óc già đi muốn nhét chữ thì cũng chịu.

PV: Khi ấy anh đã nghĩ sau này mình sẽ quẳng phán mà cầm bút thành nhà văn?

Mơ ước thì từ nhỏ tôi cũng loáng thoáng nghĩ tới, vì nhà tôi có nhiều sách. Khi lên Tây Bắc, đọc nhiều hơn, thì cái mong muốn ấy được thêm củng cố. Nhưng tôi cũng chẳng biết viết thế nào. Có lẽ do đọc nhiều quá nên trong lòng mình tự bộc phát lên thôi. Cũng có những truyện tôi viết từ năm 20, 21 tuổi. 10 năm sống trên đó tôi giống như một tu sĩ.

PV: Những người tài đa phần cô đơn lắm! Họ thường xuyên khắc khoải, đau đáu chưa đựng những điều chưa thực hiện được. Một nhà văn Nga có nói, hạnh phúc là hành động tìm mọi biện pháp để lấp đầy sự thiếu hụt mình không thể nào thực hiện được. Thực sự, đó là những khoảng trống không thể nào lấp đầy, vì khi lấp đầy được là khi ấy anh “hổng”. Anh sẽ chẳng còn viết, chẳng còn hoàn thiện được nữa. Hồi trẻ, anh đã cảm nhận dc điều đó chưa?

Mới chỉ lờ mờ thôi. Mà sao tuổi trẻ của tôi không cô đơn ? Chỉ khi người ta sống, càng về già mới càng cô đơn. Tuổi trẻ trong lòng có nhiều ham muốn điều này điều kia nên tôi không thấy cô đơn. Tôi chỉ thấy buồn thôi. Nhưng về sau càng nổi tiếng tôi càng thấm thía sự cô đơn. Tôi có nhiều người yêu và cũng có nhiều người ghét. Khi trở về Hà Nội, tôi cảm nhận rõ ràng về sự lạc lõng, dù quê cha đất tổ ở đây. Lúc ấy tôi chưa có danh tiếng. Phải làm đủ việc, lao động vất vả nuôi gia đình. Nhìn ra xã hội thấy mình chẳng bằng ai. Tôi cũng mong muốn, khát khao có danh tiếng như họ. Cũng muốn đi nước ngoài, trở thành người nọ người kia. Nhưng thực sự nhu cầu kiếm tiền nhiều hơn. Tôi hiểu rất rõ: không kiếm được đồng tiền sẽ nguy to.

PV: Lý trí khi ấy đã đập đổ những giấc mơ. Anh có thấy mình tỉnh táo quá không?

Tôi không biết, nhưng tôi nghĩ ai cũng tỉnh táo thôi. Hơn nữa khi ấy tôi có bố mẹ già, Đã có vợ và 2 đứa con. Vợ tôi dạy học ở trên Bắc Ninh. Lúc đó tôi không viết văn. Tôi làm việc ở triển lãm Giảng Võ, buôn bán giấy.

PV: Ngày ấy làm gì có buôn bán. Ý anh nói là buôn lậu?

Bọn tôi buôn lậu từ trên Tuyên Quang, mua với giá bao cấp của Nhà nước. Tôi còn nhớ mua ở Tuyên Quang có 350 đồng một cân, mà đem về Hải Dương bán được 1800 đồng. Nếu đem tới Nam Định còn bán được 2000 đồng cơ mà! Tôi rất liêu lĩnh. Tôi tự tổ chức và tìm thêm một, hai lái xe cùng đi theo tôi. Hồi ấy tôi có rất nhiều tiền, thậm chí có người nhờ lập kế hoạch, tổ chức và bán lẻ cho học sinh ở trường.

Trong quá trình đó, tôi nhận ra rằng khi mình ở những nơi thấp, xa xôi, lạc hậu thì con người có ý thức hướng thượng, sống nghiêm túc hơn những người ở nơi “cao”. Tôi thất vọng, nên tôi bỏ nhà nước là thế.

Có nhiều yếu tố khiến tôi bỏ Bộ Giáo dục. Khi đi kiếm sống vất vả, biết nhiều, mong muốn viết văn chương của tôi trở dậy.

PV: Có luồng dư luận cho rằng, truyện ngắn của anh giống phóng sự nhiều hơn là văn học. Những truyện sốc thường dễ gây hiếu kỳ. Nhờ đó mà anh đã gặp thời?

Có lẽ là như vậy “Có thời thì tự may mắn. Không thời cả thế gian này như không”. Cho nên có lẽ tôi là một trong những nhà văn hợp thời sau Đổi mới. *Tướng về hưu* xuất hiện sau 87. Cùng với *Tướng về hưu* tôi cũng có một tập truyện trong tay. Thời đến đúng lúc và trước đó tôi cũng có mười năm tích tụ. Cô làm nghề viết sẽ biết ngay. Mình sống thế nào mình mới viết được. Mình ngồi một chỗ không viết được đâu. Viết phải đi, đọc và sống trong dòng chảy của nhân gian.

PV: Khi ấy, bài phê bình Tôi không chúc bạn thuận buồm xuôi gió của “giáo sư” Hoàng Ngọc Hiến có phải chất xúc tác cho danh tiếng của anh vụt sáng?

Đó cũng chỉ là một yếu tố thôi. Khi tập bản thảo của tôi gửi vào miền nam, người đầu tiên đọc là Nguyễn Duy và Thu Bồn. Tập truyện đầu tiên của tôi được in trong Sài Gòn.

PV: Anh có nghĩ, nếu in vào thời điểm này, tập truyện ấy chưa chắc gây được nhiều tiếng vang như thế?

Cũng có thể. Tôi cũng không biết nữa. Bạn đọc mỗi thời một khác. Bạn đọc thời ấy cũng có thể có sự ấu trĩ thế nào đấy, tôi không biết. Bạn đọc bây giờ có trình độ hơn, ghê gớm hơn chẳng? Tôi không không rõ tôi có phải là một tay nhà văn gặp thời không. Nhưng văn học phản ánh cuộc sống.

Cái hay cái dở cũng chỉ là một khía cạnh thôi, như xem xét con người có nhiều khía cạnh. Con người đa dạng lắm, ở nhà khác, trong xã hội khác. Khi tôi mặc một bộ cánh là tôi trở thành một người khác. Lúc thật lúc giả nhiều cái phức tạp.

PV: Anh cảm thấy anh sống thật được với mình đến mức độ nào? Anh có dám khẳng định mình không đeo mặt nạ khi bước ra ngoài xã hội không?

Tôi không biết, nhưng những người bạn bè đều công nhận tôi sống thật. Tôi là người sống thật.

Tượng Quan Âm với khuôn mặt phi giới tính, nhìn bên trái hao hao là đồng nam, bên phải lại hao hao là đồng nữ, không toát lên sự thoát trần và uy nghiêm. Bức tượng hoàn toàn không ăn nhập với khung cảnh xung quanh lắm. Nó không khiến không gian được thanh thoát, thoáng đãng, mà e rắng, như khiến ngôi nhà lẽ ra thoáng đãng lại có chút gòn gợn. Bức tượng trơ trọi, lẻ loi, đơn cô trong một khung cảnh khá hữu tình. Đường như Nguyễn Huy Thiệp cố nén bức tượng vào đó, chứ có lẽ, nếu có thể cất thành lời, chắc cũng ai oán: *Thiếp ơi ông đừng đẩy tôi đến sự tàn nhẫn và phi lý của hiện thực như đây những độc giả của ông nữa!*

Có lẽ bức tượng giống như một nguyên mẫu nào đấy trong truyện của Nguyễn Huy Thiệp hơn. Phải chăng đó chính là sự tưởng tượng của Nguyễn Huy Thiệp về nàng My Nương trong *Trương Chi* hay nàng Hồ Xuân Hương trong *Chút thoáng Xuân Hương*? Hay đó chính là Nguyễn Huy Thiệp tự phóng tác mà đặt hình ảnh của mình trong đó? Có lẽ điều này chỉ có Nguyễn Huy Thiệp mới biết được...

PV: Trước khi bước vào nhà, tôi thấy có một tượng Phật Bà Quan Âm bằng xi măng màu ghi xám. Điều gì khiến anh dựng cả tượng Phật trong nhà?

Tôi dựng tượng năm 1991. Nguyên do thì nhiều lắm. Nó bắt đầu sau một cú sốc về chuyện văn chương và trong cuộc sống. Hồi đấy tôi có viết kịch bản phim. Hồi ấy danh tiếng của tôi cũng đang lầy lừng....

Nó là một nhu cầu nội tâm. Họạ sĩ điêu khắc Nguyễn Hồng Hưng cùng với tôi và thợ cùng làm. Có tượng, ngôi nhà này yên tĩnh hẳn. Bà vợ tôi trồng thêm rau cỏ quanh vườn, không phải mua thêm ngoài.

Khi ấy tôi rất chán nản. Tôi cũng tự suy nghĩ và sắp xếp lại trong lòng mình. Cuối cùng tôi tự chọn lựa một lối sống từ năm đó đến giờ là tránh xa mọi cám dỗ.

PV: Tránh xa mọi cám dỗ?

Không phải. Tôi cũng không biết, nhưng tôi cảm thấy tôi cần phải làm như thế. Và tôi lờ mờ nhận ra sống ở trong xã hội, có nhiều lối sống khác nhau. Chọn lối sống của người bình thường là điều tốt nhất. Càng ở những nơi tôn danh, tiền bạc, thế lực, nó có thể hợp với người này, người kia nhưng không hợp với tôi. Tôi chọn lối sống như cỏ cây. Cô đến nhà tôi sẽ thấy vợ chồng tôi trồng rau tự lấy ăn, cố gắng trở về với thiên nhiên.. Nhiều nơi mời mọc ghê gớm quá thì tôi cũng lủi đi.

PV: Anh khẳng định anh đã thoát khỏi những ma lực mê hoặc tạo nên bất hạnh cũng như hạnh phúc của con người: danh tiếng, tiền bạc và sắc đẹp...?

Mà tôi cũng giống như mọi người thôi. Tôi cũng ham nổi tiếng, tiền bạc và phụ nữ. Nhưng tôi phải từ chối. Có nhiều người quý tôi đến mức độ tôi cũng không ngờ tới. Có khi cũng phải “chuồn”.

PV: Đâu phải lúc nào cũng “chuồn” được đâu.

Đúng thế.

PV: Như anh từng nói, anh cũng muốn mọi người hiểu: Nguyễn Huy Thiệp không giống như mọi người nghĩ đâu! (cũng giống như nhà văn Hồ Anh Thái trong một bài viết của Vietimes). Anh bị quá nhiều hiểu lầm?

Càng người thân càng hiểu nhầm tôi, Đầu tiên từ gia đình, vợ con. Đây là điều mà tôi rất vất vả. Còn với người ngoài, ví như khi tôi có danh tiếng, khi khách đến, họ thấy nhà thấy nhà tôi rất rộng (1000 mét vuông), thì sẽ nghĩ này nọ ngay. Mà nghề văn kiếm được tiền bao nhiêu đâu? Nhưng tôi may mắn vì ở trong và ngoài nước in tác phẩm của tôi đều đều từ năm 1987 đến năm 2005. Thế nhưng nhiều khi tên tuổi lớn quá, không cẩn thận sẽ ảnh hưởng trước hết đến những đứa con của mình. Tôi có 2 thằng con trai, cũng may chúng đều là họa sĩ, bán được tranh.

PV: Anh cũng có những chuyện lo âu về con cái. Phải chăng trong một gia đình có quá nhiều nghệ sĩ với những cá tính quá mạnh sẽ gây nên nhiều xung đột?

Giống như một cái cây trong vườn. Khi nó lớn quá thì các cây khác bị mặc cảm, bị co lại. Nguyễn Bảo Sinh có đùa: bố tiến thì con lùi và bố lùi thì con tiến! Cho nên sống trong gia đình phải nhìn nhau. Tôi chủ trương sống trung dung, không hèn quá và cũng không ngông nghênh quá. Nhìn chung không thể nào giáo dục được bằng lời nói. Như cuộc sống trong gia đình, tôi vẫn quan sát mọi người, tôi biết ai tận tụy với ai chứ. Như trong một cơ quan, ta biết được tay nào ghê gớm, tay nào nói dối và tay nào nói thực ngay.

PV: Với những gì anh đã nhận được từ văn chương, anh có nghĩ chuyện buồn của gia đình anh là một cái anh phải cho đi, đúng theo thuyết quân bình. Mọi thứ trên một đời người cộng lại đều trở về nguyên khởi. Ai cũng như ai. Ai cũng phải CHO thứ này để NHẬN lại một thứ khác?

Tôi nghĩ giữa nguyên nhân và kết quả trong cuộc sống của con người có nhiều mối nhân duyên với nhau. Như nhà Phật nói, khi anh gieo nhân nào anh sẽ gặp quả ấy. Sự nổi tiếng có thể đem tới một kết quả tốt và có khi ngược lại. Sự giàu có và nghèo hèn cũng thế. Tôi theo thuyết trung dung, không để cho mình hèn quá cũng không tăng bốc mình lên. Tôi giữ thuyết trung dung trong tư tưởng, tình cảm và lối sống. Tôi khuyến khích mọi người trong gia đình sống như thế. Cách sống thế rất khó. Phải trả giá nhiều tôi mới rút ra được ý thức sống như trên. Đó là cái tu dưỡng cho bản thân mình. Phải biết tự điều chỉnh để có sự cân bằng. Thấy gì lớn quá thì cũng phải lùi đi. Chứ nếu tham sân si đến chết thì khổ lắm!

PV: Danh tiếng của anh có ảnh hưởng nhiều đến con cái?

Không cẩn thận chúng sẽ ỷ vào danh tiếng của bố.

PV: Hình như là ỷ rồi đấy chứ?

(Cười). Đúng. Chúng nghĩ ông bố nhiều tiền thì muốn gì cũng được.

Nói rồi Nguyễn Huy Thiệp dẫn tôi lên tầng 2, xem xưởng vẽ của Khoa và Bách. Tranh Khoa màu sắc chói lọi, chưa nhuần nhuyễn nhưng đã hé lộ những cá tính rất riêng. Còn tranh Bách theo nghệ thuật pop art của Trung Quốc, có những bức lạnh lùng và vô cảm như tranh truyền thần (Lê Thiết Cương phân tích). Nhìn tranh, dường như Bách có

vẽ giống cha nhiều hơn. Cách đây chừng năm rưỡi, Bách có ra triển lãm đầu tiên.

PV: Khi Bách ra triển lãm đầu tiên, có rất nhiều bút danh lạ ký dưới những bài khen triển lãm tranh của Bách. Có những thông tin, đó là Nguyễn Huy Thiệp chứ chẳng ai xa lạ. Đúng là kiểu “Con vẽ bố khen đẹp”. Có phải anh viết không?

Ừ. Mình cũng phải động viên và sử dụng hết mối quan hệ để giúp nó chứ. Mình giúp người ngoài được mà sao con mình mình lại không giúp. Hai thằng con tôi, tôi cũng bằng mọi quan hệ của mình để tổ chức triển lãm và bày tranh bán ở gallery. Nó sống được và tự tin thì cũng là điều tốt cho tôi. Có thể tôi mới rảnh rang đi chơi được. Như trong *Trò chuyện với hoa thủy tiên*, các nhà văn phải biết cách tổ chức đời sống thế nào để anh vừa viết vừa sống được. Văn chương dễ đưa lại tai nạn lắm. Nhiều khi chỉ vì danh hão mà rất phiền. Đánh giá một con người, có khi phải đến khi người ta qua đời rồi mới biết rằng hay hay dở.

PV: Hàng ngày nếu không viết văn thì anh làm gì?

Tôi chẳng làm gì cả. Lang thang thôi (cười).

Nói rồi Nguyễn Huy Thiệp đứng dậy bắc nồi cơm.

PV: Buổi trưa mọi người có hay ăn cơm cùng nhau không?

Có. Vợ tôi cũng hay về. Bà ấy toàn nấu thức ăn trước. Còn tôi chỉ phải cầm nồi cơm thôi.

Khi mời tôi đến nhà, Nguyễn Huy Thiệp có lẽ đã tiếp tôi theo cách bất thiệp nhất có thể. Anh giới thiệu phòng trong nhà: phòng làm việc của hai đứa con trai Bách và Khoa, phòng mới của vợ chồng Bách, nơi tạo nên cảm hứng viết văn và vẽ vờ, từng cái cây trong vườn...

Nguyễn Huy Thiệp chắc hẳn đang rất hài lòng với không gian êm đềm đó. Nguyễn Huy Thiệp nhã ý mời tôi ở lại ăn cơm, theo phép lịch sự, nhưng tôi từ chối.

Tiền tôi ra cửa, tôi còn được tặng những chiếc đĩa sứ ký chữ Thiệp to dùng làm kỷ niệm, gói ghém cẩn thận trong chiếc túi ni lông như thói quen của người dân quê tặng khách tới thăm. Đó là một sở tài lẻ khác của Nguyễn Huy Thiệp: vẽ trên đĩa sứ. Có cả chân dung của Lê Lưu, Nguyễn Duy, Bảo Ninh, Chu Diên, Nguyễn Quang Thiều, Trần Đăng Khoa, Đỗ Hoàng Diệu, Tô Hoài, Phan Thị Vàng Anh, Văn Cao, Hồng Thanh Quang và một bức tranh vẽ về Khoa, người con trai thứ hai từng bị nghiện của Nguyễn Huy Thiệp.

Tôi cảm động, dắt xe ra khỏi cổng. Nhưng trong lòng vẫn còn nhiều điều chợn rợn. Tôi đi trước. Nguyễn Huy Thiệp đi đằng sau. Tôi bỗng giật mình. Quay lại. Nguyễn Huy Thiệp mặt cứng đờ, không chút cảm xúc. Dù sao vẫn chỉ là cảm giác của riêng tôi. Khi Nguyễn Huy Thiệp đóng cánh cổng gỗ lại, một sự hoang mang trào dâng. Tôi ra về. Trong lòng sự nghi ngờ lờ mờ ngấm bõ.

Vài ngày sau, tôi cố gắng thuyết phục anh, thêm một lần nữa.

Y như tôi đoán, lần gọi đầu tiên, Nguyễn Huy Thiệp trở lại sự lạnh lùng như lúc tôi chưa từng gặp. Nhưng rồi anh cũng đồng ý, hẹn tôi đến trò chuyện và tặng sách tại café phố Hàng Hành. Buổi hẹn chính xác là 2 giờ chiều.

1 giờ 40': Tôi đã có mặt tại quán cafe 39 Hàng Hành. Đợi đúng đến 2 giờ.

2 giờ 10': Khách đến và đi. Nguyễn Huy Thiệp vẫn chưa đến. Nhưng tôi quyết định chưa gọi. Nếu thực sự muốn đến, sẽ không cần phải gọi.

2 giờ 20': Quá sốt ruột. Tôi quyết định gọi. Nguyễn Huy Thiệp mở máy trả lời. Thiệp đang ở một nơi khá ồn. Anh bảo sẽ đến ngay.

2 giờ 40': Tôi vẫn ngồi chờ. Gọi lại lần thứ hai. Nguyễn Huy Thiệp mở máy.

Hóa ra Thiệp đã đến Hàng Hành lâu rồi. Nhưng lại không phải quán tôi ngồi, mà một quán khác, cũng mang số 39, ngay bên cạnh.

Thoáng chút nghi ngại, tôi rời sang bên quán kia. Nguyễn Huy Thiệp đang hí hoáy viết, một xấp bản thảo viết tay vài trang đặt bên dưới. Anh nói đang viết về Hàng Hành, một truyện ngắn đặt hàng Tết. Tôi hỏi:

- Anh ngồi đây từ bao lâu rồi?

- Tôi ngồi từ hơn 1 giờ. Cứ tưởng cô không ra.

Nguyễn Huy Thiệp trả lời miễn cưỡng. Tay lật đi lật lại tờ giấy giới thiệu tranh của một nữ họa sĩ sắp có triển lãm tại Gallery Lê Thiết Cương.

Nói rồi Thiệp đổi ý, bảo qua nhà Lê Thiết Cương phỏng vấn. Tôi lại lóc cóc qua bên đó. Như một con rối ý thức được việc mình đang bị điều khiển.

Gallery Lê Thiết Cương nằm trên đường Lý Quốc Sư. Một Gallery khá nổi tiếng trong thời gian gần đây hỗ trợ giới thiệu tranh của những họa sĩ trẻ. Nơi đây cũng tổ chức nhiều triển lãm ảnh như của chính Lê Thiết Cương và bạn bè như "Răng và Tóc", 80.00... Lê Thiết Cương là dân họa sĩ, nhưng cũng hay thích viết lách. Cương hay chơi với nhiều nhà văn thích "tay ngang" vào hội họa như Nguyễn Huy Thiệp...

Đặc biệt, với Nguyễn Huy Thiệp, Cương có một mối quan hệ sâu đậm. Hai người con trai của Thiệp theo con đường hội họa cũng là những học trò ruột của Lê Thiết Cương. Bởi thế, dù lần này Cương đi Hàn Quốc, nhưng Thiệp khi nào lên phố vẫn thi thoảng ghé chơi. Đến nhà Lê Thiết Cương, Nguyễn Huy Thiệp bảo tôi chờ cửa trước, còn anh vòng qua cửa sau, vào bên trong, qua cửa trước mở cửa y như chủ nhà. Phải nói rằng, đó là một gallery đẹp. Mọi đồ đạc trong đó, từ những bàn ghế cổ đến những tác phẩm điêu khắc đương đại cũng được sắp xếp hài hòa. Nó cho thấy gu thẩm mỹ cao và sự tinh tế của chủ nhân.

Lần tiếp xúc thứ hai này, Nguyễn Huy Thiệp và tôi cùng uống trà. Bộ ấm trà cổ với họa tiết đơn giản mà vô cùng thâm thúy. Cầm chén trà trong tay mà xúc động, như ta đang được thưởng ngoạn trà cùng với tổ tiên xa xưa. Thời gian siết chặt lại. Ngọn trà thẩm đượm nơi đầu lưỡi. Những câu chuyện của Nguyễn Huy Thiệp từ đó mà tuôn ra, lúc khoan lúc nhặt. Nguyễn Huy Thiệp trong dòng mạch đó vừa co ro lại vừa bạt mạng, vừa khiêm tốn lại vừa ngạo nghễ, vừa thực dụng lại vừa mơ màng...

PV: Ngồi bút đã nuôi sống anh hai mươi năm rồi. Anh cũng có không ít danh tiếng, tiền bạc và một cuộc sống gia đình êm ấm. Nhưng nghệ sĩ, nhất là nhà văn thì cầu toàn lắm. Đến bây giờ, có điều gì khiến anh chưa hài lòng về bản thân?

Thứ nhất, tôi bỏ đi nhiều cơ hội quá để có thể sống hay hơn. Thứ hai, nói cống hiến thì xa xỉ quá nhưng tôi có thể làm được nhiều điều tốt hơn. Như học ngoại ngữ hay một số kỹ năng sống khác, lái xe hay tự chăm sóc bản thân. Tôi là người không biết tự chăm sóc bản thân. Đây là điều tôi rất sốc khi lần đầu tiên đi Mỹ năm 1996 theo một Chương trình quốc tế. Tôi được đi tới mười mấy bang nước Mỹ theo lời mời của Bộ Ngoại giao Mỹ, sống trong nhiều gia đình người Mỹ nhiều tháng trời. Ô tôi choáng! Đó cũng là lần đầu tôi được đi nước ngoài.

PV: Anh choáng sao?

Tức là, bản thân tôi, gia đình tôi hay là... Mình vô lối trong nhiều thứ, từ trong cá nhân mình. Anh không biết đánh răng thế nào. Anh không biết bảo vệ hàm răng của mình ra sao. Ngay từ nhỏ trẻ con đã được dạy dỗ cách chăm sóc bản thân. Và bình quân mỗi cuộc đời họ mất khoảng 10 nghìn đô dành cho việc chăm sóc răng miệng. Xin lỗi nhé, mình cũng không biết làm tình như thế nào. Hay ăn uống mọi thứ của mình ngu quá! Tôi nhìn thấy những mâm cỗ ê hề những độc tố. Bên kia ăn uống rất khôn. Buổi sáng họ uống nước cam cho sạch ruột và nhấm nháp mẫu bánh mì rất nhẹ nhàng. Buổi trưa ăn nhanh làm việc. Buổi tối gặp bạn bè, uống rượu từ 9 giờ tối.

Tôi thấy từ những kỹ năng cá nhân đến kỹ năng sống trong gia đình và xã hội được nghiên cứu rất hệ thống. Khi đi thuê nhà, nếu có 6 người mà chủ nhà chỉ có 4 phòng thì sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của những người sống trong đó. Nếu bị phát hiện, ông chủ nhà sẽ bị phạt.

Khi về Việt Nam tôi viết truyện *Không có vua*. Trong mấy mét vuông mà có bao nhiêu người đi ra đi vào, rồi cởi quần áo trước mặt nhau. Sau khi đi Mỹ về (hồi đó đã kinh doanh nhà hàng Hoa Ban bên đầu cầu Chương Dương), tôi đã quyết định lấy vốn về, đập nhà cũ và cái làm nhà này. Cô sẽ nhìn thấy đây vẫn là ngôi nhà ba gian, vẫn có phòng cho mỗi người. Và nhà tôi có lẽ là đầu tiên có nhà vệ sinh ở làng này. Sau tôi nâng thêm một tầng do nhu cầu vẽ của con. Mình kiếm tiền làm gì nếu như mình sống một như vậy?

Tôi đi thăm các trường, thấy họ tổ chức rất giỏi. Ví dụ ông bà đẻ con phải có trách nhiệm nuôi cho nó học hết phổ thông, đó là trách nhiệm của bố mẹ. Nhưng đến khi vào đại học, anh phải tự vay tiền ngân hàng đóng học phí, dù anh có là con nhà giàu đi chăng nữa. Cho nên sau khi tốt nghiệp, trên lưng anh có món nợ rất lớn. Anh phải cố học giỏi, kiếm được việc không thì không thể nào trả nợ. Những thanh niên khi vào trường đại học không thể ỷ lại được. Ở Việt Nam toàn ông bố bà mẹ gửi tiền cho con. Tưởng học hóa ra toàn đi ăn chơi. Lối giáo dục thanh niên bên kia không để cho thanh niên ỷ lại và bao cấp như thế.

PV: Theo ý của anh cái vòng luẩn quẩn nó vẫn còn luẩn quẩn lắm à?

Chẳng ai thoát được cả. Cô tưởng tôi thoát được à? Cô tưởng NQT thoát được dù ông ấy đi nước ngoài rất nhiều? Trong điều kiện của tôi, tôi cố gắng hoàn thiện tốt nhất.

PV: Những bế tắc trong cuộc sống có dẫn tới những bế tắc trong sáng tác?

Nhìn chung người viết thường cố gắng làm sao biết nhiều, đọc nhiều, hiểu nhiều. Một trong những sứ mạng của họ là khai hóa. Khai hóa dân trí, khai hóa sự man di mọi rợ.

Tôi nhìn hai thằng con tôi. Mắng: sao mắt của bọn mày nhìn nhanh thế? Sao đảo đi đảo lại như rang lạc thế? Chúng nó không hiểu tôi.

Mình về chỉ nhìn thấy ánh mắt của con mình là đã đau rồi. Tôi cũng biết thế nên bao nhiêu năm, có thể do chiến tranh, hoặc do điều nọ điều kia nên Văn của mình nó man di mọi rợ. Nó vô lối chẳng ra một kiểu gì. Những giá trị đáng kể đấy bị tầm thương hóa, bị dung tục hóa, bị suồng sã. Rồi những giá trị vớ vẩn vẫn vẫn lại được tôn vinh.

Những chuyện ấy nó cũng là những chuyện thường. Nhưng khi mình gia nhập WTO sẽ là điều tốt hơn. Chứ trước kia là một mình mình chơi một kiểu, luẩn quẩn. Cả thế giới họ có một lối rồi. Mình cứ như thế mà làm.

PV: Anh cũng là một trong những nhà văn sống tốt bằng nghề đấy chứ?

Tôi cũng kiếm được. Nhưng tôi sống rất thanh đạm. Trong chừng ấy năm viết văn, tôi kiếm được khoảng độ 70, 80 ngàn đô gì đấy. Nhưng nó rải rác. Và nếu chia đều ra thì cũng chỉ bằng một người công chức sống bình thường thôi...

PV: Tại sao anh lại đồng ý cuộc trò chuyện này? Tôi hỏi thế vì nhiều nhà báo trẻ đã nói rằng rất khó gặp được Nguyễn Huy Thiệp.

Đương nhiên lúc đầu khi cô nhắn tin cho tôi thì lúc đấy tôi không muốn gặp. Tôi từ chối ngay. Nhưng sau tôi ngẫm lại, hoàn toàn không phải vì ai đó... Tôi nghĩ cô cũng phải kiếm sống thôi. Tôi không rõ nhưng nhiều phóng viên đến đây trò chuyện với tôi rồi sau đó, có những người tôi có ảnh hưởng đến cuộc đời của họ khiến tôi cũng hoảng. Họ có những khó khăn gì, thậm chí về tài chính (vì ngày xưa, tôi nghèo lắm) thì tôi cũng giúp. Cô ở Hà Nội, làm một nơi yên ổn thì còn đỡ. Nhưng nhiều người theo nghề viết lách ở tỉnh nhỏ khổ lắm, chẳng biết bầu vú vào đâu. Tôi giúp được chừng nào thì giúp.

PV: Thú thực trước khi gặp anh, tôi cứ mừng tượng anh khác lắm. Trông anh yên bình, chậm rãi quá. Dĩ nhiên về khía cạnh ổn định cuộc sống, nó sẽ tốt cho anh. Nhưng về khía cạnh văn chương, nó sẽ khiến cho bút lực của anh thiếu đi ngọn lửa. Anh có nghĩ vậy không?

Đương nhiên. Tôi không muốn viết gì nữa. Mọi người vẫn chờ đợi tôi viết, Nhưng nhiều khi tôi không muốn viết mặc dù tôi vẫn có thể viết được. Thực sự tôi không muốn viết.

PV: Anh nói không muốn viết nữa. Vậy tại sao anh lại cứ phải cố gắng viết hai tiểu thuyết Gạ tình lấy điểm và Tiểu Long Nữ. Chưa hết, anh còn tự rêu rao với báo chí là mình tiểu thuyết ba xu. Đó là một bước chuyển mới hay anh tự cảm thấy không thể viết được những tiểu thuyết thực sự nên mới rêu rao như thế để mọi người đỡ gièm pha? Một chiêu tiếp thị tác phẩm?

Đó cũng là một kiểu đấy. Với lối xuất bản hiện nay, với thị hiếu hiện nay thì họ chỉ xứng đáng đọc tiểu thuyết ba xu thôi! Mà làm sách phải đảng hoàng, phải tử tế chứ. Nguyễn Bính nói: quý sách hơn vàng!. Ngày trước người ta làm sách để “đồng nhất nhân tâm trị đạo”. Bậc thánh nhân có đức có tài mới dám làm sách.

Sau này xã hội phát triển, rộng mở, nhiều khi viết sách để kiếm tiền, cũng có khi chỉ để mua vui. Dĩ nhiên là bây giờ sách phong phú hơn, nhưng nó vẫn phải có giá trị đích thực như giải Nobel. Người ta tặng hơn triệu đô không chỉ để trao cho những tác phẩm vớ vẩn. Đó là cách hướng đạo cho các nhà văn trên toàn thế giới, dù nó là hướng đạo

của những người thuộc Viện Hàn lâm Thụy Điển. Sở dĩ tôi viết nhằm nhí là vì thế. Tức là tôi cũng chán. Tôi chán nhiều thứ.

PV: Khi người ta nói “tôi chán nhiều thứ”, là anh ta đang chán chính bản thân mình...

Đúng thế. Tôi cũng đáng chán lắm.

PV: Không hiểu nhà văn Bảo Ninh, sau khi viết xong Nỗi buồn chiến tranh có chán như anh không. Bảo Ninh hình như vì chất chứa một nỗi chán chường trong lòng, nên không muốn (hoặc không thể) ra thêm một tiểu thuyết khác. Anh ta không xuất hiện nhiều trên báo chí, ngay cả khi trả lời phỏng vấn cũng rất...chán nản. Cảm như Bảo Ninh thích đóng sập cửa trước bạn đọc...

Bảo Ninh, hẳn là người rất hay.

PV: Nhưng tôi ngờ rằng Bảo Ninh vẫn đang sáng tác một tiểu thuyết có cỡ nữa lắm!

Ai mà chẳng thế. Ai cũng mong muốn viết những cuốn tuyệt hay. Nghề viết văn hay nghề sáng tạo là nghề thổ tả.

PV: Như anh từng viết, nhà văn cũng là ông nông dân đi cày chữ. Trên hành trình đi tới cái chết, họ là những nô lệ phải mang hòn đá khổ ải trên lưng...

Ai chẳng thế. Đừng nghĩ chỉ có nhà văn. Anh thợ mộc cũng có tảng đá của anh ta. Người làm chính trị hay làm kinh tế cũng thế.

PV: Hòn đá của nhà văn sẽ khác gì so với hòn đá của những người khác? Bởi vì ngoài những khổ ải đến từ bên ngoài, do xã hội đem tới thì họ còn bị dày vò bởi những khổ ải trong tâm hồn?

Có thể do đặc điểm của nghề nghiệp vì nghề này sống nội tâm nhiều. Nếu không thoát ra được có thể ảo tưởng, bệnh hoạn...

PV: Có bao giờ anh rơi vào trạng thái không thể kiểm soát nỗi bản thân? Khi tưởng tượng quá nhiều và sống trong thế giới do chính mình tạo ra?

Không. Làm gì có chuyện đó. Làm gì có chuyện sống trong thế giới do chính mình tạo ra! Nó không có chuyện ấy đâu. Ai đó có nói thế thì chỉ nói cho oai thôi. Trước hết anh phải sống thật và tự làm phong phú bản thân.

PV: Nguyễn Huy Thiệp của năm 2007 đang ở con đường nào?

Tôi cũng ở cuối cuộc đời rồi. Đến lúc tôi phải nghỉ rồi. Cũng có thể nhiều người không tin, cả trong nước lẫn ngoài nước. Hôm vừa rồi có một tạp chí của Thụy Sĩ phỏng vấn tôi. Họ cũng hỏi tôi về chuyện này.

PV: Anh nói mình sẽ buông bút không viết nữa?

Cũng chưa biết.

PV: Tôi nghĩ nếu thực sự không muốn viết nữa, thì chẳng thà anh buông bút như nhà văn Bảo Ninh. Buông cho đến thời điểm mình muốn viết thực sự. Vì văn chương là để

phục vụ cho nhu cầu của nội tâm chứ không phải do sức ép kiếm tiền, hoặc sức ép danh vọng.

Từ trước đến nay tôi vẫn viết nhiều như thế đấy chứ. Chứ có phải viết vì danh vọng đâu?

PV: Nhưng những tiểu thuyết mới của anh thực sự khiến cho nhiều người rất thất vọng.

(Cười lớn) Kệ họ chứ. Tôi chỉ quan tâm đến tôi thôi. Tôi ích kỷ vậy đấy!

PV: Anh có đọc bài chân dung về Bảo Ninh trên Vietimes không?

Tôi có đọc. Ông ấy nói cũng thực. Tôi cũng thích Bảo Ninh. Hắn ta nhận xét kinh phết. Tinh tường và tương đối công bằng. Trần Đăng Khoa thì không thế. Trần Đăng Khoa thì tương đối cảm tính.

PV: Nguyễn Huy Thiệp sắc sảo, mạnh mẽ, và ma mị trong truyện ngắn bao nhiêu, thì trong tiểu thuyết lại bạc nhược, rời rạc, tũn mủn bấy nhiêu. Mọi tinh hoa, mọi ngón nghề trong truyện ngắn khi đưa vào tiểu thuyết đều biến thành những món ăn rời rạc, không hợp vị. Có lẽ Nguyễn Huy Thiệp và Bảo Ninh là hai đối cực điển hình nhất trong việc cực đoan với một loại hình văn học. Thường thì người viết tiểu thuyết viết truyện ngắn không đến nỗi dở lắm, và ngược lại người viết truyện ngắn viết tiểu thuyết cũng có thể đọc được. Thế nhưng với Nguyễn Huy Thiệp, tuy được gọi là “Vua truyện ngắn” thì không thể viết nổi một cuốn tiểu thuyết. Còn Bảo Ninh, dù được nhà văn – nhà biên kịch Phạm Ngọc Tiến nói “chỉ có Bảo Ninh mới biết viết tiểu thuyết”, thì trong truyện ngắn, tự Bảo Ninh nhận xét, anh ta không giỏi viết truyện ngắn. Có cố viết cũng không thể ra truyện được. Thi thoảng Bảo Ninh cũng nhận viết cho báo Tết, nhưng viết trong thế của người vụng về.

Nó tùy theo quan điểm của từng người thôi. Hồi tôi sang bên Mỹ, tôi cũng đến nơi in sách của Bảo Ninh. Đây cũng là nơi in “Những vần thơ của quỷ sa tăng của Salman Rushdie.

Bàn thêm về quà phở của người Hà Nội

Khi xem Nguyễn Việt Hà Bàn thêm về quà phở của người Hà Nội (TPCN 3, bộ mới) mấy người sành quà phở Hà Nội khen thầm: Cha này mới ăn một phần mười quà phở mà đã bàn vung cả lên, cũng là hăng! Quà là tuổi trẻ tài cao!. Tiếc là Nguyễn Việt Hà chưa nói gì đến Phở Vui ở phố Hàng Giày, Phở Thắng ở Tạ Hiền, Phở Thìn ở Bờ Hồ, Phở Tư Lùn ở Hai Bà Trưng, Phở Chát ở Khâm Thiên, Phở Nguyên Hồng ở Láng Hạ, Phở (hay Photo?) Nguyễn Tuân ở cầu Hà Đông, Phở Xe Lửa ở San José v.v... Mỗi hàng phở đều có vị riêng, cái vị riêng ấy làm nên nét độc đáo của người Hà Nội. Từ phở bàn sang văn, sang đạo cũng là chuyện thường. Sang đến đạo không phải ai cũng làm được. (Trong văn chương Việt Nam, Nguyễn Tuân đã thử làm nhưng phở vẫn hoàn... phở). Đạo cái thể của nó là không, huyền diệu vô cùng, mà cái dụng của nó là hữu, lớn lao vô cùng!

Ra ngoài thế giới, món ăn Việt Nam nhất, ăn được nhất, thậm chí có thể địch với vịt quay Bắc Kinh, bít-tết Pháp, bánh mì kẹp thịt Mắc Đô-nan, pi-da Italia, cơm ca-ri ấn Độ v.v... có lẽ chỉ có món phở mà thôi. Tôi đã ăn phở ở Mỹ, biển hiệu đề Phở Hà Nội Việt

Nam có ba loại: tô nhỏ, tô thường, tô xe lửa; bánh phở trắng và mềm, thịt bò chín và thơm, nước dùng ninh xương trong vắt, bên cạnh có thêm một đĩa rau húng, rau thơm với giá đỗ, đường trắng, tương ớt, tương chưng, ớt xanh thái lát; mới trông mà đã thấy nước miếng ứa ra, bỗng thấy Việt Nam quá, thấy yêu nước vô cùng, tự hào dân tộc vô cùng! Lúc ấy tôi rất cảm động. Tôi nhìn quanh, thấy khách ăn là người Mỹ, người Âu, người Phi... họ ăn phở một cách hào hứng, sung sướng, toát cả mồ hôi ra, tôi thấy vui thích quá! Chao ôi là phở Việt Nam! Chao ôi là phở Hà Nội! Văn minh là đây chứ còn gì nữa. Tự hào dân tộc là đây chứ còn gì nữa! Phở Bắc Hà còn! Phở Hà Nội còn! Tiếng Việt còn! Chúng ta cứ ăn phở, cứ vui chơi, cứ đọc sách văn học, chúng ta chưa phải lo lắng gì đến như ông Lỗ Tấn: Hãy cứu lấy trẻ con!

Thực ra, nếu Nguyễn Việt Hà là ông Phở Vui ở phố Hàng Giày thì không có gì phải bàn nhiều về phở. Ông Vui năm nay 76 tuổi, làm phở từ tuổi thiếu niên, sống qua ba chế độ, đi từ gánh phở mà lên. Hỏi về phở, ông Vui không nói gì nhiều, chỉ nói:

- Tôi chỉ quan tâm đến người ăn phở!

- Thế người làm phở?

Ông Vui nghĩ một lúc rồi nói:

- Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài...

Giời ạ! Thế là bỏ này lại từ chuyện phở chuyển sang chuyện văn, chuyện đạo đức rồi! Có lẽ phở nguyên thủy rất đơn sơ. Trải qua năm tháng thương hải tang điền (bãi bể nương dâu) phở trở nên đa dạng phong phú hơn, sinh động hơn nhưng cũng dung tục hơn. Đi qua các phố Hà Nội, chúng ta thấy đã từng có phở gà chặt miếng phở Tôn Đức Thắng, phở ngẫu pín Lò Đúc, phở đậu phụ Cầu Giấy, phở sốt vang Giảng Võ, phở mọc, phở trứng, phở tim lợn phố Lê Văn Hưu v.v... Rất nhiều chợ cóc mọc lên, nhiều hàng phở mọc lên. Họ nấu phở tựa như... lẩu phở, thậm chí tựa như... lẩu chó. Đáng ngạc nhiên là loanh quanh thế nào mà phở của họ vẫn cứ mở hàng được dù là chất phở của họ thật chẳng ra gì.

Vậy chúng ta nghĩ thế nào về câu nói của ông Vui:

- Tôi chỉ quan tâm đến người ăn phở...

Sau đây là hình ảnh của một người ăn phở có danh (nhà văn Lê Lựu). Cung cách ăn phở của nhà văn được nhà thơ Trần Đăng Khoa tả lại như sau: Lê Lựu hay viết về đêm. Trước khi ngồi vào bàn, anh thường đảo qua phố, làm bát phở nóng gọi là nạp thêm nhiên liệu cho máy móc vận hành... Lê Lựu đặc biệt thích những bát phở mà anh gọi là phở bốc mả. Đó là bát phở cuối cùng trong ngày, nước phở đậm, đặc ngấn những... cần nôi. Bà chủ quán xem ra đã quá quen khẩu vị Lê Lựu, có lẽ nghĩ anh là ông xế lô sau một ngày chờ khách mệt nhọc, nên bốc cho anh một đồng xương xấu cổ cánh không tính tiền, rồi đổ ào thùng nước rửa bát ra mặt đường, chông bốn chân ghế lên mặt bàn, phủ tấm vải nhựa xanh nồng đượm mùi nước mắm, dấm tỏi. Lê Lựu tỏ ra rất khoan khoái. Gương mặt nhom nhem những râu bưng bưng sung mãn như một người vừa trúng xổ số. Về nhà, tôi (tức Trần Đăng Khoa) lặn ra ngủ, còn anh thì vục mặt vào bàn uỳnh ạch viết. Thỉnh thoảng tỉnh giấc, tôi vẫn thấy phòng bên có tiếng rít điệu cày òng ọc. Lê Lựu vẫn đang lặn ngụp bì bõm, xẻ xắn từng khối chữ vật lên trang giấy. Thấy anh có vẻ bắt được mạch truyện, tôi đã mừng. Sáng hôm sau tôi lặn sang phòng anh, đòi nghe thử. Mắt Lê Lựu đỏ kè:

- Nghe cái quái gì. Tao làm hồng bố nó rồi. Không ngủi được. Chữ bò lồm ngồm như kiến đen, nhưng chẳng có hồn vía gì. Đọc cứ bỏ ra. Tức thế chứ!

Rồi Lê Lựu càu nhàu, tiếc bát phở đêm qua đổ vào hang chuột, đổ vào cái lỗ gười ời đất hời. (Trần Đăng Khoa Chân dung và đối thoại bình luận văn chương trang 81).

Hình ảnh nhà văn Lê Lựu ăn phở thật là...bi tráng! Công việc viết văn vất vả như đi cày. Nhà văn tựa như lực điền. Văn chương quả là một việc khó chơi, nhất là chơi sao cho nhã!

Đọc bài viết của Nguyễn Việt Hà về phở của người Hà Nội thật thú vị, thấy giống như một cái vung tay của bậc cao thủ, lại biết tác giả là người viết cuốn tiểu thuyết Cơ hội của Chúa, mừng cho văn học Việt Nam có thêm một cây bút mới. Mong sao cho nhà văn Việt Nam có thêm nhiều sách hay, Hà Nội có nhiều phở ngon, việc học hành của trẻ con đỡ vất vả để khỏi lo lắng như ông Lỗ Tấn. Nước ta xưa nay vốn có truyền thống văn chương ham học. Để kết thúc bài viết này xin mượn lời của Nguyễn Khuyến khuyên răn về chuyện học hành, văn chương cho nó có cổ, có kim:

*Đen thì gần mực, đỏ gần son
Học lấy cho hay, con hỡi con!
Cái bút, cái nghiên là của quý
Câu kinh, câu sử ấy mùi ngon!
Vàng mua chứa để, vàng hay hết
Chữ bán dư ăn, chữ hầy còn
Nhờ Phật (hoặc Chúa) một mai nên đấng cả
Bồ công cha mẹ mới là khôn. (*)*

Nguyễn Huy Thiệp: “Viết văn phải có mẹ” Hạnh Nhi

- Rất nhiều nhà phê bình đã đánh giá về truyện ngắn của ông, hay có, dở có. Nhà nước Pháp cũng trao huân chương cho ông để vinh danh những truyện ngắn. Vậy chính ông, ông đánh giá những truyện ngắn của mình như thế nào?

- Tôi không phải là người viết nhiều. Lượng truyện ngắn của tôi cả lớn, cả nhỏ là hơn 50 truyện nhưng không truyện nào giống truyện nào. Tôi rất có ý thức viết bằng nhiều kiểu khác nhau. Cũng có truyện chỉ là một lát cắt của cuộc sống, như *Sang sông* chẳng hạn - từ bờ bên này sang bờ bên kia là hết truyện, nhưng cũng có truyện kéo dài theo chiều dọc của nó, ví dụ như *Tướng về hưu*, kể từ khi ông Huấn về hưu cho đến lúc chết, hay cũng có những truyện kéo dài cả một thế kỷ, như truyện *Giọt máu* với lời đề từ “đem chuyện trăm năm giờ lại bàn” tức là câu chuyện của trăm năm thông qua số phận của một dòng họ, hay cũng có những câu chuyện tưởng như vu vơ nhưng thực ra nó rất có ý nghĩa về số phận con người, về đạo nói chung như *Chuyện ông Móng*, *Chuyện bà Móng*, *Chú Hoạt tôi*, hoặc cũng có chuyện mang tính liên hoàn như *Con gái thủy thần*, như *Những ngọn gió Hua Tát*...

Không phải ai cũng làm được sự phong phú về nội dung và hình thức của truyện ngắn. Tôi không chủ quan chứ trong văn học sử Việt Nam, từ khi có chữ quốc ngữ đến nay, số người có thể vinh danh trong thể loại truyện ngắn không nhiều.

- Ông có kỷ niệm sâu sắc với truyện ngắn nào?

- Truyện nào cũng có kỷ niệm sâu sắc. Nếu không có kỷ niệm sâu sắc, không có tình huống như tôi đã nói: Đặt tình cảm của mình vào tình trạng nghèo nàn thì chẳng có gì cả, không thể có những tác phẩm hay được.

- Ai là người ảnh hưởng nhiều nhất đến những trang viết của ông trong giai đoạn này?

- Tôi là người đọc sách nhiều, tôi đã có 10 năm ở trên miền núi, từ 1970 -1980, “úp mặt vào núi đọc sách”. Có những người tôi rất thích, rất nể như Guy de Maupassant, Puskin, Bồ Tùng Linh... đấy là những người có ảnh hưởng lớn tới truyện ngắn của tôi.

- Cách đây 2 năm, Bộ Văn hóa Pháp đề nghị trao Huân chương Văn học Nghệ thuật cho ông nhưng lúc đó ông chưa sẵn sàng để nhận. Lý do nào để vào thời điểm này ông đồng ý nhận huân chương?

- Đúng là cách đây 2 năm tôi đã có thể nhận Huân chương Văn học Nghệ thuật theo đề nghị từ phía Chính phủ Pháp nhưng lúc đó bản thân tôi có nhiều cái chưa ổn. Chưa ổn ở trong cách tổ chức cuộc sống của tôi. Bây giờ mọi chuyện đã khá hơn. Tôi đã trải qua một giai đoạn dài quan trọng, đã có 20 năm cầm bút, việc nhận huân chương cũng là một cái mốc, một sự đánh dấu lý thú, không phải ai cũng đạt được. Ở ta, trong nhiều năm nay, người ta vẫn hay có thái độ coi thường các giá trị, tôi cũng bị tạp nhiễm những quan niệm ấy, đây cũng là khía cạnh hay của nền dân chủ, nhưng nếu quá trớn thì cũng khó chịu. Đồng ý chúng ta cũng phải xóa bỏ những thần tượng, những giá trị ảo không có ý nghĩa gì, nhưng mặt khác vẫn phải xây dựng những giá trị mới và có ý nghĩa nào đó. Dĩ nhiên, không có giá trị nào là vĩnh cửu nhưng trong từng chặng một của lịch sử vẫn cần những giá trị để những con người mới, để lớp trẻ trông lên, chứ nếu người ta chỉ cúi gằm mặt xuống những thứ thực dụng, ê chề trong cuộc sống thì buồn.

- Việc ông được tặng Huân chương Văn học Nghệ thuật dường như chỉ là "chuyện" của người Pháp, không nhiều người Việt vẫn vãn với sự kiện này. Ông nghĩ sao?

- Khi thông tin tôi được Chính phủ Pháp tặng huân chương lan ra, tôi đã nhận được rất nhiều tin nhắn, email chúc mừng, song phần lớn đều là từ người nước ngoài hoặc là Việt kiều. Họ biết rõ thông tin này, họ hiểu những giá trị này. Việc nhiều người Việt không hiểu rõ nội dung và ý nghĩa của tám huân chương nhiều khi cũng khiến cho mình thấy tủi thân. Cũng chẳng sao cả, "lòng như sắt cứng cũng mềm dần", tôi bây giờ có khả năng dung hòa và chịu đựng được mọi sự rồi, như câu thơ của Nguyễn Bảo Sinh: "Yêu những điều không thích/ tâm nhân như mây trôi".

- Khi ông viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên "Tuổi 20 yêu dấu", nhiều người đọc đã phải thốt lên "Nguyễn Huy Thiệp chết rồi", người ta thất vọng về Nguyễn Huy Thiệp tiểu thuyết so với Nguyễn Huy Thiệp truyện ngắn, nhưng ông vẫn viết tiếp hai tiểu thuyết "ba xu" nữa, vậy có ẩn ý gì ở đây?

- Viết văn phải có mẹo. Cũng như trong cuộc sống phải khôn ngoan, dân gian có câu "ngu thì chết". Một trong những kinh nghiệm quan trọng của cuộc đời là kinh nghiệm xuất xứ, lúc nào ra mặt, lúc nào lui đi. Đây là kinh nghiệm để đời cho tất cả trí thức Việt Nam từ cổ chí kim. Người ta lúc phải giương đông, lúc phải kích tây, lúc phải làm điều nọ, lúc phải làm điều kia, nếu không thì chẳng có giá trị tinh thần mà cũng không có giá trị vật chất.

- Tức là việc ông viết tiểu thuyết là một mẹo...?

- Có thể nói thế cũng được, nhưng tôi không cố tình lập ra mẹo ấy. Tất cả mọi thứ cứ đến với mình. Nói mẹo thì hơi dung tục, có thể nói đây là thái độ ứng xử phù hợp nhất với tôi trong hoàn cảnh ấy, trong tình trạng tinh thần và tình cảm lúc đó.

- Công việc của ông, thực ra cũng "biến hóa khôn lường"?

- Viết văn là một nghề ảo. Tôi bước vào làng văn với tư cách là nhà văn viết truyện hư cấu. Hư cấu tức là ảo rồi, biến một cái vô hình thành hữu hình không phải dễ dàng. Ở ta, và cả trên thế giới, người viết rất nhiều nhưng đa số là hữu danh vô thực, đều là danh hão. Nghề nghiệp ảo rất dễ đưa lại những giá trị ảo, không cần thận người viết dễ ăn đòn, thậm chí tha hóa thành những kẻ tội tệ không ra gì. Giữ được nhân cách trong nghề viết không phải dễ dàng, anh phải có giá trị tinh thần thực. Suốt từ năm 1987 đến 2007, số đầu sách của tôi in ra nhiều và đều, số tiền nhận được không nhiều nhưng cũng có giá trị động viên nhất định để tôi có thể theo đuổi nghề văn trong 20 năm.

- Vẫn là một câu hỏi cũ: Dường như cái thời ông nghèo phải đi buôn, làm góm, bán hàng thì ông viết hay hơn. Bây giờ danh tiếng đầy đủ, tự nhiên vẫn lại nhạt đi. Ông nghĩ sao?

- Cũng có phần đúng. Danh lợi có hai mặt, như Nguyễn Công Trứ nói “phải có danh gì với núi sông”, rồi từ cái danh ấy kiếm tiền kiếm lợi, cũng không xấu. Nhưng mà mặt khác nếu không cẩn thận, không biết tự phê phán, không biết kiềm chế thì danh tiếng cũng có thể dẫn đến những điều lố bịch.

Café Hàng Hành

Như một cánh cung, phố Hàng Hành bên hồ Hoàn Kiếm dài hơn trăm mét có đến mấy chục hàng ăn, hàng café, gallery, shop quần áo. Nghe nói ngày xưa đây là nơi bán hành tỏi, sau chuyển sang nghề tiện gỗ. Đền thờ tổ nghề tiện gỗ ở trong nhà số 11. Nghề tiện gỗ vốn là nghề truyền thống của làng Nhị Khê quê hương Nguyễn Trãi.

Ở phố Hàng Hành có mấy di tích cổ là đình và đền làng Tả Khánh Thụy ở trong nhà số 23. Ngoài ra ở nhà số 40 còn đền Trúc Lâm là đền thờ các ông tổ của nghề thuộc da giầy là các ông Phạm Đức Chính, Phạm Sĩ Bản và Phạm Thuần Chính. Trước cửa đền Trúc Lâm bây giờ là nơi rửa xe máy.

- Hà Nội đất Thánh!- Ông Vũ nhà ở phố Hàng Giày trước đây vẫn ngồi ở góc hai nhà café Nhân thường nói- Hà Nội là đất Thánh nên đi đến đâu cũng là di tích!

Ông Vũ là khách đặc biệt của café Nhân. Ông biết rõ café Nhân từ khi mới lập, cách đây năm mươi năm, khi ấy chỉ là một gian nhà hẹp ở phố Cầu Gỗ. Một dạo, ông Vũ chuyển sang uống ở café Lâm phố Nguyễn Hữu Huân. Lâm nổi tiếng vì chơi với nhiều văn nhân nghệ sĩ, về già lại hay cúng tiền công đức lên cho các chùa. Lâm mất, ông Vũ chuyển về uống ở café Mai phố Lương Ngọc Quyến. Năm 2000, Mai bị bắt vì buôn ma tuý, ông Vũ chuyển về uống ở café Nhân Hàng Hành. Ngày nào cũng vậy, cứ 9 giờ sáng và 5 giờ chiều, ông Vũ đều đặn hai lượt đến ngồi ở trên ban công góc hai nhìn xuống mặt đường, uống một ly café đen đá và hút thuốc lá Camel, đôi mắt xa xăm nhìn ngắm bóng chiều cứ xuống dần dần qua tán lá bàng. Thời gian trôi đi, tất cả rồi mất hút vào trong quên lãng, qua khói thuốc, qua ly café. Chớp mắt hốt nhiên đã hết veo một đời người : ông Vũ chết vì bệnh ung thư ác tính vào năm 2003 thọ sáu mươi tuổi.

Café Nhân là nơi bọn giai phò và đám thanh niên trẻ rất thích ngồi. Một nhóm họa sĩ thời thượng ở Hà Nội để râu xồm xoàm cũng hay ngồi đây, có một bàn đặt hẳn hai được trả tiền trước. Bên cạnh bàn đặt của nhóm họa sĩ là bàn của họa hậu Mai Phương Thủy và đám thuộc hạ của cô thỉnh thoảng cũng hay đến tán phét. Khách thập phương và Tây ba lô cũng thích đến đây ăn sáng với món bánh mì sốt vang và trứng ốp lếp. Café Nhân không phải là đệ nhất café Hà Nội. So với café Bằng ở chợ Hàng Da thì thâm niên của café Nhân chẳng ăn thua gì. Café Bằng có từ khi Hà Nội vừa mới Tây hoá. Con thạch sùng ghép bằng sứ ở chợ Hàng Da là biểu hiệu của café Bằng. Đấy mới đích thị là đệ nhất đồ cổ café Hà Nội.

Ở phố Hàng Hành, café Nhân chưa hẳn đã là chỗ ngồi đẹp nhất. Vía hè ở mấy dãy nhà số 39 mới là chỗ ngồi đắc địa. Ở đây người ta có thể quan sát cả đoạn phố dài, có thể tha hồ ngắm nhìn thiên hạ đi qua đi lại. Bầu không khí bằng lăng thậm chí còn hơi hiu hắt ở đây quăng tầm giờ chiều gợi nhớ vô biên đến những phố huyện ở vùng Hà Nam Phủ Lý hay ở vùng đồi trung du Phú Thọ. Ngồi trên gác hai café nhà số 20 trông xuống mặt đường, nhất là vào những đêm hè, người ta cũng có cảm giác như đang ngồi trên gác một quán cao lâu ở trong phố cổ Hội An cơ nữa...

Đối với nhiều người trong đám dân chơi Hà Nội, ly café Hàng Hành buổi sáng cũng là bắt đầu một ngày. Ngày ấy sẽ dài hay ngắn, sẽ vui hay buồn? Tất cả đều là ẩn số sau ly café này đây.

- Nếu ta coi ly café buổi sáng là ranh giới xác định bắt đầu một ngày cũng hay!- Tay họa sĩ để râu xồm xoàm nói với người bạn café ngồi bên- Chào buổi sáng!

- Thế thì chết!- Người bạn café ngồi cạnh bật cười- Một ngày mới của ông bắt đầu vào lúc 9 giờ. Ông uống café đến khoảng 10 giờ. Thế là hết buổi sáng còn gì! Người khác ai cũng như ông thì chết!

Ừ! Vậy một ngày mới ở đây bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ lúc mấy giờ?

24 giờ đêm, cánh cửa kính Hotel nhà số 14 khép lại, ông khách Tây đi chơi khuya cuối cùng đã về, mấy ngọn đèn đường vụt tắt, căn phố nhỏ bắt đầu mơ màng vào giấc ngủ say. Cùng lúc ấy ở ngõ nhà số 20, một người phụ nữ mảnh khảnh đi ra, có một chiếc taxi vọt đến đón cô ra ga cho kịp chuyến tàu buôn lên Yên Bái. Một ngày mới, một cuộc phiêu lưu mới bắt đầu với người phụ nữ này ngay từ 0 giờ.

1 giờ sáng, có nhiều tiếng động lao xao ở trước cửa đền Trúc Lâm. Ông Dương- một tay cao bồi già, trước đây vốn là võ sỹ quyền Anh, mấy năm nay mắc bệnh mất ngủ quả quyết vẫn thường nhìn thấy các vị sơn thần thổ địa ở quanh hồ Hoàn Kiếm vẫn đến "giao ban" ở đây:

- Cũng giống hệt như đội dân phòng!- Ông Dương nói- Chỉ có điều các cụ đều mặc áo đỏ, áo vàng, ống tay áo rộng, cụ nào cũng để râu, để ria, chân đi hài, đi hia. Khi đi, cầm tư tưởng như chân các cụ đều không bén đất, tất cả đều nhấc là là cao hơn mặt đất khoảng chừng gang tay!

Chẳng ai tin lời ông Dương vì ông này suốt ngày uống rượu, lúc nào cũng trong trạng thái tây tây.

- Tây tây là thế nào? Ông Dương cáu- Tớ trông thấy cả cụ Rùa, đầu húi trọc, mặc quần áo trắng (đúng rồi, y hệt như trong phim Bao Công!). Cụ Rùa khật khà khật khưỡng cũng cùng đi nữa!

Ông Dương không phải là người dân chính gốc ở phố Hàng Hành. Ông Dương mới về ở phố Hàng Hành độ chục năm nay nhưng lại là nhân vật nổi tiếng nhất phố. Trước đây, ông Dương nhà ở dưới đề Tô Hoàng, sau vượt biên sang tận Hồng Kông, đã từng xưng bá trong trại tị nạn, nổi tiếng anh hùng nghĩa khí. Về già rửa tay gác kiếm, mấy đứa con lại kế nghiệp cha, đi ra ngoài không ai bắt nạt được họ. Có một thứ trật tự vô hình được thiết lập ở phố Hàng Hành hình như có vẻ như có bàn tay của cha con ông Dương cầm chịch.

2 giờ sáng, có tiếng reo hò ở phía đầu phố Lương Văn Can. Người ta đang bật ti vi xem trận bóng đá ngoại hạng Anh giữa Arsenal và Manchester United. Sau trận cầu này sẽ có kẻ khóc người cười. Gần đây, dân chơi Hà Nội đã quen với những cuộc cá độ lên tới cả triệu đô.

3 giờ sáng, có tiếng gáy te te của con gà tre trong một nhà nào giữa phố. Đây là thời khắc của cô hồn ma quỷ hiện hình. Bà Phú có mọt thuốc lá vẫn thường ngồi bán ở trước cửa nhà số 4 bảo rằng cứ vào đêm 30 cuối tháng bao giờ cũng thấy có bóng mấy bà cô ông mãnh xuất hiện vào đúng giờ này. Đây là hồn ma của mấy thanh niên đua xe máy chết hồi năm ngoái ở trước cửa đền vua Lê Thái Tổ. Những cô hồn này vừa đi vừa khóc than ai oán. Bọn họ đều là con cái nhà giàu trên chợ Đồng Xuân đang độ tuổi teen.

4 giờ sáng, anh Quyền người vẫn chở thịt bò từ trong Chuông Vác mang cho các cửa hàng bít tết có tiếng ở Hà Nội phi xe máy từ phố Bảo Khánh đi vào. Cậu Quyết, đầu bếp của cửa hàng "Fast food- Snack bar- Restaurant" hé cửa nhận hàng. Anh Quyền người cao lớn, lưng gù trông như con gấu. Cậu Quyết em trai anh ta đứng cạnh trông chẳng khác gì một đứa bé con.

5 giờ sáng, khoảng trời phía trên Tháp Rùa ở hồ Hoàn Kiếm bắt đầu hưng hừng bừng lên một thứ ánh sáng thật huyền ảo và rực rỡ. Hàng xôi gà, bún thang ở nhà số 29 bắt đầu lục tục dọn hàng. Mấy vị khách ở Sài Gòn đi công tác ra Hà Nội vẫn quen ngủ đêm trong mấy khách sạn dưới phố Cầu Gỗ thường đi bộ đến đây ăn sáng. Họ coi việc ăn sáng ở phố Hàng Hành là một trong những " nét đẹp văn hoá" của chuyến đi ra miền Bắc của mình. Khi về Nam, vị béo ngậy của xôi gà và thanh thanh của bát bún thang Hàng Hành sẽ làm cho các anh hai, chị hai ngơ ngẩn nhớ đời.

6 giờ sáng, các hàng café bắt đầu lục tục mở cửa dọn hàng. Từ lúc này tới khoảng nửa đêm, phố Hàng Hành bước vào phiên chợ đồ hội thường ngày của nó. Phù hoa ư? Hay phù phiếm? Phù du ư? Hay phù thời...

Khuôn mặt tinh thần của phố Hàng Hành thường thường không có nét gì là sâu sắc cả. Nó không mơ ngủ. Không nồng nhiệt. Nó không gay gắt. Không sát phạt. Có sự điệu đà, có sự khinh mạn. Có phần phờ cùng sĩ diện. Đôi khi có những ưu tư và vô nghĩa lý... Khuôn mặt tinh thần của phố Hàng Hành thường thường ít khi thay đổi ở trong một ngày, ở trong một tháng, ở trong một năm... Có thể nhận ra những định đề gì (định đề hay châm ngôn?) từ trong nhịp sống bề ngoài đều đều, vô cảm của con phố phù hoa vào loại bậc nhất của thành phố này?

VÀI ĐỊNH ĐỀ ĐẦU TIÊN:

- * Ở đâu có trật tự thiết lập ở đây hoặc có hiền nhân quân tử, nếu không ắt hẳn có những bàn tay tàn bạo dựa vào. *Ừ, có hai trong một.*
- * *Cái gì không giết anh sẽ khiến cho anh mạnh mẽ hơn- đương nhiên, nguy hiểm hơn.*
- * Bạn tìm kiếm gì? Đi xem gì?
- Tìm kiếm cái chết! Đi xem người chết!
- * *Sự nhàn rỗi ở người này là sự bắt đầu, là sự khởi động. Ở người kia lại là đứt cước, lại là tệt ga. May mà đứt cước, may mà tệt ga!*
- * *Sao đi trách tôi khiếm nhã mà chị lỗ lổ?*
- * *Anh cởi mở? Hay anh toan tính xâm phạm giá trị tiết hạnh người ta?*
- * *Tiết hạnh ư? Chỉ là quan niệm.*
- * *Muốn hạnh phúc thì im đi, đừng suy nghĩ.*
- * *Tất cả đều là biểu hiện của Dục vọng. Ừ thôi vậy, gọi là cái Đẹp.*
- * *Tôi không nói gì, tôi chối. Người ta không nói gì, người ta phục tùng. Anh hãy nghĩ xem vì sao tôi chối, vì sao người ta phục tùng?*

Khoảng 9 giờ trở ra, phố Hàng Hành bắt đầu cực kỳ sầm uất. Những khách hàng quen thuộc cứ đến lại đi. Một năm, rồi mười năm, hai mươi năm nữa có còn những khách hàng quen thuộc như thế này không?

Đôi vợ chồng tỷ phú một gallery nổi tiếng trên phố Hàng Bông đèo nhau trên xe máy để đi ăn sáng. Ăn xong, họ ngồi ở vỉa hè nhà café Nhân với vẻ mãn nguyện hài lòng... Mãn nguyện hay thụ động?

Ông họa sĩ đi 40 cây số từ Xuân Mai về khoan khoái ngồi tựa cửa nhà số 39 mộng mơ... Mộng mơ hay ảo tưởng?

Ông giáo già ở phố Âu Triệu ăn mặc comple caravat trắng tinh như đi dự tiệc... Dự tiệc hay hẹn hò?

Tay nhà văn ở phố Nhà Chung gác chân ngồi đọc báo cộp một mình... Một mình hay đa nhân cách?

Một đám công chức tụ đầu ngồi xem ảnh nuy ở trong điện thoại di động Nokia N81... Xả hơi hay suy đồi?

Mấy cô buôn bán chứng khoán đều là vợ con mấy vị cảnh sát bên đồn Tràng Thi cười như nắc nẻ... Cười người hôm trước hôm sau người cười...

Khoảng giữa trưa, khách uống café bắt đầu van vãn. Mấy cô sinh viên kiêm làm gái gọi đi học về, da tái mét vì đói bụng hay vì ăn kiêng, bồn chồn ngồi đợi nhân tình đi xe ô-tô đến đón.

1 giờ chiều, mấy cậu nhân viên giữ xe máy, rửa xe máy với đánh giầy ngủ gà ngủ gật.

3 giờ chiều, hàng bún cua ở cạnh café nhà số 38 mở hàng. Mấy cô trên phố diện short và áo hai dây ngồi ăn khế chua trước cửa café nhà số 39. Một tay buôn bán ma tuý lảng vảng lướt qua. Một ông nhà văn trông tầm thường như tay lái xe ôm ngoại tỉnh đang ngồi đọc sách, đăm chiêu, bất động.

5 giờ chiều, một ông linh mục trong Nhà thờ Lớn đi uống cafe, ăn mặc như một ông giáo cấp Hai trường huyện nhà quê.

6 giờ tối, một bà thầy bói vận áo dài lụa màu nâu mon men đi đến bên cạnh các cặp tình nhân ở quán cafe ga găm. Phố xá đã lên đèn, bóng tối bắt đầu xoá dần đi những tia sáng ngày nhợt nhạt...

VÀI ĐỊNH ĐỀ TIẾP THEO:

* Điều ác thường vẫn khởi lên từ quan niệm thái quá về danh dự. Bởi vậy, "bạn đạo đức" vẫn là bạn đáng ngờ nhất về đạo đức.

* Không có vĩ nhân hẳn là đám đông đang tụt dốc, đang mòn mỏi... Sự tầm thường còn kinh hơn cả cái chết.

* Không có mỹ nhân không có vĩ nhân.

* "Tư tưởng chỉ đến khi người ta bước đi, khi người ta đang ở trên đường". Đó là Nietzsche. Cần nói thêm: khi người ta không an toàn, khi người ta đang "xa rời tổ ấm"...

* Tiền ư? Tình ư? Tội ư? Đây là cuộc sống ư? Đây là cuộc sống.

* " Sự đơn giản là điều kiện thiết yếu của cái Đẹp đạo đức". Lep Tonxtoi nói thế. Nhưng để đơn giản, người ta cứ phải phức tạp cái đã.

* "Chúng ta đang sống trong thời mạt pháp". Nhiều người nói thế. Chúng ta đang già đi, môi trường ô nhiễm, sức đề kháng yếu đi. Chẳng làm sao được.

* Bản chất con người phi luân luôn miệng nói về đạo đức. Con người đạo đức cũng nói như thế. Vẫn là như thế, mãi là như thế.

* Anh dũng, can đảm, kiêu hùng: đây là cái Đẹp.

Rụt rè, loanh quanh, bạc nhược: đây là cái Xấu.

* Những kinh nghiệm riêng tư đích thực thường không nhiều lời. Nó nắp sau vẻ ngô nghê, ngờ nghệch, cù lằn. Nó đau đớn buộc phải huyền đi...

Một buổi chiều có một vị tôn sư đi cùng với một cô gái là học trò của ông ta đến phố Hàng Hành. Họ ngồi trên gác hai nhà cafe Nhân trông xuống mặt đường. Chỗ này trước đây khi còn sống, ông Vũ ở phố Hàng Giày vẫn hay đến ngồi. Đây cũng là chỗ của nhóm họa sĩ thời thượng để râu xồm xoàm vẫn đặt bàn hàng ngày vào các buổi sáng.

Cô gái hỏi:

- Thưa Thầy, nhiều người hàng ngày vẫn đến uống cafe ở phố Hàng Hành. Đây thường là lúc bắt đầu một ngày của họ. Thưa Thầy, đây có phải là thời khắc để phân biệt ranh giới giữa đêm với ngày, giữa bóng tối và ánh sáng ở trong lòng họ hay không?

Vị tôn sư đáp:

- Không phải con ạ! Ranh giới phân biệt giữa đêm với ngày, giữa bóng tối và ánh sáng không phải ở ly cafe. Lòng nhân ái bao dung mới là ranh giới phân biệt giữa đêm với ngày, giữa bóng tối và ánh sáng. Khi trong lòng ta đầy rẫy oán thù, đầy rẫy nhỏ nhen thì đây là đêm đen, là bóng tối. Còn khi ở trong lòng ta chan chứa tình người, chan chứa tình thương thì ta nhìn ai ta cũng thấy có bóng dáng Thượng đế ở trong lòng họ. Đây mới chính là ban ngày, chính là ánh sáng ở trong lòng ta. Có rất nhiều người đi giữa ban ngày mà lòng trĩu nặng như đi ở trong đêm đen phủ đầy bóng tối. Họ không biết rằng chỉ có lòng nhân ái, sự bao dung mới giúp cho họ phân biệt được ranh giới giữa đêm với ngày, mới thấy ánh sáng mặt trời rực rỡ ở đâu... Tình yêu giữa người với người chính là ánh sáng...

Cô học trò triu mến nhìn vị tôn sư. Ông nhắm mắt trong sự im lặng, trong sự linh thiêng và trong bình an tuyệt đối.

Cô gái nói:

- Con cảm ơn Thầy. Con sẽ ghi nhớ điều Thầy vừa nói...

Ánh sáng hoàng hôn rực rỡ chiếu vào căn gác nhỏ trong nhà cafe Nhân. Đây là thứ ánh sáng đặc biệt làm cho ta có thể bàng hoàng sực tỉnh ra rất nhiều điều. Cho đến mãi về sau này, cả đến khi về già, cô gái kia vẫn không bao giờ quên được buổi trò chuyện với

vị tôn sư, vẫn không bao giờ quên được cái ánh sáng kỳ diệu tuyệt vời ở trong buổi chiều hôm ấy.

Ấy thế mà đã sáu năm rồi đấy.

Ấy thế mà đã sáu mươi năm rồi đấy...

Tưởng tượng về Nguyễn Huy Thiệp Vương Trí Nhàn

Nếu có một thứ “Quả bóng vàng” (Hay là “Cây bút vàng”) dành để tặng cho các cây bút xuất sắc hàng năm thì trong năm vừa qua – và cả nửa đầu năm nay nữa – người xứng đáng được giải trong văn xuôi ta, có lẽ là Nguyễn Huy Thiệp. Nhắc tới anh, người ta nhớ *Tướng về hưu*, gây xôn xao một dạo, bởi cách viết rạch ròi trần trụi; nhớ *Muối của rừng* tưởng như không đâu, hóa ra lại đượm nhiều ngụ ý thâm trầm, nhớ *Một thoáng Xuân Hương*, lịch duyệt mang đậm phong vị kẻ sĩ Bắc Hà; nhớ *Con gái thủy thần* lẫn lộn hư thực, và liêu lĩnh đến tùy tiện. Với mỗi một truyện ngắn, Nguyễn Huy Thiệp như đang làm một cuộc phiêu lưu cho ngòi bút mà cũng là tự phác ra chân dung mình. Cuộc phiêu lưu đó đang tiếp tục nhưng do chỗ mỗi truyện ngắn đã là một nét vẽ hẳn lên rõ ràng, nên người đọc vẫn có thể vượt qua những khoảng trống để phác ra hình ảnh Nguyễn Huy Thiệp. Khi một ngòi bút có được cá tính mạnh mẽ thì sự định hình dấu có đến sớm cũng là một điều dễ hiểu.

Sự độc đáo kỳ lạ là một yêu cầu nhất thiết với văn học, thế nhưng một phong cách như Nguyễn Huy Thiệp lại hai lần kỳ lạ vì nó mang tới cái chất mà lâu nay trong văn học Việt Nam hơi *thiếu* – chất kiêu bạc tàn nhẫn, cay đắng. Bằng một lối kể trầm trầm của một kẻ vừa trải đời, vừa chán đời và không còn những hy vọng dễ dãi vào đời trong *Tướng về hưu*, tác giả vẽ ra một khung cảnh ở đó, nếp sống thực dụng lan tràn, trở thành một thói quen; con người lì lợm lâu ngày đến mức mất hết cảm giác về sự lì lợm của chính mình; cái tốt bé nhỏ như một cái gì trớ trêu rơi rớt lại không được việc gì; lương tri vẫn còn trong mỗi người nhưng nó chỉ đủ sức làm cho người ta ghen ngào khi phải đối mặt với những cảnh tha hóa bần cùng. Và chẳng, như là sản phẩm của tất yếu, tất cả giản dị hồn nhiên, nhiều hành động bột phát lại như đã tính toán sẵn từ trước, một câu nói buột miệng lại sắc cạnh như một châm ngôn. Con người không phải muốn làm gì thì làm, và càng giãy giụa, nó càng chứng tỏ mình đã bị hoàn cảnh khống chế chặt chẽ.

Trong một nét vẽ thoáng qua, có lần Nguyễn Huy Thiệp tả một nhân vật “mặt nhàu nát vì đau khổ”. Về nhàu nát ấy phải nói cũng là nét chính trên khuôn mặt văn học của Nguyễn Huy Thiệp mà ta thấy hiện lên qua các sáng tác – nhàu nát, tê dại, để rồi trở nên hung hãn, táo tợn. Chỉ người xa lạ với tác phong của đám học trò nhạy cảm học đòi làm văn mới dám viết – tức là “chường mặt mình ra” – như vậy, viết bất chấp mọi lễ thói trong nghề, chỉ tuân theo một luật chơi duy nhất là nói những điều đào sâu chôn chặt trong lòng. Những sinh thể kỳ dị vốn có sức sống lạ lùng, câu chuyện về Lão Tôn (Tôn Ngộ Không) nứt ra từ đá đã nói rất hay về điều đó. Về phần mình, mượn cách nói mà chính tác giả đã dùng, văn chương Nguyễn Huy Thiệp có phần giống “con gái thủy thần”, hoặc một thứ con hoang, kết quả của những cuộc lang chạ đầy đau khổ. Chỉ có điều là phong cách con hoang dị dạng đó lại biết nói về những nét đặc trưng của cuộc sống hôm nay đích đáng mà ta không thể tìm thấy trong bất cứ phong cách nào khác. Có phải đã đến lúc lối sống, lối nghĩ tự mệnh danh là tinh tế ý nhị, đã trở thành vô nghĩa;

mọi điều phải trái xưa nay lấp lửng phải được nói toẹt cho rõ ràng; mọi sự ngộ nhận phải được đính chính? Và như vậy thì lối viết lạnh lùng, suông sã, không coi cái gì là quan trọng, cái gì cũng muốn nói tuột ra – lối viết ấy có cái lý của nó. Trừ một vài cây bút “chuyên đề”, còn đối với phần lớn các nhà văn ta hiện nay, thực tại lịch sử thường là một cái gì xa lạ. Con người tác giả, con người bạn đọc thường lo sống sát với nhu cầu thường ngày. Ai dám tự nhận biết rõ khuôn mặt lịch sử mà dẩy vào cho phiền.

Ở chỗ mọi người ngại ngừng Nguyễn Huy Thiệp lại sẵn sàng “lĩnh đủ”. Sự định hướng trong cách hiểu đời sống trước mắt mạnh mẽ đến nỗi nó chi phối luôn cách khai thác lịch sử và khơi mào cho những hư cấu có thể là bịa đặt mà không để gì nghi ngờ. Và thế là trong những thiên truyện *Kiểm sắc*, *Vàng lửa*, chất dã sử và chất hiện đại có dịp thâm nhập vào nhau, tạo ra những món ăn lạ miệng cho trí tuệ. Sở dĩ một thiên truyện như *Tướng về hưu*, như khắc vào đầu óc ta một phần vì ở đó, tác giả biết cách trình bày hiện tại như một cái gì đã thuộc về lịch sử, còn trong *Vàng lửa*, *Kiểm sắc*, người viết lại nhìn lịch sử bằng con mắt ngày hôm nay. Biết nhìn hiện tại như lịch sử thì có thể tránh được những yêu ghét cá nhân vớ vẩn, những run rẩy vô lối mà đám nghệ sĩ kiêu căng và yếu lòng thường có. Còn biết nhìn lịch sử như hiện tại thì tuy có thể mang tiếng suông sã nhưng sẽ tránh được những cái chấp tay vái dài trước người xưa và biết sử dụng lịch sử như một phương tiện để hiểu hiện tại. (Người sành văn học phương Đông có thể bảo ở chỗ này, Nguyễn Huy Thiệp muốn học theo bút pháp lạnh lùng, hần học của nhà viết sử Tư Mã Thiên, nhưng một sự ước đoán như thế lúc này còn là quá sớm!). Ở cuối truyện *Kiểm sắc*, Nguyễn Huy Thiệp kể Đặng Phú Lân nghe xong giọng hát cô Cầm “thờ dài, trào máu ra từ ngũ khiếu”. Hôm sau Lân bỏ đi, không chào người chủ quán cũng không hỏi người khách trẻ tuổi với cô Cầm chủ quán. Tại sao? Người ta đoán rằng sau những im lặng và cái hành động giật cục của nhân vật Võ Biền là mọi cảm xúc lớn lao không nói lên lời.

Cách bày tỏ tình cảm kiêu này của nhân vật *Kiểm sắc* là một gợi ý tốt giúp chúng ta hiểu mạch trữ tình kín đáo nơi văn Nguyễn Huy Thiệp. Chắc hẳn trên khuôn mặt nhàu nát kia còn những nét trữ tình ẩn giấu không dễ mấy ai nhận ra. Chẳng thế mà thỉnh thoảng vẫn bắt gặp những thoáng rưng rưng của tác giả khi nói về những con người yếu đuối trước trận cuồng phong của lịch sử, hoặc về nỗi cô đơn của người nghệ sĩ. Trong phạm vi của một cái gì manh nha hé mở, chúng ta cảm thấy tác giả muốn đưa hình ảnh cô Cầm và Ngô Thị Vinh Hoa ra như là biểu hiện của cái đẹp và sự yếu đuối, những thứ mãi mãi còn lại trên cõi đời này, và càng hiếm lại càng quý. Giữa cuộc sống nghiệt ngã phải chăng đây vẫn là một phần lý do để mỗi chúng ta sống hy vọng vào cuộc sống? Chính thế! Mà trước hết, sự sáng tạo văn chương phải được hiểu theo nghĩa đó. *Khi cái ác được viết ra, tức là có điều kiện để đẩy lùi nó. Mỗi lần nghệ thuật chiến thắng là một lần cái thiện chiến thắng.*

Với thói bi phần thường trực, ở cuối *Kiểm sắc* Nguyễn Huy Thiệp viết rằng công việc viết văn phức tạp, nhọc nhằn, lại buồn tẻ nữa. Nhưng tôi ngờ có lúc Nguyễn Huy Thiệp sẽ thấy mình nhầm! Cái việc oan nghiệt ấy cũng rất thú vị, dù chỉ là một thứ thú vị kiểu Xi – dip. Nếu tác giả không cảm thấy trước, thì làm sao tác phẩm của anh có được cái hấp dẫn ma quái với bạn đọc như nó đang có?

*Nguồn: Văn nghệ, Hà Nội, số 35 & 36 (20-8-1988).
Rút từ chuyên đề tư liệu “Đời sống văn nghệ thời đầu đổi mới”
do 2 nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân và Nguyễn Thị Bình
sưu tầm, biên soạn*

Phụ đính :

Chăn trâu cắt cỏ

Chùa Kiên Lao làng Hiền Lương là chùa nhỏ. Sư Tịnh ở chùa một mình. Năng hay đến chơi. Mẹ Năng bảo: Năng, mày có duyên với nhà Phật đấy. Năng cười, không nói gì.

Một hôm sư Tịnh bảo:

- Này Năng, con ở gần ta sáu năm. Nghe ta đọc kinh Phật có hiểu không?

Năng bảo:

- Có chỗ hiểu, có chỗ không hiểu.

Sư Tịnh bảo:

- Ừ!

Sư Tịnh bảo:

- Ngày xưa, Lục tổ nghe kinh Kim Cương, chỉ nghe câu: ỨNG VÔ SỞ TRỤ NHI SINH KỲ TÂM LIÊN KHAI NGỘ. Câu ấy có nghĩa là: ĐỪNG BẮM VÀO CÁI GÌ MÀ ĐỂ LÒNG VÀO. Con có hiểu không?

Năng bảo:

- Con đang nghĩ.

Nói thế nhưng không nghĩ gì. Sư Tịnh bảo:

- Nghĩ đi.

Hôm ấy có sư Diệu Thủy ở chùa Sùng Khánh đến nghe giảng. Sư Diệu Thủy hơn Năng vài tuổi, quê ở Thái Bình, đã học hết phổ thông trung học. Hỏi vì sao đi tu? Sư Diệu

Thủy bảo:

- Hồi ấy, trường học tổ chức đi du lịch ở Côn Sơn Kiếp Bạc. Ta đến, thấy các ni cô đang ngồi đống oản. Không khí trong lành, cảnh chùa đẹp để Lòng ta tự dưng rung động. Ta ước ao có ngày cũng được như những người kia. Thế là về nhà, ta lạy chào cha mẹ rồi đi. Năm ấy 17 tuổi.

Sư Tịnh bảo:

- Bằng tuổi. Năng bây giờ.

Năng nghĩ:

- 17 tuổi là tuổi ngốc nghếch.

Sư Tịnh đọc được ý nghĩ của Năng. Sư Tịnh bảo:

- Không ngốc đâu.

Năng đỏ mặt. Năng đã coi thường sư Diệu Thủy chẳng?

Sư Tịnh bảo:

- Hôm nay ta kể chuyện này. Lần ấy Lục Tổ đến chùa kia. Mọi người đang nghe giảng kinh, bỗng có ngọn gió thổi đến làm lay động lá phướn. Một thầy tăng nói: Gió động. Một thầy tăng khác nói: Phướn động. Thế là mọi người đua nhau tranh cãi.. Lục tổ bấy giờ

mới bước lên nói rằng. Không phải gió động, cũng không phải phướn động. Chỉ có cái tâm của chư vị động mà thôi. Mọi người bấy giờ hết sức ngạc nhiên, tất cả sụp lạy Lục tổ.

Sư Diệu Thủy về, Năng cũng về.

Năng đi qua cánh đồng. Lúa sắp lên đồng nên có mùi thơm ngào ngạt. Trời nắng, thứ nắng đầu mùa hạ, không khô mà dịu.

Thoạt nhiên bỗng mưa bóng mây. Mưa rất nhanh, ào ạt, chỉ khoảng độ năm mươi phút. Giữa đồng không mông quạnh, chẳng biết trốn vào đâu, Năng ngồi thụp xuống bờ cỏ, thế mà ướt đầu, ướt áo. Năng nhìn ra xung quanh, màu lúa như sẫm xanh hơn..

Năng đi đến bờ ruộng ngồi nghỉ. Không nghĩ gì, chỉ nhìn những gợn sóng lăn tăn đều đặn ở trong lòng ruộng. Nước như đứng lại, không biết chảy ngược hay xuôi. Từ phía phố Huyện có ba người đi đến.

Năng nghĩ:

- Không phải người làng.

Ba người ngồi dưới gốc cây phi lao. Một người béo chừng năm mươi tuổi trải một tờ báo xuống đất, lấy thức ăn trong túi xách đặt lên. Một người gầy cũng lấy trong túi ra mấy hộp bia và hộp nước ngọt. Còn người thứ ba, thấp lùn thì đứng bên cạnh, càu nhàu:

- Sao không vào quán mà ăn?

Người béo cười:

- Đánh chén ở đây khỏi phiền người ta.

Họ cùng ngồi xuống ăn uống, nói chuyện.

Người gầy nói:

- Ông Trọng tháng mười một này nghỉ hưu.

- Đáng lẽ về từ mấy năm trước nhưng ông ấy khai gian lý lịch để kéo thêm vài năm, ông ấy tuổi Sửu bằng tuổi chú Vượng tôi. Thế mà chú Vượng tôi đã chết được sáu năm rồi.

Người béo nói:

- ông Trọng về là phải rồi. Cũng đã xây được nhà, con trai con gái đều đã lấy vợ lấy chồng. Thế là vinh thân phì gia, có cửa ăn của để.

Người thấp lùn nói:

- Con gái bà chị tôi là con dâu ông Trọng, lấy thằng Điền. Hai vợ chồng nó đều dạy học ở thị xã, lại có cửa hàng ở chợ, thuê người bán hàng. Sống sung túc lắm.

Người gầy nói:

- Ông Trọng về nghỉ hưu thì ai lên thay chức ông ấy?

Người thấp lùn nói:

- Chắc lại ông Trung vẫy cánh của ông ấy thôi.

Người béo nói:

- Tôi đâm ra nghiện cái nước giải khát Coca Cola.

Câu chuyện kéo dài, mỗi người nói một câu rồi họ đứng lên đi về phía Năng.

Năng về nhà. Cơm nước xong thì mẹ Năng bảo:

- Năm nay con có định thi vào Đại học không?

Năng bảo:

- Thôi mẹ ạ, con ngại học lắm. Con cũng không muốn xa mẹ.

Mẹ Năng cười:

- Anh tưởng anh còn bé à. Đi ra đời mà học khôn chứ!

Bố Năng bảo:

- Khôn dại làm quái gì! Cứ làm anh nông dân là tốt! Kệ nó! Nó lớn rồi nó biết nghĩ.

Năng lên giường nằm.. Giấc ngủ kéo đến dịu êm và nhẹ nhàng. Trong giấc ngủ, Năng cảm thấy mình đang phiêu du ở đâu ở đâu..

Buổi sáng, Năng dậy đi cắt cỏ trâu. Mang theo cái liềm với đôi quang gánh. Dọc theo bờ sông là bãi ngô với bãi mía. Năng cũng không biết cảnh vật ở đây đẹp hay không đẹp. Bây giờ ở Hà Nội người ta làm gì, ở New York người ta làm gì, ở Tôkyô người ta làm gì? Năng cảm thấy mình đã ở những nơi ấy, thậm chí thuộc lòng từng khu phố một. Cắt cỏ chỉ hơn tiếng đồng hồ. Cỏ mặt rất thơm nhưng trâu không ăn. Sao trâu lại chỉ ăn cỏ gừng cay mà khô, chỉ ăn cỏ cật rập và ngựa, cỏ nhằng là thứ cỏ dai ngoách?.

Năng rẽ vào chùa. Sư Tịnh đang ngồi một mình, tựa như đang ngủ. Năng đặt nhẹ gánh cỏ xuống dưới gốc nhãn rồi nhẹ bước đi vào mà sư vẫn biết.

Sư Tịnh bảo:

- Năng đây à?

- Vâng.

Sư Tịnh:

- Đi cắt cỏ à?

- Vâng.

Sư Tịnh:

- Có chuyện gì không?

- Không.

Sư Tịnh:

- Đang nghĩ gì?

Năng giật mình. Nghĩ gì? Có cần phải nghĩ một điều gì không?

Sư Tịnh bảo:

- Mỗi giây nghĩ đều không ngưng trệ. Sống. Biến đổi. Như dòng nước. Như mây bay. Như máu chảy.

Có khách đến. Khách là ông giáo Hội. Ông giáo Hội cũng là người làng.

Sư Tịnh hỏi:

- Ông giáo hôm nay không lên lớp à?

Ông giáo Hội cười, lộ chiếc răng khểnh.

Ông giáo Hội bảo:

- Bạch thầy, hôm nay tôi không có giờ. Chẳng là có chai rượu của cậu học trò mang biếu. Nghĩ uống rượu một mình buồn nên mang lên chùa uống với thầy. Có được không ạ?

Sư Tịnh bảo:

- Được.

Uống rượu một lúc. ông giáo Hội bảo:

- Tôi là người phạm phu, trông lên Phật kính nhi viễn chi. Không dám đến gần. Tửu cũng ham, sắc cũng ham, danh lợi cũng ham. Biết là xấu mà không bỏ được. Bằng tuổi này đau đớn ê chề đủ cả. Nếu bằng tuổi thằng Năng bây giờ, tôi không gần đàn bà - đấy là toàn những bộ xương khô. Tôi không đọc sách báo - đấy toàn là thuốc ngủ, tôi không làm bạn bè với ai - đấy toàn là yêu quái.

Sư Tịnh cười:

- Thế ông làm gì?

Ông giáo Hội không trả lời, hỏi vu vơ:

- Thế sống là chạy đuổi theo thói xấu với người xấu à?

Năng chào sư Tịnh và ông giáo Hội về nhà.

Sư Tịnh bảo:

- Tùy duyên, sao lại phân biệt tốt xấu để cho đau lòng?

Năng gánh cỏ. Năng thấy gánh cỏ một bên nặng, một bên nhẹ. Để cân bằng phải lệch đòn gánh một bên. Gánh thế không đi xa được nhưng may từ chùa về nhà chỉ dăm trăm thước. Trâu đang đợi cỏ, thấy Năng về vẫy đuôi rồi rít. Năng đang cho trâu ăn cỏ thì chị Thư đến. Chị Thư là thủ quỹ của xóm chuyên đi thu tiền. Mẹ Năng ra tiếp.

Chị Thư bảo:

- Cháu đến thu tiền điện. Tiền điện tháng này của nhà hết 28 ngàn đồng. Tiền góp cho lễ Thánh mỗi nhà 5 nghìn đồng. Tiền tiêm chó 3 ngàn đồng. Cả thảy 36 ngàn đồng.

Mẹ Năng cười ngượng ngịu:

- Cả nhà còn mỗi 30 ngàn đồng. Hay tao bảo thằng Năng mang con gà ra chợ bán?

Chị Thư bảo:

- Con gà nhà mấy cân?

Mẹ Năng bảo:

- Làm gì mấy cân? Con gà ri trứng để cứu vờ. Bán giỏi lắm chắc được 15 ngàn đồng.

Chị Thư bảo:

- Thím bắt ra đây cho cháu xem nào. Đẳng nào cháu cũng phải đi chợ mua thức ăn đãi khách ủy ban. Nếu thấy được thì cháu duyệt luôn. Nhất cử lưỡng tiện. Khỏi phải ra chợ.

Mẹ Năng đi bắt gà.

Năng bảo:

- Con đánh trâu ra đồng cày. Được không mẹ?

Chị Thư bảo:

- Thằng Năng đảm việc thật. Về sau cô nào lấy được cậu ấy thì sướng cả đời.

Năng đỏ mặt. Nghĩ đến ông giáo Hội bảo đàn bà là đồng xương khô lại bật cười. Người đàn bà nào gắn với số phận của Năng liệu có sướng không?

Năng vác cày, đánh trâu ra đồng. Năng nhìn theo dấu con trâu bước đi chậm rãi.

*Sinh ra là kiếp con trâu
Suốt đời tắm tối dãi dầu nắng mưa
Thân tôi cỏ cày vai bừa
Nào thường buộc, nào mỡ khua rộn ràng
Xin ông, ông xử nhẹ nhàng
Tôi xin nộp đủ thóc vàng cho ông
Chú ghé tơ có độc chiếc răng
Còn chưa vược được, ông đừng vược roi
Tôi biết thân biết phận tôi rồi
Tôi không hé miệng nửa lời với ai
Gác sừng, rọ mõm, vênh lai
Cẩn rơm cẩn cỏ lạy ngài lượng cho
Đêm năm canh tiết bốn mùa
Chuồng xiêu, mái dột gió lùa vãn cam
Ai ơi bụng bát cơm vàng
Xót thương trâu đứng bên đàng lẻ loi
Khi nào trâu giết tế Trời
Miếng thịt bùi ngùi trâu hồi là trâu...*

Năng cày ruộng. Năng biết cày hết thửa ruộng cũng phải quá trưa nhưng Năng không vội. Nước xâm xấp bờ. Con trâu im lặng, làm lũi như đang nghĩ ngợi, khắc đi khắc đến. Năng cũng im lặng, chăm chú vào việc lái cày cho thẳng. Đất lật sang một bên thành từng hàng như sóng. Năng cố gắng để không nghĩ ngợi, không xét đoán. Chợt nhớ sư Tịnh có lần khuyên rằng không nên xét đoán hay dở, đúng sai, xấu tốt. Ta đã chắc gì mình ở đâu, ở đâu?

Năng cày một mình không nghĩ. Đứng bóng thì xong thửa ruộng, đánh trâu xuống sông tắm mát. Năng lấy cỏ kỳ cọ cho trâu. Con trâu dim mắt lại. Năng bới một lát, thấy đôi cò cào.

Năng về nhà. ăn cơm xong thấy ông giáo Hội ngật ngưỡng xiêu vẹo đi vào. Ông giáo Hội bảo:

- Cho bác nghỉ nhờ ở đây một lát. Về nhà thấy toàn những khuôn mặt cũ, chán lắm!

Năng bật cười. Nhà ông giáo Hội có tiếng nền nếp: vợ đảm đang, những đứa con rất ngoan, hiền lành, nhà cửa khang trang, ngăn nắp. Ông giáo Hội năm vông. ông giáo Hội bảo:

- Lúc nãy ở chùa nói chuyện với sư, giật mình nghĩ lại thấy mấy chục năm nay mình đi dạy học, dạy trẻ con toàn thứ láo khoét. Phen này xuống ngục A-tỳ là chắc. Thôi ngày mai bỏ về cày ruộng.

Ông giáo Hội nói xong thì ngủ.

Năng không nói gì. Năng biết ông giáo Hội chỉ nói thế thôi, ngày mai sẽ lại lên lớp dạy học như thường. Năng đã nghe ông giáo Hội nói thế không phải một lần. Có lần ông giáo Hội bảo trường học là nơi tu hành theo lối hưởng lạc.

Năng ra đồng. Lại phải đi cắt cỏ cho trâu. Mẹ Năng bảo:
- Bỏ mày ra đình từ sáng. Ngày mai làng tế Thành hoàng.

Sớm hôm sau, mới gà gáy nhà Năng đã dậy. Cả những nhà bên cũng thế. Mẹ Năng thổi xôi, luộc thịt. Năng tắm gội sạch sẽ rồi ra đình làng. Hôm nay hội đình, việc này đã được chuẩn bị từ hơn tháng trước. Các cụ ông, cụ bà ở trong đội tế đã thay áo quần, tề tựu cả. Đám thanh niên gồm mười tám trai tân với mười tám gái tân cùng chuẩn bị nhập hội tế.

Năng cũng ở trong số này.

Năng vào phòng hóa - trang thay quần áo. Hội đình năm nào cũng diễn sự tích của Thành hoàng làng. Chuyện rằng ngày xưa Trời làm hạn hán, ở dưới mặt đất dân tình đói khổ. Dân làng theo một chàng trai bắc thang đánh Trời. Trời sai Thiên Lôi mang sấm sét thiên la địa võng đánh lại. Ba lần chàng trai đều thắng Thiên Lôi. Cuối cùng Trời phải làm mưa, dân tình thoát khỏi tai nạn hạn hán. Chàng trai cùng dân làng vui vẻ cày bừa, trở lại cuộc sống bình thường. Nhưng Thiên Lôi đợi khi chàng trai không đề phòng thì tới đánh lén. Khi chàng trai chết, dân làng đã thờ chàng làm Thành hoàng.

Khoảng 9 giờ sáng bắt đầu hội tế. Người đông nghìn nghịt sân đình. Cờ, hoa, các mâm lễ vật bày la liệt. Không khí náo nhiệt. Năng cùng đám thanh niên vác những cái thang ngắn ra giữa sân đình. Điệu múa thang đã được tập luyện công phu từ mấy tháng trước. Câu chuyện cũ được diễn lại rất tao nhã, đẹp mắt và sôi nổi. Năng cầm thang đứng trong đội múa khi tiến, khi lùi, rẽ ngang, rẽ trái đều theo nhịp trống. Các ông già đóng vai Thiên Lôi và sấm sét cầm đao búa, kiếm kích cũng tiến cũng lùi, rẽ phải trái theo nhịp trống. Trận đánh diễn ra theo những nghi lễ ước lệ. Năng thấy bố mình cũng đóng vai một tướng nhà Trời. Trông ông rất hung dữ, khác hẳn với lúc bình thường.

Năng bị một quả chùy đánh thốc vào ngực. Đòn đánh rất hiểm. Nếu Năng ngã xuống thì thật xấu hổ ê chề. Trông ra thấy sư Tịnh đứng ở góc sân cười tủm tỉm. Diễn tích xong thì đến rước kiệu. Năng vịn vào vai kiệu. Kiệu đi vùn vụt như trong mơ. Đám đông la hét điên cuồng. Ai đó kêu to:
- Kiệu bay!

Cuộc vui kéo dài đến hết buổi chiều. Năng về đến nhà thì tối. Năng tắm giặt, ăn cơm rồi xuống thả trâu. Trăng non bắt đầu mọc. Gió thổi nhẹ. Năng thấy lòng mình trống rỗng. Năng dắt trâu ra bãi cỏ ven đê rồi nằm dài xuống vật cỏ mềm. Bây giờ mới thấy người đau ê ẩm, cởi áo ra thấy có vết tím ở ngực trái: rõ ràng vết của quả chùy. Năng nhìn lên trời cao, Năng không biết mình đang ở đâu, ở đâu? Con trâu gặm cỏ bên cạnh, nhẩn nại bình thản. Nó đang nghĩ gì. Nó đang ở đâu, ở đâu?

Bóng tối lan tỏa trên cánh đồng. Có gió thổi, rõ ràng là có gió thổi. Nghe rõ cả tiếng phàn phật của cờ, của phướn.

Thương nhớ đồng quê

Tôi là Nhâm. Tôi sinh ở làng quê, lớn lên ở làng quê. Đi trên đường Năm nhìn về làng tôi chỉ thấy một vệt xanh nhỏ trên đồng vàng. Xa mờ là vòng cung Đông Sơn, trông thì gần nhưng từ làng tôi đến đấy phải năm mươi cây số. Làng tôi gần biển, mùa hè vẫn có gió biển thổi về.

Tháng Năm âm lịch là mùa gặt. Mẹ tôi, chị Ngữ, chú Phụng với tôi ra đồng từ mờ sáng. Ba người gặt, còn tôi gánh lúa.

Tôi gánh lúa về nhà, đi men theo đường mương. Nắng gắt lắm, ngoài trời có lẽ phải bốn mươi độ. Bùn non bên vệ mương nứt nẻ, bong cong lên như bánh đa.

Tôi mơ mộng lắm, hay nghĩ. Bố tôi là thiếu tá, cán bộ trung cấp kỹ thuật hải quân, vẫn đi ra các đảo lắp ra ã với máy thông tin, mỗi năm về phép một lần. Bố tôi thuộc hết tên các đảo. Mẹ tôi chẳng bao giờ đi xa khỏi làng. Mẹ tôi bảo: □ở đâu chẳng thế, chỗ nào cũng toàn là người□. Chú Phụng thì khác, Chú Phụng đã đi nhiều nơi, chú Phụng bảo tôi khi chỉ có hai chú cháu với nhau: □Trong thiên hạ không phải chỉ có người ã, có các thánh nhân, có yêu quái□. Nhà chú Phụng toàn phụ nữ: mẹ vợ, vợ, bốn ã con gái. Chú Phụng ã: □Chú ãp giai nhất nhà□.

Chị Ngữ là chị ãu tôi, lấy anh Kỹ. Anh Kỹ ãng làm công nhân trên mỏ thiếc Tĩnh Túc, Cao Bằng. Chị Ngữ là con ông giáo Quỳnh. ông giáo Quỳnh có nhiều sách. Mọi người vẫn bảo ông là □đồ ãn□, lại bảo ông là □lão ã già□, □Quỳnh ã□. ông giáo Quỳnh có hai vợ, vợ cả sinh ra chị Ngữ, chị ãu tôi. Vợ hai là thím Nhung, vừa là thợ may, vừa bán quán, sinh ra thằng Văn bạn tôi. Thím Nhung trước kia là gái giang hồ ở Hải Phòng. ông giáo Quỳnh lấy về làm vợ nên uy tín chẳng còn gì.

Tôi ãnh ãược chục ãnh lúa thì ãầy ùn cả sân. Tôi gọi cái Minh dọn rơm ãể có chỗ xếp lúa. Cái Minh em gái tôi người nhỏ quắt, ãen ãúa nhưng mắt sáng, lại dai sức. Cái Minh chui ở bếp ra, mặt ãỏ gay, mồ hôi ướt ãầm hai bên vạt áo. Tôi ra bể nước mưa múc ãầy cả một gáo ãừa uống ãừng ực. Nước mát lịm. Mẹ tôi vẫn hay chan cơm nước mưa ãn với cà muối. Mẹ tôi không ãn ãược thịt mỡ.

Sân nóng hừng hực, hơi nóng mờ mờ bốc lên ãng ãắt. Mùi lúa ngọt ngọt. Đường làng ãầy rơm rạ phơi ãổn ãang. Tôi ãi qua cổng nhà dì Lưu thấy có ãám người xúm ãông. Cái Mị con dì Lưu gọi tôi: □Anh Nhâm!□ Tôi vào thấy ông Ba Vện bưu ãiện xã ãang nhét thư báo vào túi bạt sau yên xe ãạp. Cái Mị bảo tôi: □Có ãiện của chị Quỳnh ngoài Hà Nội□.

Dì Lưu là em mẹ tôi, bị liệt mấy năm nay. Chú Sang chồng dì Lưu ãng công tác bên Lào, chú là kỹ sư cầu ãường. Anh trai chú Sang ngoài Hà Nội có con gái là Quỳnh ãi học Đại học bên Mỹ. Hồi bé Quỳnh ãã có lần về thăm quê.

Tôi cảm bức ãiện ãọc: □Cô Lưu cho người ra ga ãón cháu Quỳnh 14 giờ ngày...□ Tôi hỏi cái Mị: □Chiều nay à?□ Cái Mị gặt ãầu.

Dì Lưu nằm ãghiêng tựa lưng vào tường. Lúc nào dì Lưu cũng nằm như thế ãã sáu năm nay. Dì Lưu bảo tôi: □Nhâm giúp ãi ra ãón em Quỳnh nhé□. Tôi bảo: □Nhà cháu ãang

gặt□. Dì Lưu bảo: □Đề đấy đã. Gặt ở khoảnh nào?□ Tôi bảo: □Gặt ở khoảnh gieo bào thai hồng□.

Cái Mị cảm bức điện ra đồng để nói với mẹ tôi. Cái Mị cùng tuổi cái Minh em tôi nhưng cái Mị trắng hơn. Nó hay nói, hay làm nũng. Cái Mị bảo: □Anh Nhân ơi, hôm nào anh làm cho em cái lồng lấy ổi□. Lồng lấy ổi làm bằng cây nứa tươi, đầu lồng hơi giống hom giỏ, có hàm răng mở ra. Tôi bảo: □Em kiếm nứa đi□. Cái Mị bảo: □Em có rồi. Mai anh làm nhé□ Tôi nhẩm việc, thấy kín hết chỗ từ sớm đến khuya. Cái Mị bảo: □Mai đấy□. Tôi bảo: □Ừ□. Nhà cái Mị có ba cây ổi, nó trèo ổi gây cành có lần suýt ngã.

Chú Phụng đọc tờ điện báo nói: □Sao lại bưu cục S. N. N? Thế là nghĩa lý gì? Bọn ở thành phố nhiều mưu kế lắm□. Mẹ tôi bảo: □Dì Lưu đã nhờ đi thì Nhâm đi đi. Cái áo mới mẹ để ở hòm, lấy mà mặc□. Tôi bảo cái Mị: □ Em về đi. Anh phải gặt đến trưa, ăn cơm rồi đi luôn□.

Cái Mị về một mình. Bóng nó cứ ngụp dần trên cánh đồng xa tít tắp đang gặt nham nhở. Tôi cảm liềm. Quơ một vòng sát chân rạ. Giật mạnh. Bước sang trái. Quơ liềm. Giật mạnh. Lại bước sang trái. Lại quơ liềm. Lại giật mạnh. Cứ thế. Cứ thế mãi. Đất trên mặt ruộng ẩm ướt. Những con châu chấu nhỏ xíu nhảy lách tách.

Đến giữa trưa thì đồng vắng lắm. Nhìn ra chỉ có bốn người nhà tôi giữa đồng. Mẹ tôi ngồi bên vệ cỏ nhễ gai ở chân. Chị Ngữ đội nón, khăn trùm mặt, quần xà cạp đến tận mắt cá chân, ngơ ngẩn nhìn về dãy núi xa phía vòng cung Đông Sơn. Chú Phụng xếp lúa để gánh về. Chú Phụng hỏi: □Mày về luôn chứ?□ Tôi khô khốc miệng, không nói được, chỉ gặt đầu. Hai chú cháu tôi mỗi người một gánh đi về. Chú Phụng đi trước, tôi đi sau. Gánh lúa rất nặng, tôi thấy chân mình run lắm cố bước. 100 bước. 200 bước. 1000 bước. 2000 bước. Cứ thế. Cứ thế mãi. Rồi cũng đến nhà.

Cái Minh dọn cơm cho tôi ăn rồi vội vàng mang cơm ra đồng cho mẹ tôi và chị Ngữ.

Tôi ăn cơm. Cơm có rau khoai lang luộc, cà muối, cá tép kho khế. Tôi ăn một lèo sáu bát cơm. Bây giờ đang mệt, nếu không mệt tôi đánh thông đầu gạo.

Tôi ra giếng tắm, thay quần áo. Tôi lấy chiếc áo mới ra mặc, nhưng thấy gương nên thôi. Tôi mặc chiếc áo bộ đội bạc màu của bố tôi. Tôi sang nhà dì Lưu lấy xe đạp. Dì Lưu bảo: □Cháu cầm lấy ít tiền□. Dì Lưu đưa tôi năm nghìn nhưng tôi chỉ lấy hai nghìn. Hai nghìn là hai cân thóc. Dì Lưu hỏi: □Nhâm còn nhớ mặt em Quyên không?□ Tôi gặt đầu, thực ra tôi không nhớ lắm, nhưng gặp tôi cũng nhận ra.

Tôi đạp xe ra ga. Từ làng tôi đến ga tám chín cây số. Lâu lắm tôi mới đi xa thế này.

Con đường đất men theo rìa làng, qua đình làng, qua đầm sen rồi theo bờ mương ngược về huyện lỵ. Tôi nghĩ. Những ý nghĩa của tôi mừng lung. Dầu tôi biết vô nghĩa, vô nghĩa, vô nghĩa mà thôi.

Ga chiều huyện lỵ vắng vẻ. Mấy con gà rã cánh đi trên sân ga. Có khoảng chục người chờ ở cổng. Vẳng lại tiếng nhạc ở băng cát xét nhà nào đang mở. Tiếng hát của ca sĩ Nhã Phương chậm rãi: □Người đi qua đời tôi, có nhớ gì không người? Em đi qua đời tôi, có nhớ gì không em?□ Hàng phở, hàng giải khát. La liệt là những sạp hàng quần

áo, giày dép, đường sữa, thuốc lá. ô tô chạy xuôi chạy ngược.

Trời rất trong. Nắng bùng bùng. Cả phố huyện say nắng.

Tiếng còi tàu hú từ xa dè dặt, vui mừng. Có ai nói to: Tàu về. Cả phố huyện vẫn mơ màng. Lại có ai gất lên: Tàu về. Tiếng còi tàu hăm dọa, chói óc. Mọi người bỗng nhiên rối rít, cuống cuống. Những bà, những chị, những đứa trẻ bán hàng rong chạy xuôi chạy ngược. Tiếng rao hàng chen nhau: Nước đây! Ai bánh nào! Ai nước nào! Ai bánh nào! Ai nước nào!

Tôi dắt xe đứng một chỗ nhìn. Người trên tàu ra đứng ngồi ngổn ngang ở ngay bậc cửa. Đây là ga lẻ. Đồng quê tôi vô danh. Nơi tôi đứng đây vô danh. Khoảng hơn chục người lần lượt qua cổng soát vé Tôi nhận ra mấy thầy cô giáo cấp ba trường huyện. Bộ đội. Mấy người buôn chuyến. Mấy người thợ sắt. Một ông to béo, đeo kính râm, mắt kính vẫn còn dán tem. Một thanh niên cao, gầy tóc rẽ tre, đôi mắt tư lự. Tôi biết người này, đây là nhà thơ Văn Ngọc. Sau anh Ngọc là một cặp vợ chồng già. Quyên.

Quyên xoa tóc, mặc áo pun, quần gin, đeo kính, khoác túi. Quyên trông khác hẳn mọi người bởi toàn bộ thần thái toát ra.

Quyên qua cửa soát vé, nhìn quanh. Nhận ra tôi ngay. Quyên bảo: Tôi là Quyên. Có phải cô Lưu dặn anh đón tôi không? Tôi bảo: Vâng. Quyên cười: Cám ơn anh. Anh là thế nào với cô Lưu. Anh tên gì? Tôi bảo: Tôi là Nhâm, tôi là con ông Hùng. Quyên hỏi: Thế anh có họ hàng gì với tôi không? Tôi bảo: Không. Quyên gật đầu: Tốt. Cô Lưu thuê anh à? Tôi nhìn cái bóng tối sẫm trên nền xi măng. Tôi, thân phận tôi, ở đâu người ta cũng nhận là kẻ làm thuê, làm mướn.

Chiều xuống chậm. Những bóng râm chạy đuổi nhau lướt trên mặt đất. Chiều đánh rỗng nội tâm của ai hy vọng lý giải điều gì có nghĩa. Quyên hỏi: Nhà anh cấy bao nhiêu sào? Mỗi sào bao nhiêu thóc? Được bao nhiêu tiền? Tôi bảo: Mỗi sào được hơn ba nôi, khoảng gần tạ, mỗi cân thóc một nghìn tư. Quyên nhắm: Hai mươi triệu tấn thóc cho sáu mươi triệu người . Tôi bảo: Có ai chỉ nghĩ đến ăn.

Qua đầm sen gặp sư Thiều. Sư Thiều chào. Tôi chào lại. Sư Thiều bảo: Tôi vẫn nhớ dành cho cậu cây hồng tú cầu. Tôi bảo: Để lúc nào qua chùa con xin. Tôi thú chơi hoa. ông giáo Quỳ bảo: Đây là thú của kẻ biết đời chó lăm. Sư Thiều bảo: Có lấy ít sen về cắm lọ không? Đầm sen của chùa mùa này nhiều hoa.

Tôi dựng xe đẩy thuyền cho sư Thiều. Chiếc thuyền thúng chỉ vừa người ngồi. Chèo khua nước. Quyên bảo: Tôi muốn đi thuyền. Tôi gọi sư Thiều. Sư Thiều ghé thuyền vào.

Sư Thiều ôm bó hoa sen đặt lên bờ. Quyên trèo lên thuyền. Tôi đẩy thuyền ra.

Sư Thiều bảo: Chiều người lụy ta. Tôi cười.

Tôi và sư Thiều ngồi ở trên bờ. Chiều vẫn xuống chậm. Nắng hoe vàng. Trong lòng tôi rỗng hoác, rỗng lăm, một khoảng rỗng không. Quyên lên bờ. Sư Thiều mời ăn ngó sen. Sư Thiều hỏi: Ngon không? Quyên bảo: Ngon.

Nấn ná một lát rồi về. Sư Thiều chào. Quyên chào lại. Quyên ôm bó hoa sen. Sư Thiều tần ngần đứng trông theo.

Tôi đi trước. Quyên đi sau. Quyên hỏi tôi về sư Thiều.

Sư Thiều mồ côi cha mẹ. Năm 15 tuổi có người trông thấy tướng lạ bảo: □Nên xuất gia, trong trần gian không có chỗ chứa cậu □. Sư Thiều nghe lời, đi du phương nhiều nơi, tìm hiểu qua nhiều bậc thiện tri thức nhưng chẳng ngộ. Sư Thiều nói: □Nay phật ở nơi không có Phật□. Lại nói: Đạo không tâm hợp người Người không tâm hợp đạo□. Sư Thiều tìm thấy một nền chùa cũ bèn phát công đức, tìm cách tu dựng lại, không hiểu sao gọi là □Bạch xỉ tự□ (Chùa trắng răng). Sư Thiều hay đọc thơ, có câu:

Cô luân độc chiếu giang sơn tịnh

Tự tiểu nhất tinh thiên địa kinh.

Nghĩa là:

Một vàng riêng chiếu non sông lặng

Chợt cười một tiếng đất trời kinh.

Sư Thiều bảo: □Phật dạy con người tu một cách thực tế, tìm lại bản lai diện mục của mình. Phật quá thực tế nên không phải ai cũng hiểu.

Đồng vắng lặng. Tiếng ếch ộp oạp. Tiếng ếch ương rất vang, rất to. Tiếng côn trùng rả rắc.

Mưa

Mưa miên man.

Những bài học nông thôn

*Mẹ tôi là nông dân,
còn tôi sinh ở nông thôn...*
(Người kể chuyện)

Năm 17 tuổi, sau khi học xong trung học, tôi về nghỉ hè ở nhà một người bạn học cùng lớp tên là Lâm ở xóm Nhài, thôn Thạch Đào, tỉnh N.

Xóm Nhài nằm bên sông Canh, con sông nhỏ, mùa nước cạn, người lội qua sông được, chỗ sâu nhất chỉ ngập đến ngực thôi. Nhà Lâm ở cuối xóm, sâu trong ngõ nhỏ có hàng rào trồng cây khúc tần. Nhà lợp rạ, tường đất, ba gian hai chái. Đồ đạc trong nhà chẳng có gì. Giữa nhà kê một hòm gian đựng thóc, hai bên bốn cái giường tre, quần áo vắt trên sào buộc dọc tường. Trang trí duy nhất trong nhà là bức tranh lụa cổ vẽ hình ba ông Phúc, Lộc, Thọ với dăm đứa trẻ dâng đào. Tranh lồng trong khung kính chằng đầy mạng nhện. Lâu ngày mặt kính mờ đi, đầy vết cứt ruồi.

Nhà Lâm chẳng có nhiều người. Ba Lâm đã già. Bố mẹ Lâm làm ruộng. Anh trai Lâm đi bộ đội, có vợ là chị Hiền, chị Hiền làm dâu nhà Lâm mới được nửa năm. Lâm có hai đứa em: cái Khanh mười ba tuổi, còn thằng Tiến bốn tuổi.

Nhà tôi ở thành phố. Tôi ít có dịp về ở nông thôn nên lần này về nhà Lâm tôi thích lắm. Cha tôi dạy học, mẹ tôi (xuất thân từ một gia đình quan lại phong kiến cũ) ở nhà nội trợ, trợ giáo” cho cha tôi. Cha mẹ tôi muốn tôi được học lên nữa. “ Có học thì mới đỡ khổ con ạ. Mẹ tôi bảo thế.

Đây là lần đầu tôi đi xa nhà. Mẹ tôi dặn Lâm: Em nó còn ít tuổi, có gì cháu giúp nó nhé. Tôi nhìn Lâm cười. Lâm còn ít tuổi hơn tôi, Lâm đẻ sau tôi bốn tháng, nhưng nhìn bề ngoài Lâm to cao hơn tôi.

Gia đình Lâm đón tôi chân tình. Chị Hiền dọn hai mâm cơm. Mâm bưng lên hễ dành cho hai bố con Lâm và tôi. Mâm bày ở sân dành cho bà Lâm, mẹ Lâm, chị Hiền, cái Khanh với thằng Tiến. Canh cua nấu rau dút, cà pháo, tôm rang... Mâm của chúng tôi thêm vài củ lạc và hai quả ổi xanh cho bố Lâm uống rượu.

Chị Hiền mời: Các cụ xơi tự nhiên. Thằng Tiến đòi: Cho em làm các cụ với!” Mẹ Lâm gạt đi: Hồn nào! Chim bằng quả ớt thế thì làm các cụ ra sao?” Cái Khanh bụm miệng cười. Tôi đỏ mặt. Bà Lâm thở dài: Các cụ toàn chim to... Mọi người cười lẫn, chỉ có bố Lâm không cười. Khuôn mặt ông sạm đen, vất vả, nhưng không buồn tý nào, bình thản, vô sự. Thằng Tiến khóc. Chị Hiền dỗ nó: Nín đi! Chị cho Tiến cái càng cua này. Thằng Tiến lắc đầu: Ừ ừ... càng cua bé tí. Chị Hiền bảo: Ngày mai chị đi chợ, chị mua cho Tiến bộ tam cúc nhé. Mẹ Lâm bảo: Cờ bạc là bác thằng bần. Đừng mua tam cúc cho nó. Lớn lên nó ham chơi thì chết! Cứ mua cho nó cái roi. Thằng Tiến lại khóc: Mua tam cúc cơ. Chị Hiền đưa mắt sang mẹ Lâm, giấu cái nhìn đồng lõa: Ừ mua tam cúc. Bà Lâm bảo: Ngày xưa có ông Hai Chép lái đò ham đánh tam cúc ăn tiền, đầu tiên mất tiền, rồi mất ruộng, mất đến nhà, vợ nó cũng bỏ đi nốt. Thế là đến đêm ra thuyền ngồi khóc. Giận đời, lại muốn chuộc tội, ông Hai Chép lấy dao cắt phăng hai hòn dái của mình vứt xuống sông. Vợ nó cũng chẳng quay lại. Mẹ Lâm bảo: Đàn bà thế là bạc. Bà Lâm bảo: Bạc gì? Có hai hòn dái là của quý thì mất rồi còn đâu?” Chị Hiền cười: Gớm, chuyện của bà cứ rợn rợn là.

Bữa cơm qua nhanh. Cái Khanh vét nôi quèn quẹt. Chị Hiền hỏi tôi: Hiếu ăn có no không?” Tôi gạt đầu: Em ăn được bốn bát. Ở Hà Nội em chỉ ăn ba bát.” Mẹ Lâm bảo: Trai tráng ăn bốn bát thì hèn. Ông nhà tôi phải chín bát lèn chặt. Tôi cũng sáu bát mới đủ no. Chị Hiền bảo: Con chịu u. Con chỉ ba bát là hết nước. Bà Lâm bảo: Ăn đi con ạ. Đàn ông nó chẳng thương mình đâu. Rượu thì nó ngồi mâm trên. Ngủ thì nó đè lên mình. Bố Lâm gắt: Bà lão hay nhỉ!” Bà Lâm lẩm bẩm: Hay con mẹ mày! Tao tám mươi tuổi đi nói sai à?”

Chiều. Bố Lâm bảo tôi: Cậu với thằng Lâm có thích xem điều không?” Mẹ Lâm bảo: Tôi lạy ông. Xay cho tôi mấy thúng thóc. Chị Hiền bảo: Kệ bố. Để con xay cho. Chẳng mấy khi nhà có khách. Bố Lâm lấy ở góc bếp xuống cái điều to bằng cái thuyền thúng bởi giấy dó, dây điều là cuộn song to bằng ngón tay trở của tôi. Lâm lấy cát đánh bóng bộ sáo điều bằng đồng cho nó sáng tinh lên. Bố Lâm ngâm cuộn dây song xuống ao. Chờ cho tắt nắng, chúng tôi ra đồng. Cánh đồng đã gặt hết, còn trơ gốc rạ. Phía chân trời, mây cuộn cuộn rực hồng một màu lửa. Mặt ruộng nứt nẻ. Cả cánh đồng hực lên mùi hương đất nồng nàn. Trẻ con trong xóm chạy ùa theo. Mấy ông già đang phơi rạ trên bờ ao cũng bỏ việc đẩy đứng nhìn. Có ai bảo: Lão Ba Đình lại phờn. Người khác lại bảo:

Hôm nay được gió, điều kêu phải biết.

Bố Lâm cởi trần, mặc quần đùi, bấp thịt cuộn cuộn. Ông khoác cuộn dây song to tướng lên vai. Tôi với Lâm lễ mễ khênh điều. Bố Lâm bảo: Lên gò mối Đầm Tiên mà thả. Lâm bảo tôi: Mày đứng mà xem. Lâm đứng trên gò mối cao, lựa hướng gió, tay đẩy điều lên cao, trông như người múa.

Tôi chạy theo bố Lâm, ông ngã người ra đằng sau, giật mạnh dây điều. Chiếc điều chao lượn xuống. Bố Lâm chạy vọt sang phải, nhảy qua các bờ ruộng. Chiếc điều rạch chéo một đường trên không. Bố Lâm lại chạy sang trái. Chiếc điều lại rạch một đường chéo nữa. Rập rình giây phút, chiếc điều bỗng bành bốc lên thẳng đứng. Bố Lâm thả cuộn dây song. Mồ hôi từng giọt đọng lại trên tấm lưng trần. Ông thở hồng hộc. Chạy. Ngã. Lại chạy. Lại ngã.

Tôi chạy theo bố Lâm mệt muốn đứt hơi. Ông băng qua các thửa ruộng đang gặt, lội qua mương, lặng lẽ, hùng hục, vất vả, chịu đựng, tựa như một người biết rõ công việc đang làm là gian khó lắm, phải chuyên tâm lắm. Cuộn dây song thả dần ra, chiếc điều lên được độ cao tuyệt đích, ở đấy không còn những thứ gió quẩn khốn nạn, hiểm nguy và đầy bất trắc nữa; ở đấy là thứ gió khác tử tế, cao thượng, độ lượng, bao dung mà bình ổn. Nó nghiêng một cái như để khinh bỉ mặt đất, hay để chào mặt đất, rồi đứng im thối sáo một mình.

*Này là tiếng sáo, tiếng sáo
Có ai biết thế nào là hát ca không
Chỉ một sợi dây mảnh ràng buộc với đất
Đứt lúc nào chẳng hay
Mà dám lượn chao tự do
Bởi chỉ có điều thôi, điều ơi
Cảm được sự nhẹ tênh của cuộc đời
Mà không làm hại ai
Giữa chông chênh trong xanh
Làm cái tiêu nhỏ nhoi
Để chúng nhìn trời
Những đón đau, thậm chí cả vinh quang nữa
Chỉ làm chú mày nhay cảm hơn
Cứ hát ca đi
Cho thỏa lòng
Bởi số phận đã định rồi:
Điều nào mà chẳng đứt dây một lần.*

Chiếc điều đã có khoảng dao động ổn định. Sợi dây song chùng như cánh cung. Bố Lâm lên bờ đê xuôi đường dẫn điều về làng. Tay cầm sợi dây, ông làm lũi đi, giống như người vừa đi chăn trâu về, thậm chí cũng chẳng ngoái lại nhìn đằng sau nữa. Cả bầu trời ngập trong tiếng sáo. Tôi ngắm thân hình ướt đầm bê bết bùn đất của ông khâm phục, tôi ước tính khoảng cách ông vừa vượt qua để đến chín mươi cây số.

Đến đầu làng, bố Lâm buộc ghì đầu sợi dây song vào cái cọc tre đóng sẵn, bấy giờ ông mới ngược mắt nhìn trời, ngắm nghía chiếc điều đứng im trên cao, vẻ hài lòng. Ít phút

sau, ông bỏ mặc đấy, rẽ xuống sông. Ông cởi trần truồng, buộc túm chiếc quần lên cổ, một tay ôm lấy hạ bộ rồi lội xuống nước, lặn thẳng một hơi đến giữa sông mới nhô đầu lên. Ngừng giây lát, tôi chắc chắn khi đó ông có nhìn điều, ông kêu lên một tiếng gì đó, rồi lần này, lặn thẳng một hơi mất hút. Mặt sông nhòa đi, bóng tối bắt đầu phủ trùm cảnh vật.

Tôi đi một mình trên con đường lạ vào thôn. Bóng tối chập choạng. Không gian tràn ngập một thứ tình cảm dịu dàng mà bí ẩn. Cây lòa xòa bên đường. Tôi không xác định được thời gian sống hiện tại của mình. Trong tôi không hề có hình ảnh nào của thành phố tôi hằng sống, thậm chí tôi quên mất cả khuôn mặt thân yêu của bố mẹ tôi. Cả đến chuyến tàu chờ tôi và Lâm từ thành phố về buổi sáng nay nữa, tôi cũng quên biến. Thế mà đây là lần đầu tôi đi xa nhà... Quên cả chiếc điều...

*Thôi quên đi, quên đi
Đêm xuống - cái cú xóa vĩ đại của thời gian
Xóa trước hết cái ngẫu nhiên sinh ra tôi
Xóa mối ràng buộc của tôi với đồ vật
Xóa tất cả những vô tích sự
và túi hồ của một ngày trơ trẽn
Hãy xóa... hãy xóa đi
Hãy buộc lại những sợi dây trong tim
Bởi thế nào cũng phải phiêu du trong đêm
Trong giấc ngủ, hồn phải lang thang một mình
Không hành lý
Không đến thân xác nữa
Những luân hồi nào chờ đợi.
Và những khoảng không gian nào chứa đựng.*

Trong nhà Lâm, mẹ Lâm đang sàng gạo ngoài sân. Bà Lâm nằm võng ru thằng Tiến. Cái Khanh ngủ trên chõng tre. Bố Lâm ngồi chẻ lạt. Mẹ Lâm bảo: Thằng Lâm chờ cậu đi đánh vó tôm mồi. Nó đi rồi. Chị Hiền đang giã gạo dưới nhà ngang. Chị bảo tôi: Hiếu, không bận thì xuống đỡ chị.

Tôi vào trong nhà ngang. Bóng tối mờ mờ. Trong nhà chỉ thấp mỗi ngọn đèn dầu bé tí. Cối gạo làm bằng cây gỗ nặng dài hai mét rưỡi, đầu cối có vỏ bịt sắt, ở giữa có cái chốt để người đứng giã dùng sức mạnh chân mình đè lên. Chị Hiền hỏi: Hiếu giã gạo bao giờ chưa? Tôi bảo: Chưa. Chị Hiền bảo: Đứng lên đây. Tay bám vào sợi dây thừng. Tôi bảo: Giã gạo cũng dễ nhỉ. Chị Hiền cười: Hiếu bao nhiêu tuổi rồi? Tôi bảo: Em mười bảy, bằng tuổi Lâm. Chị Hiền thở dài: ối hơn Hiếu ba tuổi. Thế là già rồi đấy. Đàn bà chỉ có một thì. Tôi sợ lắm... Hiếu đổi chỗ cho tôi. Giã gạo, ai đàn ông lại đứng trước đàn bà bao giờ? Chị Hiền cười. Tôi thót mình bởi mùi mồ hôi rất gần và cảm giác mềm mại của đôi vú chị Hiền áp vào lưng tôi.

Chị Hiền thủ thỉ: Ở nhà quê buồn lắm. Tôi mới được ra Hà Nội mỗi một lần. Hồi ấy chưa lấy chồng, vui vui là, nhưng cứ sợ. Người Hà Nội ai trông cũng ác. Hôm ấy, ở bến xe, có ông đeo kính, để râu con kiến, tuổi bằng bố tôi bảo: Cô em ơi, cô em đi với anh đi. Tôi sợ quá, tôi bảo: Ông này hay nhỉ? Ông ấy cười: Xin lỗi nhé, tôi tưởng em là bò lạc. Tôi chẳng hiểu bò lạc là gì. Sau đó anh Tân (tức là chồng tôi đấy) đi lại, ông này chuồn mất.

Tôi kể với anh Tân. Anh Tân sầm mặt lại, bảo: Bọn thành phố toàn quân mất dạy. Tôi không biết thế nào, những người thành phố ai nói cũng hay, hơi tí thì xin lỗi.

Chị Hiền lại thủ thỉ: Ở nhà quê sợ nhất là buồn chán. Công việc chẳng sợ. Nhiều khi buồn chán quá, người cứ bã ra. Hồi ấy anh Tân đi bộ đội, tôi đã định tự tử vì buồn chán quá. Tôi nằm một mình ở ruộng ngô, giữa tổ kiến vàng. Tôi tưởng kiến vàng đốt thì nhất định chết. Thế mà không chết. Nó thương mình hay sao chứ? Chắc nó thấy tôi trẻ quá mà chết thì phí. Chị Hiền cười. Lòng tôi tê tái cảm giác đau xót. Tôi nhớ đến bố tôi, bố tôi để râu con kiến, cũng hay đeo kính. Còn mẹ tôi, nếu mẹ tôi nằm ở tổ kiến thì nhất định chết, mẹ tôi chúa hay cựa quậy. Giống kiến vàng không thích người ta cựa quậy...

Chị Hiền bảo: Ở nhà quê cũng có khi vui. Khi có chèo hay tuồng thì vui ghê lắm. Tôi nhớ có lần diễn Tần Hương Liên xử án, tôi rang một túi châu châu mang đi. Châu châu rang ngon lắm. Tôi này, cái Lược này, cái Thu này, ba đứa vừa đứng xem vừa ăn. Cái lão Trần Sĩ Mỹ bạc tình, làm quan rồi chẳng coi vợ ra gì. May mà đời còn có Bao Công. Nếu không có Bao Công thì đời người ta cứ còn ngang trái mãi à?" Chị Hiền ngừng một lát rồi bỗng bật cười: "Có mấy tay thanh niên ở bên Duệ Đông đứng sau chúng tôi. Một tay dí chim vào đít cái Lược. Cái Lược bảo: Làm gì thế?" Tay này cũng dơ, nói thản nhiên: Làm chủ nhiệm hợp tác. Cái Lược mắng: Thôi đi chứ. Tay này lại bảo: Nhân dân tín nhiệm thì tôi còn làm. Xung quanh cười ồ. Cái Lược chạy ra ngoài, đằng sau quần ướt đẫm. Á sợ quá, chỉ sợ chữa thì chết, thế là về nhà vớt ngay cái quần xuống ao. Tần Hương Liên với Trần Sĩ Mỹ.

Chị Hiền bảo: Hiếu đừng thờ thế. Hít thật sâu vào... rồi thở từ từ. Thở giống như ông thiếu tá tập Cốc Đại Phong ở làng tôi ấy. Ông này tên Bá, về hưu rồi, béo lắm. Sáng nào cũng mặc quần đùi chạy vòng quanh làng, hô to: 1, 2, 3, 4... Khỏe! Có lần, tôi với cái Thu đi cấy. Mới bốn giờ sáng đã thấy ông Bá chạy ở trên đường. Quần đứt giải rút, bố ấy ôm quần chạy. Cái Thu bảo: Bố ơi, bố sáu mươi tuổi còn khỏe làm gì?" Ông Bá bảo: Khỏe để bảo vệ gia đình. Các cô không biết vợ tôi mới bốn mươi tuổi thôi à?" Ấy thế mà tốt. Tính hay giúp người... Nghe nói về hưu không phải vì già mà là vì ngốc. Nghe nói nhà nước bây giờ chỉ nhận biên chế những người trẻ tuổi với có học thôi.

Chị Hiền lại bảo: Sao đàn bà cứ phải lấy chồng: như tôi đây, chồng đi xa, lấy chồng cũng như không. Hiếu bảo lấy chồng mà bỏ chồng thì có tốt không?" Tôi bảo: Không. Chị Hiền bảo: Phải rồi. Nửa trôi sông không giập cũng gãy. Gái chê chồng không chứng nọ cũng tật kia. Tôi hỏi: "Thế là thế nào hả chị?" Chị Hiền bảo: Thế là đàn bà không ra gì. Nhưng đàn ông cũng nhiều người không ra gì. Lấy chồng phải anh nghèo, bất tài mà lại cao thượng thì hời hợt lắm. Nó làm tan nát đời người đàn bà như bỡn. Tôi hỏi: Sao chị nghĩ thế? Chị Hiền bảo: Không phải tôi đâu. Đây là thầy giáo Triệu. Thầy giáo Triệu dạy bổ túc văn hóa ban đêm, thầy giáo bảo đàn bà không cần lòng cao thượng. Đàn bà cần cảm thông với vuốt ve, cần giúp đỡ bằng tiền mặt. Đây là tình yêu. Lòng cao thượng chỉ dành cho nhà chính trị. Chính trị mà không cao thượng thì hời hợt lắm, chính trị là chỗ người ta nhìn vào để yên tâm sống.

Tôi buồn ngủ rã rời. Tôi chẳng nhớ tôi đã đi ngủ khi nào. Khi tỉnh dậy tôi thấy bàng hoàng vì sự tĩnh lặng tuyệt vời của căn nhà vắng. Chẳng ai có nhà. Tôi đi rửa mặt rồi đi ngó nghiêng khắp cả mọi nơi. Dưới nhà ngang, mấy thúng gạo trắng xếp chồng lên nhau bên cối giã gạo. Chiếc điều vớt lặn lóc, cánh rách bươm, chẳng thấy sáo cũng

chẳng thấy cuộn dây song đầu cả. Trong bếp có đĩa khoai lang luộc với dăm quả cà chắc dành cho tôi. Tôi ăn khoai với cà rồi lên nhà ngồi. Bức tranh vẽ ba ông Phúc, Lộc, Thọ với dăm đũa trẻ dăng đào là tranh thuốc nước, in hàng loạt, có ghi chú bằng chữ Trung Quốc. Tôi thích ông Lộc hơn cả, râu đen, má phính, thân hình cường tráng, mắt như biết nói. Nếu nói, ông Lộc nói rằng: Thôi tôi biết tổng ra rồi. Các vị phải bình tĩnh chứ, chúng ta cùng thỏa thuận, đừng có lừa tôi.

Ngoài sân có mấy con gà mổ thóc. Tĩnh lặng. Không một tiếng động.

*Hãy dừng lại đi, dừng tất cả
Đẹp mọi âm thanh cuộc sống xô bồ
Dừng một chút
Lắng nghe sự tĩnh lặng tuyệt đối
Sẽ thấy mình bé bỏng thế nào
Ta chỉ là một hạt thien bé tí
Với một tí thien, làm sao sinh lợi được
Với một tí thien, làm sao chống chọi được
Cái vốn mẹ để dành còi cọc
Nấp kín trong xô tối tăm
Cái xô tối tăm lương tri ấy
Ngày đêm khăn tiếng khóc thầm...*

Khoảng độ mười giờ thì bà Lâm, cái Khanh với thằng Tiến về. Bà Lâm bảo: Ba bà cháu đi chùa, sự cụ cho oản, cái Khanh, mày đưa cho cậu Hiếu một cái để cậu Hiếu ném cho biết mùi. Tôi bảo: Bà ăn đi chứ, cháu ăn khoai rồi. Bà Lâm bảo: Tôi chẳng ăn. Ăn mãi rồi. Tám mươi tuổi mà cứ tham ăn thì khó chết lắm. Bốn năm nay tôi không dám ăn cái gì bỏ béo vào người mà không chết được. Bà cụ thở dài: Già quá hóa giặc cậu ạ. Sao mà tôi kinh tuổi già đến thế. Sáng nào tôi cũng đi chùa, lạy Phật tổ Như Lai cho chết mà Ngài cứ lắc đầu, Ngài chưa nhận. Chung quy vì tôi mãi làm mãi làm, đáng lẽ ngày xưa tôi phải chơi vung tàn tán thì đâu đến nỗi. Ở làng, những đứa con gái cùng lứa tuổi với tôi, đứa nào hồi trẻ thập thành thì Ngài cho lên tiên sớm, chẳng phải đợi đến tuổi thất thập, thế là sống cũng sướng mà chết cũng sướng. Còn tôi, cả đời chỉ biết mỗi một con b..., mang tiếng thủy chung đức hạnh, chẳng biết báo cho ai, chỉ biết về già sống lâu khổ con khổ cháu. Tôi cười đau đớn: Bà ơi, bà đừng nói thế. Bà Lâm lắc đầu: Cậu còn trẻ lắm, cậu cứ sống đến tám mươi tuổi đi đã xem nào. Đức Phật tổ cho mỗi người một ít của cải, ai cũng như nhau, người tám lạng, kẻ nửa cân. Sức khỏe, đức hạnh cũng là của cải. Có của thì phải biết tiêu. Chứa nhiều rồi nó hóa tinh ra chứ. Ở bên Duệ Đông, có ông nhà giàu chứa vàng trong nhà những mấy chục cân, thế là vợ hóa điên, con hóa dại, cháu chết chẳng ai sống được đến ba mươi tuổi.

Hai bố con Lâm đi cày về. Bố Lâm hỏi: Trưa rồi, mấy bà cháu chưa nấu cơm à?" Cái Khanh trong bếp bảo: Con đang nấu. Bố Lâm lên nhà, ông rót nước ra bát mời tôi. Ông bảo: Không đi đâu à? Cứ nghe bà lão nhà tôi chuyện trò rồi cậu phát điên có ngày. Bà Lâm bảo: Phải. Tôi ngu ngốc. Bố Lâm bảo: Không ngu nhưng ác. Bà Lâm bảo: Ác tâm mới sợ chứ ác khẩu có gì mà sợ. Bố Lâm bảo: Trẻ nhỏ như giếng nước trong, bà cứ toàn thả những ba ba với thường luồng vào, kinh cả người. Bà Lâm nói dối: Thôi con ạ, mẹ mười đốt thì tám đốt là quỷ, đốt rưỡi là ma, có nửa đất là người. Nghe được tí nào thì nghe, không cứ bỏ ngoài tai.

Ăn cơm trưa xong có thầy giáo Triệu đến chơi. Anh còn trẻ, chỉ khoảng trên ba mươi tuổi, người gầy gò, điệu bộ như kẻ chán đời. Tôi thoáng thấy chị Hiền co người lại trước cái nhìn bình thần của anh. Anh Triệu hỏi tôi: Về nhà quê chú có thích không?" Tôi bảo: "Thích. Anh Triệu cười: Tôi hỏi một câu ngu quá, chú là khách, nếu nói là không thích thì bác Ba Đình mời chú cuốn xéo". Bó Lâm bảo: Tôi không dám. Anh Triệu bảo: "Bác Ba Đình ạ, ông khách của bác thẹn thò như con gái ấy. Tôi thấy tướng thông minh nhưng nhiều bất hạnh. Nghe tôi nói nhé: Lớn lên chú đừng sa vào con đường văn chương chữ nghĩa. Thế nào chú cũng ăn đòn. Người ta sẽ nguyên rửa đấy. Chú không chống nổi sự ngu dốt của bọn có học đâu. Tôi đây này, tôi hiểu sâu sắc sự ngu dốt của bọn có học tai hại thế nào, vừa phản động, nó vừa nguy hiểm, lại vừa mất dạy. Sự ngu dốt của bọn có học tởm gấp vạn lần so với ở người bình dân. Tôi hỏi: Vì sao?" Anh Triệu bảo: Vì chúng giả hình. Chúng nhân danh lương tâm, đạo đức, mỹ học, trật tự xã hội, thậm chí nhân danh cả dân tộc nữa. Chính trị không cao siêu sẽ nhầm lẫn. Tôi hỏi: Nhân dân không cần tri thức sao?" Anh Triệu bảo: Trẻ em rất cần. Còn khi trưởng thành, tôi nói là nhân dân ấy, cần một thứ còn hơn cả tri thức nữa: sự bình ổn để sống tự nhiên hài hòa. Tuổi già cũng cần tri thức nhưng ở dạng khác, đấy là tôn giáo. Khái niệm nhân dân của tôi không có trẻ con, người già. Ở tuổi cường tráng, bản thân đời sống nhân dân là tri thức rồi.

Anh Triệu bảo chị Hiền: Bé giảng rồi. Cô được lên lớp tám. Bài toán cô được tám điểm, bài văn được ba điểm, tôi cứ nâng bừa lên năm điểm. Chị Hiền đỏ mặt: Em dốt văn lắm. Anh Triệu bảo: "Chẳng sao đâu. Dân mình giỏi võ là được. Tôi thấy buồn vì văn học của ta ít giá trị thật. Nó thiếu tín ngưỡng và thẩm mỹ thực.

Anh Triệu ra về. Tôi nói: Anh ấy hay nhỉ?" Bó Lâm bảo: Tốt lắm đấy. Trẻ con làng này học anh ấy cả, chúng tôi thì học ông ngoại anh ấy là cụ giáo Đạt.

Trời bỗng sầm lại. lát sau thì mưa. Mưa to quá, nước tràn ngập sân. Cái Khanh reo: Cá rô kia! Cá rô! Cái Khanh băng ra ngoài sân bắt cá. Tôi cũng đội mưa ra theo. Cái Khanh gọi: Chị Hiền! Lấy nơm cho em. Chị Hiền đứng trên hè, ngó trông trời rồi bảo bó Lâm: Giờ giờ đấy. Bớ ơi, mang chài ra sông đi. Cái Khanh reo to: Ra sông! Ra sông!"

Bó Lâm vác chài. Tôi cầm nơm. Chị Hiền cầm rổ. Cái Khanh cầm giỏ cua. Tất cả đi ra sông. Mưa như trút. Cá nổi lênh bênh trên mặt nước. Chị Hiền bảo: Bớ xem kia, có nhiều cá không?" Bó Lâm lội xuống nước, ngập đến ngang lưng mới quăng chài. Rất nhiều tép. Có những con cá to bằng bàn tay. Chị Hiền, tôi với cái Khanh gỡ chài. Cá đổ cả lên bãi cát. Bó Lâm liên tục quăng chài, cứ thế đến chục lần, lần nào cũng được cá, có cả những con cá nheo to bằng bắp chân người, loại cá này tròn và nhớt vì không có vảy.

Mưa vẫn to. Tôi bắt đầu thấy lạnh. Chị Hiền và cái Khanh răng cũng đánh lập cập. Vừa mệt, vừa rét nhưng cả ba chị em đều thích.

Bó Lâm quăng chài hai lần liền nhưng không được cá. Ông bèn rũ chài rồi bảo chúng tôi: Tao về trước còn đi tháo nước ở chân ruộng mạ. Chị em chúng mày về sau.

Chị Hiền dồn cá vào đầy rổ rồi bảo cái Khanh: Xuống tắm đi. Hai chị em đều bơi giỏi.

Tôi lưỡng lự giây lát rồi cũng xuống theo. Nước rất ấm, tôi mới tập bơi nên không dám ra xa. Chị Hiền bảo: Hiếu kém thế!”

Tắm độ mười phút thì lên bờ. Quần áo ướt dính chặt vào người chị Hiền với cái Khanh. Tôi cứng người vì thấy thân hình chị Hiền với cái Khanh đều tuyệt đẹp. Những đường cong cân đối gợi cảm lạ lùng. Máu rần rật dồn đầy ngực tôi. Chị Hiền gọi: Hiếu lại giúp tôi. Ánh mắt chị Hiền gặp mắt tôi. Thoáng nhanh, tôi thấy một nét nanh nọc hờn hờ trên khóe mắt ấy. Tôi đi lom khom, tôi định nâng rổ cá lên thì chị Hiền như vô ý xáp lại để đùi chạm vào người tôi. Tôi bủn rủn, hàm cứng lại. Một thoáng, tôi thấy chị Hiền nhìn sâu vào đáy mắt tôi rồi đỏ bừng mặt. Tôi không thở được nữa, chân khuyu xuống bãi cát, người run bắn lên. Chị Hiền đặt tay lên đầu tôi, mặt tái đi lúng búng nói một câu gì không rõ nghĩa rồi bỗng chạy tề lên đuổi kịp cái Khanh đang cầm nơm đi trước. Tôi nghe tiếng hai chị em cười ròn rã.

Tôi thờ dốc, nằm lăn lộn trên bãi cát ướt. Hai viên tinh hoàn và dương vật tôi nặng trĩu, rất đau.

Rổ cá đổ văng ra. Tôi nằm úp người giữa đám cá tôm mà phóng tinh, miệng ngoạm đầy cát. Tôi không biết tôi có nuốt cát vào bụng không. Một nỗi sợ hãi lẫn khoan khoái trào dâng lòng tôi. Tôi biết từ nay tôi đã trở thành người lớn.

Vĩnh biệt nhé, tuổi thơ

Tôi đã trưởng thành

Từ nay tôi phải gánh

trách nhiệm với tôi, với mọi người

Tôi bắt đầu một chuỗi sơ xuất liên tiếp nhau

Ôi tuổi thơ

Khi trong tôi còn là một khối nguyên dương

Tiền tài, danh vọng, luật pháp đều bay qua tôi

Trùm lên tôi là đôi cánh mỏng tang của mẹ

Ôi tuổi thơ

Đâu rồi nụ cười vô tư

Những truyện cổ tích lạ kỳ

Con đường nhỏ đến trường

Và nỗi sợ hãi bị bỏ rơi...

Tôi đã trưởng thành

Trước mắt tôi là trùng điệp đam mê

Tâm hồn tôi đục ngầu

Tôi sẵn lòng danh tiếng

Sẵn lòng tiền tài

Hạnh phúc và nghĩa vụ hành hạ tôi

Cái chết mỉm cười chờ tôi cuối đường

Ở đáy có lối rẽ xuống hỏa ngục

Ôi tuổi thơ

Tuổi thơ trắng trong

Tuổi thơ nghèo, cô đơn, u buồn

Tuổi thơ thâm hại

Ta biết cười hay khóc với mày

Thôi vĩnh biệt!

Tôi về đến nhà. Mẹ Lâm bảo: May kịp chợ chiều, để bác mang cá đi bán. Mẹ Lâm để vài con cá to nhất ở nhà, dặn dò cái Khanh vài câu rồi bươn bả cắp rổ đi chợ. Cái Khanh mang dao thớt ra cầu ao làm cá. Lúc này không còn mưa nữa nhưng trời vẫn còn âm u. Tôi buồn ngủ rã rời. Tôi lên giường ngủ.

Tôi chợ mắt được một lúc lâu thì choàng tỉnh dậy vì nghe ở ngoài sân có tiếng rúc rích cười. Cái Khanh với thằng Tiến ngồi ở bờ hè đang chơi chuyền thẻ. Cái Khanh rải que xuống đất, vừa hát vừa tung sỏi. Thằng Tiến quỳ xuống chân chị nó lấp bắp nhại theo.

Tiếng cái Khanh lãnh lót:

Chuyền chuyền một

Một đôi

Chuyền chuyền khoai

Hai đôi

Chuyền chuyền cà

Ba đôi

Chuyền chuyền từ

Tư đôi

Chuyền chuyền tầm

Năm đôi

Sang bàn chống... “

Bà Lâm ngồi ở trên giường, những giọt nước mắt lăn trên gò má răn reo. Tiếng cái Khanh vẫn lãnh lót:

Vào làng

Xin thịt

Ra làng

Xin xôi

Đi bên sông

Về bên sông

Trồng cây cải

Bơi đò ngang

Một đò ngang

Hai ngang đò...“

Tôi đi ra ngoài ngõ. Bầu trời bỗng sáng lòa một sắc mỡ gà đẹp lạ lùng. Tất cả trời, đất, cây cối, đồ vật hiện rõ mồn một dưới một sắc màu huyền ảo rực rỡ. Màu mỡ gà trùm lên tất cả, đến cả những bông hoa dâm bụt có màu đỏ tía cũng bạc cả đi, thành thứ màu khác, hồng như môi người. Tôi thót tim lại vì sợ hãi. Một thế giới khác, cụ thể khủng khiếp, chi tiết đến kinh dị hiện ra ở trước mặt tôi.

Ít phút sau, bầu trời sầm lại. Tất cả trở về như cảnh sắc cũ trước đây. Tôi rùng mình, đau đớn, nhận ra thế giới xung quanh tôi nhợt nhạt, tội nghiệp quá. Tôi phải đứng im một lúc rất lâu mới định thần được.

Trên trời cao, có mấy con cò bay qua, tiếng kêu khàn khàn nghe rất hãi hùng. Những giọt nước mưa đọng trên lá cây bỗng rơi rào rào xuống người tôi. Tôi đi dọc theo cái ngõ nhỏ rưng đầy lá tre, loanh quanh một lúc trong làng vì lạc đường. Mấy đứa trẻ con

chạy táo tác. Có nhà ai bị mất gà đang lớn tiếng chửi lảng giềng, tiếng chửi nghe rất tục tằn, ngoa ngoắt. Tôi vòng lên ra chỗ bờ đê. Phía xa xa, một cánh buồm nâu chậm rãi đi ngược dòng sông hoàn toàn vô sự.

Anh Triệu ngồi ở bờ đê đọc sách. Tôi lại gần anh, thấy chỗ anh ngồi có những khóm hoa màu tím, cánh hé mở ra trông như môi người. Tôi ngất một bông đưa lên mũi người, thấy mùi thơm ngát. Anh Triệu cười: “Chú có biết hoa này không?” Tôi lắc đầu. Anh Triệu bảo: “Hoa này lạ lắm, trông y như cái miệng cười, vớ vẫn có chú muỗi nào rơi vào là nó khép ngay cánh lại. Nó có cái lạ là cứ để yên thì chẳng làm sao, nhưng hễ đụng đến là thơm lựng lên. Người ta đặt tên là hoa cỏ đi. Y hết đàn bà, để yên thì là hạnh kiểm phi thường, đụng vào tan nát như chơi, đầu tiên nát tiền, đến nát tâm hồn, rồi tan gia đình, tan cơ nghiệp. Tôi cười: Anh có vợ chưa?” Anh Triệu bảo: Chưa. Vợ người thì đẹp, vợ mình lại tử tế. Khốn thế!”

Anh Triệu nằm ngả trên bãi cỏ xanh. Anh bảo: “Nằm xuống đây. Chú ở thành phố, thế chú có khinh người nhà quê không?” Tôi bảo: Không. Anh Triệu bảo: “Ừ, đừng khinh họ. Với nông thôn, tất cả bọn dân thành phố và bọn có học vấn chúng ta đều mang tội trọng. Chúng ta phá tan phá nát họ ra bằng những lạc thú vật chất của mình, cả giáo dục lẫn khoa học giả cây, hành hạ bằng luật lệ, lừa bịp bằng tình cảm, bóc lột tận xương tủy, chúng ta đè dí nông thôn bởi thượng tầng kiến trúc với toàn bộ giấy tờ và những khái niệm của nền văn minh... Chú có hiểu không? Tim tôi ứa máu. Bao giờ tôi cũng nói rằng: Mẹ tôi là nông dân, còn tôi sinh ở nông thôn... Anh Triệu im lặng. Một lát, anh bỗng ngồi dậy buồn bã bảo tôi: “Chú chẳng bao giờ hiểu nổi những điều anh nói có nghĩa gì đâu. Tôi bảo: Anh không tin em phải không?” Anh Triệu bảo: Không phải thế. Chỉ vì chú còn trẻ. Lỗi ở tự nhiên chứ không phải chú.

Tôi bị kiến đốt nên phải ngồi dậy. Dưới chân tôi những con kiến đen xúm xít rất đông xung quanh xác một con chuồn chuồn màu đỏ. Tôi bảo: Kiến nhiều quá. Anh Triệu bảo: Đấy. Tất cả dân chúng cũng đông như thế. Họ sống như kiến cả thôi, xấp xỏ, loanh quanh, kiếm ăn chẳng được là bao. Chú hãy để con chuồn chuồn ra khỏi chỗ khác xem. Tôi làm theo lời anh Triệu. Anh Triệu bảo: “Chú có thấy kiến bu ra chỗ đấy không?” Tôi bảo: Có. Anh Triệu bảo: Dân chúng nhẹ dạ nông nổi cũng như thế đấy. Các nhà chính trị, các thiên tài là kẻ có khả năng xô dạt dân chúng về cả một phía. Dân chúng cầu lợi. Chỉ cần tí lợi là họ sẽ a dua nhau bu đến. Họ không biết rằng điều ấy chất chứa toàn bộ sự vô nghĩa trong đời sống của họ. Họ sinh ra, hoạt động, kiếm ăn, cứ dạt chỗ nọ rồi dạt chỗ kia mà chẳng tự định hướng cho mình gì cả. Chỉ đến khi nào dân chúng hiểu rằng không được cầu lợi, mà có cầu lợi thì cũng chẳng ai cho, người ta chỉ hứa hẹn suông để bịp bợm thôi, thảng hoặc có cho thì cho rất ít, lợi bất cập hại. Lợi phải do chính dân chúng tạo ra bằng sức lao động của mình. Họ cần hiểu rằng phải cầu một thứ cao hơn thế nữa, đấy là giá trị chân chính cho toàn bộ cuộc sống của mình, quyền được tự mình định đoạt cuộc sống, tóm lại là tự do.

Anh Triệu thờ dài, suy nghĩ một lát rồi chậm rãi nói: “Còn điều này nữa, đã nói thì nói cho xong. Thời loạn dứt khoát phải có một nền thống trị bá đạo. Còn thời bình, đường lối chính trị bá đạo sẽ đưa dân tộc đến thảm họa. Chỉ có một nền chính trị vương đạo, dân chủ, tín nghĩa và văn hóa đạo đức cao mới làm cho đất nước phồn vinh.

Chúng tôi lặng im. Anh Triệu bảo: “Hiếu này! Chú đừng nghe tôi. Tôi nông cạn và sai lầm

lắm. Mẹ tôi là nông dân, còn tôi sinh ở nông thôn. Tôi nhìn anh thương xót, tự dưng nước mắt tôi ứa cả ra. Tôi úp mặt xuống bờ cỏ để anh khỏi thấy rằng tôi đang khóc.

Anh Triệu đứng lên đi xuống vệ đê. Bỗng lúc ấy có những tiếng kêu ầm ĩ trên đồng. Một con trâu bê bết bùn đất đang phi điên cuồng về phía chúng tôi. Ngay lúc ấy tôi nghe thấy có tiếng gọi: “Anh Hiếu về ăn cơm!” Trông ra tôi thấy thằng Tiến đang đứng ngơ ngác ở dưới chân đê gọi tôi, con trâu đang lao thẳng đến chỗ thằng Tiến. Tôi hốt hoảng, chưa kịp định thần đã thấy anh Triệu nhảy đến chắn ngay trước mặt thằng Tiến. Chỉ nghe tiếng rú thất thanh khủng khiếp. Con trâu lao thẳng vào người anh Triệu với một sức mạnh kinh người. Tôi thấy anh Triệu như bị đôi sừng của nó nhấc bổng lên cao. Anh Triệu chết ngay trước mặt tôi. Đầu anh ngật sang một bên, máu ộc ra đầy miệng, gan ruột lòng thòng. Con trâu điên thần nhiên gặm cỏ ở bên. Thằng Tiến tái xanh tái tử bị anh Triệu gạt ngã xuống bờ ruộng đang lồm cồm bò dậy. Nhiều người chạy đến, có cả vài người mang súng. Một anh dân quân xả súng bắn như điên vào đầu con vật.

Người trong xóm đổ ra rất đông. Bà Lâm dắt thằng Tiến vừa khóc vừa lạy anh Triệu. Bố Lâm, mẹ Lâm cũng khóc, quỳ xuống bờ ruộng lạy như tế sao. Mấy ông già trong xóm bàn bạc, cuối cùng bảo với mọi người đưa xác anh Triệu ra gốc cây trôi cổ thụ đã sống hơn chín trăm năm, trông xa tán xòe như mâm xôi, vòng gốc phải bốn người ôm mới xuể.

Đêm xuống. Trên trời sao giăng chi chít. Tôi bỗng hoảng hốt y hết buổi chiều khi ráng mờ gà đột nhiên phản chiếu. Tôi nhận ra thế giới bao la vô cùng vô tận, bản thân tôi, sự sống và ngay cái chết đều là bé nhỏ và không có ý nghĩa gì.

Người ta đóng quan tài cho anh Triệu ngay bên gốc trôi. Lâm và mấy thanh niên trong xóm mang hương án lập bàn thờ. Trên bàn thờ có ảnh, bát hương, ngũ quả, cau trầu... Cả làng đổ ra bên gốc cây trôi. Có ai lại mang chiếu hoa ra trải trên đất để cho các cụ bà ngồi tằm trầu. Dân quân đến gác, mang cả súng. Một bầu không khí vừa trang nghiêm, vừa thương xót, lại lo sợ nửa trùm lên tất cả.

Người ta nhập quan anh Triệu vào lúc nửa đêm, đèn đuốc sáng rực một vùng. Mọi người đều chít khăn tang. Mẹ Lâm cũng đưa cho tôi một chiếc khăn tang. Tôi đoán chiếc khăn xé ra từ chiếc màn cũ ở nhà, trên khăn có vết khâu dúi chỉ đen. Kèn trống tưng bừng, các bà, các chị và các em nhỏ khóc ròn. Tôi cũng đã khóc.

Nhập quan xong, Lâm và mấy thanh niên về nhà bắt lợn, thối xôi, thịt lợn, nấu nướng ngay bên gốc trôi. Khi trời sáng bạch thì xong mọi việc.

Lễ tang anh Triệu tiến hành lúc tám giờ sáng. Lúc này mặt trời lên cao rực rỡ, ánh nắng chan hòa khắp cả cánh đồng. Các cụ ông, cụ bà và người trong xóm đứng xúm xít quanh quan tài. Học sinh xếp hàng ở trước mặt họ. Ông Miêu hiệu trưởng đọc diếu văn, người cứ run bắn lên. Tôi lắng nghe, hết sức ngạc nhiên khi biết anh Triệu không phải là người làng này. Bố mẹ anh ở Hà Nội, bố anh là bộ trưởng, mẹ anh sinh ra trong một gia đình trí thức tiếng tăm. Anh sống độc thân, đã ở làng này chín năm, anh chẳng bao giờ về thăm gia đình mình ở thành phố, nghe nói bố mẹ anh đã từ” anh, bản thân anh chỉ là một giáo viên cấp một bình thường.

Người ta chôn anh Triệu trong bãi tha ma của làng.

Trên mộ chỉ có một vòng hoa trắng. Sau này, tôi đã dự nhiều đám ma người khác nhưng tôi hiểu rằng đây là đám ma duy nhất để lại trong tôi ấn tượng không thể phai mờ.

*Người ta phải cảm ơn anh
người thầy giáo nông thôn
Anh là người khai hóa vĩ đại của nhân dân tôi
Đây mới là kiến thức tinh khiết
Cho dù nó vừa thô sơ, vừa sai lầm,
lại vừa ấu trĩ nữa
Nó là a, b, c
Ơi anh giáo làng
Anh phải làm việc với bọn ranh con thò lò mũi
Chúng không biết thế nào là tay phải, tay trái
Anh sẽ dạy chúng, phải không,
anh sẽ dạy chúng.
Tay phải thì vung cao
Còn tay trái đặt lên trái tim....
Anh sẽ dạy chúng, phải không, sẽ dạy chúng:
Đây là số không, là số một
Còn mẹ thì không bao giờ được quên
Phía trước là chân lý
Rất có thể có nạn hồng thủy
Mà ngoài trái đất là thiên hà
Đây là chữ a....*

Buổi chiều hôm ấy chỉ có Lâm mang trâu đi bừa, còn mọi người đều ở nhà. Mẹ Lâm làm cơm cúng anh Triệu. Chị Hiền vừa vật lông gà vừa khóc, trên đầu vẫn vấn khăn xô. Mẹ Lâm bảo: Hiền này, mày bỏ khăn ra đi. Mình lòng thành, để tang anh ấy trong lòng. Còn người thiên hạ trông vào, chồng mày ở xa, tao trông cái khăn hãỉ lắm. Chị Hiền bỏ khăn la khóc: Lạy thầy giáo, thầy giáo sống khôn chết thiêng, phù hộ phúc đức cho gia đình em. Bà Lâm bảo: Thằng Tiến nhà này được ông giáo thế mạng. Tuy là người dung nhưng hóa thần thánh trong nhà. Người đâu mà quý hóa thế?" Ông Miêu đang ngồi uống nước với bố Lâm. Ông Miêu bảo: Anh ấy là cháu cụ giáo Đạt có chân trong nhóm văn thân ngày xưa, người bên Ninh Xá. Dòng họ ấy nhiều người hào kiệt lắm. Bà Lâm bảo: Khốn nạn con gái làng này, thế không đưa nào thương ông giáo à? Người thế mà chết không ai nối dõi thì có phí không?" Chị Hiền bảo: Nghe nói trước có để ý đến cái Thu nhưng bị nó chê là lạnh lùng, triết lý, không tình cảm. Bà Lâm bảo: Cha bố con đi, để tí nữa nó đến đây tao bảo. Các cô bây giờ chỉ thích nước sơn hào nhoáng, rồi rơi vào tay Sở Khanh mới biết thân. Ông Miêu bảo: Dòng máu hào kiệt ở nước mình cứ cạn dần vì mỹ nhân toàn rơi vào tay bọn Sở Khanh với Khuyển Ưng cả. Tiếc lắm thay! Bố Lâm bảo: Tôi cũng không thích triết lý. Ông Miêu bảo: Người ta triết lý để chết thì cũng phải bỏ qua thôi. Ở nước mình, những cái chết ngẫu nhiên đáng sợ lắm. Mọi người đều phải vội vàng cả. Vội vàng như chẳng kịp... Đây là thân phận anh Triệu.

Cuối giờ chiều, cỗ bàn vừa xong thì bà Hợp bên hàng xóm đến kéo theo mấy bà mấy cô

bên đội cấy. Bà Hợp gào thét từ ngoài ngõ. Bà Hợp bảo: Ông Ba Đình ơi, ông ra mà xem con trai ông cày bừa ngoài đồng. Cày thì cày lỏi, bừa thì bừa dối. Chúng tôi mang mạ đến bắt đền ông đây. Lâm từ trong nhà chạy ra đỏ bừng mặt. Bố Lâm hỏi: Không cấy được à?" Bà Hợp bảo: Cấy được thì chị em chúng tôi chẳng phải đến bắt đền ông. Lâm bảo: "Cháu xin lỗi, cháu ham về ăn cỗ quá. Bố Lâm quát: Nằm xuống đây! Tao đánh ba roi để nhớ. Bà Hợp ạ, để tôi bảo cháu nó ra bừa lại cho bà. Bố Lâm rút cái dây mây trên nóc nhà xuống. Lâm nằm phủ phục ở sân. Mọi người xúm lại ngăn. Bố Lâm bảo: "Các bà đi ra đi, để tôi dạy cháu. Làm ăn không cẩn thận, đánh để nhớ. Nó còn ra ngoài thiên hạ kiếm cơm, rồi quen thói lừa lọc thì ra làm sao. Mẹ Lâm níu tay bố Lâm: Tôi xin ông, đánh con nó nhẹ tay thôi. Bố Lâm cầm roi bảo Lâm: Tao đánh ba roi cho nhớ. Hai roi phải nhớ làm ăn cẩn thận. Một roi phải nhớ là con lão Ba Đình, đừng để bố mày bị thiên hạ chửi vào mặt. Chiếc roi vút lên không trung, Lâm nảy người lên ba lần. Mẹ Lâm giằng roi trong tay bố Lâm mắng: Rõ đồ vũ phu. Lâm lồm cồm bò dậy chấp tay: Con lạy bố. Bố Lâm làm lúi xuống bếp tháo trâu, vác bừa đi ra ngoài ngõ.

Chập tối, cái Khanh chạy về bảo: Anh Lâm ơi, anh Hiếu có thư đây này. Tôi ngạc nhiên, hóa ra thư của bố tôi. Bố tôi viết:

"Con thân yêu

Bố rất bức mình vì bố đi vắng thì mẹ tự tiện thả con về nông thôn. Tao xin báo cho mày biết, đồ chó, rằng nhà mày ở thành phố, tương lai của mày ở đấy!

Con ơi, con hãy nghe bố, con phải về ngay. Bố mẹ sẽ mở rộng cửa đón mày như đón đứa con nhẹ dạ, nhẹ dạ quá mức...

Bố của con"

”

Tôi sững người. Tôi đưa cho Lâm đọc thư. Lâm bảo: Hiếu ơi, thôi mày về đi. Bố mày không đánh ba roi như bố tao đâu, với lời lẽ thế này thì ông ấy giết. Sáng mai có tàu năm giờ sáng đây.

Sớm hôm sau, chị Hiền dậy nấu cơm nếp rồi gói lá chuối cho vào túi tôi. Lâm hỏi: Mày đi một mình được không?" Tôi gật đầu. Mọi người trong nhà đều như bận việc, có vẻ như không một ai để ý đến tôi. Tôi biết, tôi có quyền gì đòi hỏi mày may mắn lưu luyến ở họ: ở bà Lâm, bố Lâm, mẹ Lâm, Chị Hiền, cái Khanh, thằng Tiến...

Tôi rời thôn xóm ra đi. Trời còn tối lắm. Cánh đồng mờ mịt hơi sương. Tôi tự hỏi vì sao bố tôi lại đi coi tôi là người nhẹ dạ?

*Sự nhẹ dạ của lòng người.
Tôi nhẹ dạ, anh nhẹ dạ, chị nhẹ dạ
Và em nữa, em thân yêu
Em nhẹ dạ quá chừng
Chúng ta đều nhẹ dạ ở cõi đời này
Tôi đã nhẹ dạ tin theo bố tôi
Tôi nhẹ dạ tin anh, tin chị
Và em nữa, em thân yêu*

*Em nhẹ dạ quá chừng
Trái tim em trong trắng thế
Và đôi môi em tinh khiết thế
Đôi mắt em buồn tái tê
Niềm tin kia...
Niềm tin chẳng giả thiết gì, chẳng điều kiện gì
Còn nếu tôi là quỷ dữ
Anh là quỷ dữ, chị là quỷ dữ
Bố mẹ tôi là quỷ dữ
Sự nhẹ dạ của lòng người
Có chấp cánh cho chúng ta bay lên
Thiên đường không?.*

Tôi cứ đi, đi mãi. Tôi băng qua cánh đồng, qua dòng sông. Mặt trời bao giờ cũng ở phía trước mặt tôi.

Tôi còn nhớ mãi... Năm ấy tôi mười bảy tuổi. Xóm Nhài, thôn Thạch Đào, tỉnh N.

Muối của rừng

Sau Tết Nguyên đán một tháng là thời gian thích nhất ở rừng. Cây cối đều nhú lộc non. Rừng xanh ngắt và ẩm ướt. Thiên nhiên vừa trang trọng, vừa tình cảm. Điều ấy một phần là do mưa xuân.

Khoảng thời gian này mà đi trong rừng, chân dẫm lên lớp lá ải mục, hít thở không khí trong lọc, thỉnh thoảng lại được thót mình bởi một giọt nước trên cây rỏ xuống vai trần thì thật tuyệt thú. Tất cả những trò nhỏ! há ngê tiện vấp phải hàng ngày hoàn toàn có thể rũ sạch bởi một cú nhảy của con sóc nhỏ trên cành dâu da.

Chính dịp đó ông Diều đi săn.

Ý nghĩ đi săn nảy sinh khi thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu ông khẩu súng hai nòng. Khẩu súng tuyệt vời, nhẹ bồng, hết như một thứ đồ chơi, thật nằm mơ cũng không thấy được. ở tuổi sáu mươi, với khẩu súng mới, đi săn trong rừng vào một ngày xuân kể cũng đáng sống.

Ông Diều nai nịt, mặc quần áo ấm, đội mũ lông và dận đôi giày cao cổ. Để cho cẩn thận, ông còn mang theo cả nắm xôi nếp. Ông đi men theo suối cạn, cứ thế ngược lên mớ nước đầu nguồn. Cách mớ nước một dặm là vương quốc của hang động đá vôi.

Ông Diều rẽ sang lối mòn ngoằn ngoèo đi miết. Chim xanh đầy trên rặng gấm hai bên lối mòn nhưng ông không bắn. Với khẩu súng này mà bắn chim xanh thì thật phí đạn. Chim xa nh ông chén chán rồi. Ngon thì ngon nhưng có vị tanh. Nhà ông thiếu gì chim. Chim bồ câu nhà ông có đầy. Đến chỗ ngoặt, ông Diều giật mình bởi một tiếng soạt trong lùm dẻ gai. Một chùm dây màu sỡ tung trước mắt ông. Ông nín thở: một đôi gà rừng ton ton lao về phía trước, đầu chúm xuống, kêu quang quác. Ông Diều rờ nòng súng theo. "Bắn sẽ trượt thôi!" Ông nghĩ bụng và ngồi bất động ở trong tư thế như vậy rất lâu. Ông muốn chờ rừng yên tĩnh lại. Đôi gà rừng sẽ nghĩ là chưa gặp người. Như thế tốt cho chúng nó. Cũng tốt cho ông.

Dãy núi đá cao ngắt hùng vĩ. Ông Diều ngắm nhìn để lượng sức mình. Nã được một chú khỉ hoặc chú sơn dương thì thật đã đời. Sơn dương thì khó, ông Diều biết thế. Giống này bắn được chỉ nhờ ở ngẫu nhiên thôi. Ông Diều không tin vận may sẽ đến.

Cân nhắc kỹ, ông tính đi men chân núi đá vôi sang rừng dâu da săn khỉ. Chắc ăn hơn mà đỡ tốn sức. Đây là Hoa Quả Sơn, Thủy Liêm Động của thung lũng này. ở rừng dâu da, khỉ có hàng bày. Việc bắn được một chú khỉ với ông không khó. Ông Diều dừng lại mô đất có cây dây leo. Không biết thứ cây này là thứ cây gì, lá bạc phếch giống như lá nhót, những bông hoa vàng như hoa tai rủ xuống tận đất. Ông ngồi đấy lặng lẽ quan sát. Cần xem bọn khỉ có ở đây không? Loài thú này khôn tựa người, khi kiếm ăn bao giờ cũng có canh gác. Con gác rất thính. Không thấy nó, đừng có hòng cuộc săn thắng lợi, đừng có hòng bắn được con át chủ bài. Con át chủ bài cũng là khỉ thôi. Nhưng đây là con khỉ của ông, là con ấy chứ không con khác. Vì vậy ông phải chờ, phải có cách thì mới bắn được.

Ông Diều ngồi im để đến nửa giờ. Mưa xuân mỏng và mịn. Thời tiết ẩm. Để đến rất lâu ông Diều mới lại có dịp ngồi yên thế này, không nghĩ gì không buồn không vui, không lo lắng, cũng không tính toán. Sự tĩnh lặng bình thản của rừng xuyên suốt qua ông. ào một cái, từ trong rừng dâu da bỗng như có tiếng quấy động của một con vật khổng lồ. Ông Diều biết là con đầu đàn đã đến. Con khỉ này cũng gớm lắm đây. Nó xuất hiện với một nghi lễ vương chủ. Tự tin đến thô bạo. Ông Diều mỉm cười và chăm chú nhìn.

Sau tiếng động vài phút thì con đầu đàn đến thật. Nó văng mình rất nhanh đến nỗi gần như không có phút nghỉ ở mỗi chặng dừng. Ông Diều thán phục vì sự nhanh nhẹn dẻo dai của nó. T hoắt một cái, nó biến mất. Một nỗi xót xa khiến ông nhói lòng: số phận của bậc đế vương không trùng với số phận ông. Niềm vui nhen lên từ khi ở nhà ra đi trong ông vơi đi một nửa. Khi con khỉ đàn đàn biến mất thì ào ra một đàn khỉ đến hai chục con từ rất nhiều hướng. Con vắt vẻo trên cao, con đánh đu ngang cành. Có con lại nhảy xuống đất. Ông Diều thấy ba con khỉ cứ quán lầy nhau: con khỉ đực, con khỉ cái và đưa con nó. ý nghĩ con khỉ đực sẽ là con mồi bám lấy ông Diều tức thì. Cái thằng bố ô trọc ấy! Đồ phong tình phóng đãng! Vị gia trưởng cọc cằn! Nhà lập pháp bản thủ! Tên bạo chúa khốn nạn! ông Diều thấy nóng bừng người. Ông bỏ mũ và áo bông ra đặt dưới lùm cây. Ông để cả nắm cơm xuống đất. Ông từ từ dịch chuyển sang chỗ đất trũng thấp hơn. Ông nhìn kỹ và thấy con khỉ canh gác là con khỉ cái. Thế là thuận lợi rồi. Bởi giống cái bao giờ cũng dễ phân tâm. Đấy, thấy chưa? Đang canh gác mà đi bắt rận ở người thì còn gì nữa? Với giống cái thì thân thể mình là quan trọng nhất. Điều ấy thật giản dị và đẹp. Nhưng điều ấy lại đầy xót xa...

Ông Diều tính toán rồi luôn theo hướng ngược gió với con khỉ cái canh gác. Phải tiếp cận đàn khỉ đến hai chục mét thì mới bắn được. Ông bò nhanh và rất khéo léo. Xác định được con mồi rồi là ông chắc chắn thành công. Thiên nhiên đã dành cho ông chứ không ai khác chính con khỉ ấy. Thậm chí ông biết dù ông có đi mạnh chân một chút, gây nên một sự bất cẩn nhỏ nhăng nào đó cũng chẳng hề gì Điều ấy tưởng như phi lý mà thật bình thường. Tuy nghĩ vậy nhưng mà ông Diều vẫn cứ tiếp cận đàn khỉ một cách thận trọng. Ông biết thiên nhiên đầy rẫy bất ngờ. Thận trọng chẳng bao giờ thừa. Ông Diều tỳ súng vào một chạc cây. Cái bộ ba trong gia đình khỉ không hề biết rằng tai họa đến gần. Con khỉ bố vắt vẻo trên cây bứt quả ném xuống dưới đất cho hai mẹ con. Trước khi ném, bao giờ nó cũng chọn quả ngon chén trước. Hành động ấy thật là đê tiện. Ông Diều bóp cò. Tiếng súng dữ dội đến nỗi đàn khỉ lặng đi để đến một phút. Con khỉ đực buông tay ngã nhào xuống đất nặng nề. Sự hỗn loạn của cả đàn khỉ khiến cho ông Diều sợ hãi run lên. Ông vừa làm điều ác. Chân tay ông rùn ra, giống cảm giác như người vừa mới làm xong việc nặng. Đàn khỉ thoát biến vào rừng. Con khỉ mẹ và con khỉ con cũng chạy theo đàn. Được một đoạn, con khỉ mẹ bỗng quay trở lại. Con khỉ đực bị đạn vào vai, nó gượng dậy, nhưng lại vật xuống.

Con khỉ cái tiến đến gần con khỉ đực một cách thận trọng, nó nhìn ngó xung quanh. Sự im lặng này thật đáng ngờ. Nhưng rồi con khỉ đực cất tiếng gọi nó, tiếng gọi buồn thảm đau đớn. Nó dừng lại lắng nghe với vẻ khiếp sợ hoảng loạn.

- Chạy đi!

Ông Diêu rên lên khe khẽ. Nhưng con khí cái tuồng như muốn liều thí mạng, nó đến gần nâng con khí đực nhồm lên.

Ông Diêu tức giận giương súng. Hành động hy sinh thân mình của con khí cái làm ông căm ghét.

Đồ gian dối, mày chứng minh tấm lòng cao thượng hết như một bà trưởng giả! Sự tan rã đạo đức bắt đầu từ những tấn kịch thế này, lừa ông sao được? Khi ông Diêu chuẩn bị bóp cò thì con khí cái quay lại nhìn ông. Đôi mắt nó sợ hãi kinh hoàng. Nó vút phịch con khí đực xuống đất rồi chạy biến đi ông Diêu thờ phào rồi khế bật cười. Ông nhô hẳn người ra khỏi chỗ nấp.

- Sai lầm rồi!

Ông Diêu rửa thềm vì ông vừa bước ra thì con khí cái quay lại tức thì. "Nó biết mình là người thì thôi hỏng việc!" Y như rằng, con khí cái vừa lén nhìn ông vừa lao đến chỗ con khí đực. Nó ghì lấy con khí đực vào lòng rất nhanh và khéo. Cả hai lăn tròn trên đất. Bây giờ thì con khí cái chắc chắn sẽ điên cuồng như một mụ ngốc. Nó sẽ cuồng nhiệt hy sinh bởi lòng cao thượng của nó sẽ được thiên nhiên tính điểm. Ông đã lộ mặt là tên ám sát! Dù chết nó vẫn nhe răng để cười. Bất luận thế nào ông cũng sẽ đau đớn, sẽ thao thức, thậm chí ông sẽ chết sớm hai năm nếu ông bắn nó lúc này. Tất cả chỉ vì ra khỏi chỗ nấp sớm mất hai phút.

- Thôi Diêu ơi... - ông buồn bã nghĩ, - với đôi chân thấp khớp thế này thì làm sao mày chạy nhanh bằng lòng tận tụy, thủy chung của khí? Như trêu người, hai con khí vừa chạy vừa dìu lấy nhau, con khí cái thỉnh thoảng lại huơ huơ đôi chân vòng kiềng trông vừa tức cười lại vừa đều cáng. Ông Diêu bực mình lấy đà ném mạnh khẩu súng văng về phía trước. Ông mong muốn con vật hoảng sợ buông mồi.

Từ mô đá, bỗng nhiên con khí con xuất hiện. Nó túm lấy dây súng của ông kéo lê trên đất. Ba con khí vừa bò vừa chạy cuồng cuồng. Ông Diêu ngó ra một lát rồi phá lên cười: tình thế của ông thật là lố bịch!

Nhặt đá ném theo lũ khí, ông Diêu vừa đuổi vừa la. Lũ khí hết sức kinh hoàng, hai con chạy về phía núi, còn con khí nhỏ chạy về phía vực. □Mất súng thì hỏng". Ông Diêu nghĩ thế và đuổi theo con khí nhỏ. Khoảng cách rút ngắn đến mức nếu không vì mắc nền đá lởm chởm, ông lao nhào ra là tóm ngay được khẩu súng.

Việc ông Diêu dồn con khí nhỏ đến bờ miệng vực đưa đến hậu quả khôn lường. Giữ chặt dây súng, nó lăn xuống miệng vực không chút chần chừ. Vì ít kinh nghiệm, nó không tìm ra giải pháp nào khác trong trường hợp ấy.

Ông Diêu tái mặt, mồ hôi toát ra như tắm. Ông đứng trên miệng vực nhìn xuống rùng mình. Từ dưới sâu hun hút vang lên tiếng rú thê thảm của con khí nhỏ. Trong ký ức của ông chưa hề có tiếng rú nào tương tự thế này. Ông Diêu lùi lại kinh hoàng. Từ dưới miệng vực, sương mù dâng lên cuộn cuộn, trông vừa kinh dị, vừa đầy tử khí. Sương mù len vào từng chân bụi cây và xóa rất nhanh cảnh vật. Ông Diêu chạy lùi trở lại. Phải lâu lắm, có lẽ từ thời thơ ấu, ông Diêu mới lại có lần chạy như ma đuổi thế này.

Đến chân núi đá, ông Diêu kiệt sức. Ông ngồi phệt xuống nhìn về phía vực. Bây giờ sương mù đã trùm kín nó. Ông sực nhớ ra đây là khu vực đáng sợ nhất trong thung lũng, khu vực mà cánh thợ săn đặt tên cho là Hõm Chết. ở hõm sâu này, gần như đều đặn, năm nào cũng có người bị sương mù giăng bẫy làm cho toi mạng. " Hay là ma? - ông Diêu nghĩ. - Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình kiềng trắng?" Con khí này màu trắng. Nó đoạt súng của ông bất thường đến nỗi ông cũng ngờ vực là sao sự thực có thể giản đơn như vậy? - "Ta có mê không? - ông Diêu nhìn quanh. - Tất cả như trong mộng寐?" - ông đứng dậy nhìn lên vách núi bàng hoàng. Phía núi đá ngược chiều Hõm Chết, bầu trời quang đãng không hề vương gợn sương mù, tất cả cảnh vật lộ rõ từng đường nét.

Có tiếng kêu thảng thốt. Ông Diều trông lên thì bỗng thấy con khỉ đực bị thương nằm vắt ở trên mỏm đá. Không thấy con khỉ cái. Ông mừng quá tìm hướng leo lên. Núi đá dốc và trơn. Leo lên nguy hiểm và vất vả lắm. Ông Diều lượm sỏi: "Nhưng dù thế nào thì ta cũng phải tóm được chú mày"! Ông Diều bình tĩnh bám vào các khe đá nứt leo lên. Được khoảng chục mét, ông Diều thấy nóng bừng người. Lựa chỗ đứng thuận tiện, ông cởi bỏ giày và quần áo ngoài để lên một chạc cây duối. Trên mình mỗi chiếc quần lót, ông thấy thoải mái. Ông leo thoăn thoắt và càng không ngờ sức mình có thể nhanh nhẹn dẻo dai đến thế. Con khỉ đực bị thương nằm trên ngọn đá phẳng lì và khá chông chênh. Dưới phiến đá, một khe nứt rộng đến gang tay tách nó ra khỏi vách núi. Ông Diều rùng mình, cảm tưởng như bất cứ lúc nào tảng đá cũng có thể lật nhào khỏi vị trí ấy làm ông kinh hãi. Thiên nhiên oái oăm lại muốn thử thách thêm lòng dũng cảm của ông sao đó. Ông Diều lấy hai cùi tay làm tựa để co người lên. Con khỉ tuyệt đẹp, lông mịn và vàng. Nó nằm sấp mình, hai tay cào trên phiến đá như muốn tìm cách nhích lên. Máu đỏ bết bên vai nó. Ông Diều đặt tay lên mình con khỉ và thấy nó nóng hằm hạp. "Để đến hơn yển..." ông Diều luồn tay xuống dưới ngực con khỉ nâng lên ước lượng. Từ trong ngực nó phát ra tiếng "hừm" nho nhỏ nghe rất đáng sợ, tựa như thần Chết bực mình cáu kỉnh vì sự can thiệp của ông với nó. Ông Diều rút phất tay lại. Con khỉ run bắn, nó đưa đôi mắt đờ dại nhìn ông cầu khẩn. Ông Diều bỗng thấy thương hại. Viên đạn phá vỡ bả vai của nó, làm trồi ra hẳn đoạn xương dài đến bốn phân. Mỗi khi đoạn xương va chạm, con khỉ quần quai trông rất đau lòng.

- "Để thế không ổn!" - ông Diều vợ lấy một nắm cỏ Lào vò nát~ ông cho vào miệng nhai kỹ. Ông đắp nắm lá vào miệng vết thương con khỉ. Nắm lá sẽ có tác dụng cầm máu cho nó. Con khỉ co rúm người lại và nghiêng đôi mắt ươn ướt nhìn ông. Ông Diều tránh nhìn vào đôi mắt nó. Một lát, con khỉ rúc hẳn vào hai lòng tay ông Diều. Miệng nó phát ra âm thanh lấp bập nghe như tiếng của trẻ con. Ông biết nó đang van xin và tìm một sự giúp rập. Ông rất khó chịu. "Thà mày chống cự thì tốt cho tao, - ông Diều nhìn vào cái đầu ngoan ngoãn của con khỉ nhỏ cau mày. - Mình đâm già rồi... Nó biết người già thì dễ mũi lòng. Bây giờ tao biết lấy gì băng bó cho mày hở khỉ?" Ông Diều suy nghĩ. Ông đành cởi chiếc quần lót đang mặc. Ông dùng chiếc quần lót ấy để băng vết thương cho nó. Vết thương cầm máu, con khỉ không còn rên nữa.

Cứ thế trần truồng, ông Diều vừa bế vừa đỡ con khỉ tìm đường tụt xuống chân núi. Thoắt nhiên, đất đá từ lưng chừng núi sục xuống rào rào như có sức mạnh nào đẩy xô đẩy.

Núi lở!

Ông Diều thót mình và bám thật chặt vào tảng đá kinh hãi. Đoạn đường mà ông leo lên lúc nãy loáng cái chỉ còn một vết chém thẳng phẳng lì. Ông Diều không còn thấy cây duối để quần và giày đâu nữa. Đi xuống đường ấy bây giờ thật nguy hiểm. Đành phải vòng ra sau núi. Xa hơn nhưng lại an toàn.

Ông Diều lần mò đến hơn hai tiếng đồng hồ mới xuống được đến chân núi. Thật chưa bao giờ ông lại vất vả và mệt đến thế. Người ông đầy vết xây xước. Con khỉ sống không ra sống, chết không ra chết. Kéo nó trên đất thì quá đau lòng, mà bế ẵm nó trên tay thì không đủ sức. Đến chỗ lùm cây leo nắp chờ ban sáng, ông Diều dừng lại để tìm mũ áo và nắm xôi nếp. ở đáy đùn lên một đồng mối to gần bằng cây rạ. Đồng mối nhớp nháp một thứ đất mới đổ au, trên đấy đầy những cánh mối ướt rụi. Khốn nạn, đây vào tổ mối thì những đồ vật của ông thành cám! Thở dài thất vọng, ông Diều quay lại bế con khỉ lên.

"Chẳng lẽ lại cứ nòng nống thế này về nhà thì thật khả ố - ông Diều bực mình. - Mình sẽ thành một trò cười cho thiên hạ mất..." ông cứ vừa đi vừa nghĩ và đâm loanh quanh một lúc mới nhận ra con đường. "Thì đã sao nào - ông bỗng bật cười. - Hỏi ai bắt được con khỉ thế này? Phải yển rươi thịt... Lông vàng như nhuộm... Bắt được con vật như thế

này thì dấu mảnh giáp không còn cũng đáng! Có tiếng động khẽ đằng sau. Ông Diều giật mình quay lại và nhận ra con khỉ cái. Thấy ông, nó thoát biến vào bụi rậm. Hóa ra con khỉ cái theo ông từ khi ông ở trên núi mà ông không biết. Ông thấy là lạ. Đi được một quãng, ông Diều quay lại thì vẫn thấy nó leo đèo đằng sau. Thật khốn nạn quá! Ông Diều đặt con khỉ đực xuống đất rồi nhặt đất đá đuổi con khỉ cái. Nó kêu the thé rồi chạy biến đi. Chỉ được một lúc, ông Diều ngó lại thì vẫn thấy nó lẩn g nhặng bám theo. Cái bộ ba ấy cứ thế làm lủi xuyên rừng. Con khỉ cái cũng thật kiên trì. Ông Diều bỗng thấy bị xúc phạm ghê gớm. Tựa như ông bị theo dõi, bị đòi ăn vạ.

Bây giờ, cả con khỉ đực cũng đã nhận ra tín hiệu vẫy gọi của đồng loại nó. Nó cứ giãy giụa, nó làm cho ông khổ vô cùng. Ông Diều mệt lả, ông không còn sức giữ con khỉ nữa. Hai tay con khỉ cào trên ngực ông tóe máu. Cuối cùng, không thể chịu nổi, ông đành tức giận ném nó xuống đất. Con khỉ đực nằm dài trên vạt cỏ ướt. Ông Diều buồn bã ngồi nhìn. Cách đó không xa, con khỉ cái cũng thập thò sau một gốc cây theo dõi. Ông Diều thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khỉ và thấy cay cay sống mũi. Hóa ra ở đời, trách nhiệm đè lên lưng mỗi sinh vật quả thật nặng nề. "Thôi tao phóng sinh cho mày!" - Ông Diều ngồi yên một lát rồi bỗng đứng dậy nhỏ bãi nước bọt xuống dưới chân mình. Lưng lự giây phút rồi ông vội vã bỏ đi. Hình như chỉ chờ có thế, con khỉ cái vọt ngay ra khỏi chỗ nấp, chạy vội đến chỗ con khỉ đực nằm.

Ông Diều rẽ sang một lối đi khác. Ông muốn tránh sẽ gặp người. Lối này đầy những bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyền nhiều không kể xiết. Ông Diều dừng lại sửng sờ. Loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này mà u trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc.

Ra khỏi thung lũng, ông Diều đi xuống cánh đồng. Mưa xuân dịu dàng nhưng rất mau hạt. Ông cứ trần truồng như thế, cô đơn như thế mà đi. Chỉ một lát sau, bóng ông nhòa vào màn mưa.

Chỉ ít ngày nữa sang tiết Lập hạ. Trời sẽ ấm dần.